

BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI

Quyển 1

(Phần lập quy)

Thiên I

Hành vi thương mại

Điều L110-1

Theo quy định pháp luật, là hành vi thương mại:

1. Mua động sản để bán lại như hiện trạng ban đầu hoặc sau khi đã tiến hành gia công và sử dụng;
2. Mua bất động sản với mục đích bán lại trừ khi bên mua tiến hành xây dựng một hoặc nhiều căn nhà trên bất động sản đó và bán từng căn nhà hoặc cả khu nhà đó;
3. Hành vi trung gian cho việc mua, ký gửi hoặc bán các loại bất động sản, sản nghiệp thương mại, cổ phần hoặc phần đóng góp trong các công ty bất động sản;
4. Cho thuê động sản;
5. Chế tạo, đại diện, đại lý thương mại, vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ hoặc đường thủy;
6. Cung cấp hàng hoá, đại lý, văn phòng kinh doanh, đấu giá nhà nước, biểu diễn công cộng;
7. Các hoạt động hối đoái, ngân hàng và môi giới;
8. Hoạt động ngân hàng nhà nước;
9. Nghĩa vụ giữa người đại lý, người bán lẻ và ngân hàng;
10. Hối phiếu.

Điều 110-2

Luật cũng quy định là hành vi thương mại:

1. Xây dựng, mua, bán và bán lại các loại tàu thủy và tàu biển;
2. Vận chuyển hàng hải;
3. Mua, bán các loại nguyên vật liệu dùng cho tàu biển;
4. Hợp đồng cho thuê tàu, vay hoặc cho vay có bảo đảm bằng hàng hoá được vận chuyển bằng đường thủy;
5. Hợp đồng bảo hiểm và các loại hợp đồng khác liên quan đến thương mại bằng đường biển;
6. Các thỏa thuận về tiền lương và tiền thuê thủy thủ đoàn;
7. Cam kết của thủy thủ về việc phục vụ trên tàu.

Điều L110-3

Đối với thương nhân, hành vi thương mại có thể được chứng minh bằng mọi phương tiện trừ khi pháp luật có các quy định khác.

Điều L110- 4

I- Nghĩa vụ giữa các thương nhân với nhau hoặc giữa thương nhân và các bên không phải là thương nhân phát sinh từ hoạt động thương mại có thời hiệu trong 10 năm nếu các nghĩa vụ này không phải tuân thủ các thời hiệu đặc thù ngắn hơn.

II- Thời hiệu đối với quyền yêu cầu trả tiền:

1. Đối với việc cung cấp lương thực cho thủy thủ theo yêu cầu của thuyền trưởng, thời hiệu là 1 năm sau khi giao hàng;
2. Đối với việc cung cấp vật liệu và các yếu tố khác phục vụ cho việc đóng tàu, lắp đặt trang thiết bị và cung cấp nguyên liệu cho tàu thủy, tàu biển, thời hiệu là 1 năm sau khi cung cấp hàng hoá;
3. Đối với các công trình xây dựng, thời hiệu yêu cầu trả tiền là 1 năm sau khi nghiệm thu công trình.

III. Yêu cầu trả lương cho sĩ quan, thủy thủ và các thành viên khác trong thủy thủ đoàn có thời hiệu là 5 năm theo quy định tại Điều 2277 Bộ luật Dân sự.

Thiên II

Thương nhân

Chương I

ĐỊNH NGHĨA VÀ CHẾ ĐỊNH

Mục I

TU CÁCH THƯƠNG NHÂN

Điều L121-1

Thương nhân là người thực hiện hành vi thương mại thường xuyên, như một nghề nghiệp.

Điều L121-2

Người chưa thành niên, kể cả người chưa thành niên được quyền tự lập, không được coi là thương nhân.

Điều L121-3

Vợ hoặc chồng của thương nhân chỉ được coi là thương nhân nếu người đó cũng thực hiện một hoạt động thương mại riêng biệt với hoạt động của chồng hoặc vợ mình.

Mục II

VỢ CHỒNG CỦA CHỦ THỦ CÔNG VÀ THƯƠNG NHÂN LÀM VIỆC TRONG DOANH NGHIỆP GIA ĐÌNH

Điều L121-4

I. Vợ hoặc chồng của người đứng đầu một doanh nghiệp thủ

công mỹ nghệ hoặc thương mại có thể làm việc trong doanh nghiệp đó, nhất là với danh nghĩa:

1. Đối tác ghi trong đăng ký kinh doanh, trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ hoặc trong sổ đăng ký doanh nghiệp do Phòng quản lý nghề thủ công mỹ nghệ Alsace và Moselle giữ;

2. Người lao động;

3. Thành viên trong doanh nghiệp.

II. Vợ hoặc chồng có những quyền lợi và nghĩa vụ nghề nghiệp cũng như xã hội tương ứng với từng vị trí trong doanh nghiệp.

Điều L121-5

Trong trường hợp vợ hoặc chồng làm việc trong doanh nghiệp, nếu không có sự đồng ý của người đó, bất kỳ người nào đã đăng ký trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ hoặc thương nhân không thể chuyển nhượng, xác lập vật quyền hoặc cho thuê các yếu tố của sản nghiệp thương mại hoặc của doanh nghiệp thủ công mỹ nghệ phụ thuộc vào chế độ tài sản chung của hai vợ chồng nếu, do quy mô và bản chất, các yếu tố này cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu không được sự đồng ý rõ ràng của vợ hoặc chồng, các đối tượng nêu trên cũng không được nhận các khoản vốn thu được từ các hoạt động đó.

Vợ hoặc chồng không chấp nhận các hoạt động nêu trên có thể yêu cầu huỷ các hành vi đó. Thời hiệu yêu cầu huỷ các hành vi nêu trên là 2 năm kể từ ngày vợ hoặc chồng được biết về các hành vi đó, nhưng không được quá 2 năm sau khi chấm dứt chế độ tài sản chung của cả hai vợ chồng.

Điều L121-6

Vợ hoặc chồng là cộng tác ghi trong sổ đăng ký kinh doanh, trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ hoặc trong sổ đăng ký doanh nghiệp của Phòng quản lý nghề thủ công mỹ nghệ Alsace và Moselle được coi là được người đứng đầu doanh

nghiệp uỷ quyền thực hiện các công việc quản lý liên quan đến nhu cầu của doanh nghiệp.

Vợ hoặc chồng đều có thể chấm dứt suy đoán uỷ quyền bằng một tuyên bố thực hiện trước công chứng viên với sự có mặt của người kia hoặc bắt buộc được mời đến, tương tự như trường hợp uỷ quyền hết hiệu lực. Đối với người thứ ba, thông báo đó có hiệu lực 3 tháng sau khi thông báo này được đưa vào sổ đăng ký kinh doanh, sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ hoặc sổ đăng ký doanh nghiệp do Phòng quản lý nghề thủ công mỹ nghệ Alsace và Moselle giữ. Trong trường hợp không tiến hành thủ tục này, thông báo đó chỉ có hiệu lực đối với những người thứ ba khi có cơ sở để cho rằng những người này đều biết về thông báo đó.

Suy đoán uỷ quyền cũng mặc nhiên chấm dứt trong trường hợp suy đoán là không có vợ hoặc chồng, trong trường hợp ly thân hoặc trong trường hợp chia tài sản theo quyết định của toà án hoặc khi không đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II

THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

Điều L122-1

Nghiêm cấm người nước ngoài tiến hành trên lãnh thổ Cộng hoà Pháp các hoạt động thương mại, công nghiệp hoặc thủ công mỹ nghệ khi không có thẻ ghi nhận “thương nhân” do người đứng đầu cơ quan hành chính tỉnh nơi người đó dự định thực hiện các hoạt động kinh doanh cấp.

Điều L122-2

Mọi hành vi vi phạm Điều L122-1 và các quy định của Nghị định hướng dẫn thi hành theo Điều L122-4 bị phạt tù 6 tháng

và kèm theo khoản phạt tiền 3750 euro (25 000 franc). Trong trường hợp tái phạm, hình phạt tăng lên gấp đôi. Ngoài ra, toà án có thể ra quyết định đóng cửa cơ sở đó.

Điều L122-3

I. Các quy định tại Điều L122-1 và L122-2 không áp dụng đối với những người mang quốc tịch của một trong các quốc gia thành viên Cộng đồng châu Âu hoặc mang quốc tịch của một quốc gia tham gia Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu, khi người đó tiến hành các hoạt động vì lợi ích của chính mình hoặc vì lợi ích của một đối tượng khác cũng có quốc tịch của các quốc gia nêu trên hoặc vì lợi ích của một công ty được thành lập theo pháp luật của một quốc gia là thành viên của các tổ chức nêu trên và công ty đó có trụ sở điều lệ, trụ sở hành chính hoặc cơ sở chính tại một trong các quốc gia đó.

II. Tuy nhiên, nếu một người nước ngoài hoặc một công ty quy định tại Khoản I tiến hành mở đại lý, chi nhánh hoặc công ty con hoặc tiến hành dịch vụ trên lãnh thổ nước Cộng hoà Pháp, các quy định tại Phần I chỉ được áp dụng với điều kiện:

1. Người nước ngoài sống tại một quốc gia thành viên của Cộng đồng châu Âu hoặc tại một quốc gia tham gia Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu;

2. Hoạt động của công ty có mối liên hệ thực tế và liên tục với nền kinh tế của một trong các quốc gia là thành viên của Cộng đồng châu Âu hoặc tham gia Hiệp định về không gian kinh tế châu Âu nếu công ty chỉ có trụ sở điều lệ tại một quốc gia nằm trong các thể chế nêu trên.

Điều L122-4

Nghị định của Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành các quy định tại chương này.

Chương III

NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA THƯƠNG NHÂN

Mục I

ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Tiểu mục I

NHỮNG NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều L123-1

I. Thông qua khai báo, các đối tượng sau sẽ có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh:

1. Thể nhân có tư cách thương nhân ngay cả khi những người này phải đăng ký trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ;
2. Công ty và nhóm lợi ích kinh tế có trụ sở đặt tại một tỉnh của nước Pháp và có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 1842 Bộ luật Dân sự hoặc Điều L251-4 của Bộ luật này;
3. Công ty thương mại không có trụ sở tại một tỉnh nhưng có một cơ sở đặt tại một trong các tỉnh của Pháp;
4. Tổ chức công nghiệp hoặc thương mại công của Pháp;
5. Pháp nhân mà đăng ký kinh doanh được pháp luật quy định;
6. Đại diện thương mại hoặc chi nhánh thương mại của các nhà nước, đơn vị, tổ chức nhà nước của nước ngoài đặt tại một tỉnh của Pháp.

II. Nhằm mục đích cung cấp thông tin cho mọi người, sổ đăng ký kinh doanh phải bao gồm các đăng ký, giấy tờ tài liệu quy định trong Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ.

Điều L123-2

Những đối tượng không đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình không được phép đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, các pháp nhân phải hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều L123-3

Trường hợp một thương nhân là thể nhân không tiến hành đăng ký kinh doanh trong thời hạn quy định, tự thẩm phán, hoặc do công tố viên bên cạnh toà sơ thẩm, hoặc do bất kỳ người nào có lợi ích liên quan yêu cầu đưa ra một quyết định buộc thương nhân đó tiến hành đăng ký kinh doanh.

Cũng trong những điều kiện đó, thẩm phán có thể yêu cầu bất cứ người nào đã đăng ký vào sổ đăng ký kinh doanh nhưng không đăng ký trong thời hạn quy định phải tiến hành bổ sung hoặc điều chỉnh trong sổ đăng ký kinh doanh; trong trường hợp lời khai không chính xác hoặc không đầy đủ, phải tiến hành những bổ sung hoặc điều chỉnh các lời khai hoặc phải tiến hành xoá đăng ký đó.

Nếu thư ký toà án ra quyết định yêu cầu một người phải tiến hành đăng ký kinh doanh thì phải thông báo quyết định đó cho thư ký Toà Thương mại nơi đương sự có trụ sở hoặc cơ sở chính. Thư ký Toà Thương mại nhận được quyết định sẽ yêu cầu một thẩm phán giám sát công việc đăng ký.

Điều L123-4

Bất kỳ người nào có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh, bổ sung, thay đổi hoặc xoá đăng ký kinh doanh nhưng không chấp hành yêu cầu nêu trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định của thẩm phán chịu trách nhiệm về giám sát đăng ký kinh doanh mà không có lý do xác đáng sẽ bị phạt 3750 euro.

Ngoài ra, Toà Thương mại có thể truất quyền bầu cử và ứng cử của đương sự trong thời hạn không quá 5 năm tại những kỳ bầu cử của Toà Thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp và các hội đồng hoà giải tranh chấp lao động.

Toà Thương mại sẽ yêu cầu tất cả các đăng ký kinh doanh, bổ sung thay đổi hoặc xoá đăng ký kinh doanh có trong sổ đăng ký kinh doanh phải được thực hiện trong thời hạn cụ thể theo yêu cầu của người có liên quan.

Điều L123-5

Trong quá trình đăng ký kinh doanh, xoá đăng ký hoặc bổ sung thay đổi, nếu người có liên quan không thiện chí đưa ra những thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ sẽ bị phạt tiền 4 500 euro và bị phạt tù 6 tháng.

Các quy định tại Khoản 2 và 3 của Điều L123-4 được áp dụng cho các trường hợp quy định trong điều này.

Điều L123-5-1

Theo yêu cầu của đương sự hoặc của Viện công tố, Chánh án Tòa Thương mại sẽ yêu cầu theo trình tự cấp thẩm người đứng đầu pháp nhân tiến hành nộp các giấy tờ tài liệu cho nơi đăng ký kinh doanh, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý pháp nhân theo quy định của pháp luật. Nếu người đứng đầu pháp nhân không tiến hành nộp các giấy tờ tài liệu này sẽ bị phạt tiền.

Với những điều kiện và mục đích như vậy, Chánh án Tòa Thương mại có thể uỷ quyền cho một người khác thực hiện các thủ tục đó.

Tiểu mục II

GIỮ SỔ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ HẬU QUẢ PHÁP LÝ CỦA ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều L123-6

Thư ký Tòa Thương mại có nghĩa vụ giữ sổ đăng ký kinh doanh dưới sự giám sát của Chánh án hoặc một thẩm phán được chỉ định chịu trách nhiệm về việc đó. Chánh án hoặc thẩm phán được chỉ định có thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện giữa người có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh và thư ký.

Điều L123-7

Việc một thể nhân tiến hành đăng ký kinh doanh có thể suy luận rằng người đó có tư cách thương nhân. Tuy nhiên, suy luận này không có giá trị đối với người thứ ba hoặc các cơ quan nhà

nước nếu họ có thể đưa ra chứng cứ ngược lại. Người thứ ba hoặc các cơ quan nhà nước không được chấp nhận sử dụng suy luận nếu họ đã biết rằng người đăng ký kinh doanh không phải là một thương nhân.

Điều L123-8

Người có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh nhưng không đăng ký trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động, cho đến khi đăng ký, không thể sử dụng tư cách thương nhân đối với người thứ ba hoặc các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, người đó không thể viện dẫn việc không đăng ký vào sổ đăng ký kinh doanh để trốn tránh những trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của một thương nhân.

Không ảnh hưởng đến việc áp dụng Điều L144-7, để tránh những khiếu kiện liên quan đến trách nhiệm phát sinh từ những nghĩa vụ cam kết với người thừa hưởng việc kinh doanh sản nghiệp, thương nhân đã đăng ký kinh doanh nhưng tiến hành nhượng lại sản nghiệp hoặc nhượng lại việc kinh doanh sản nghiệp đó dưới hình thức cho thuê kinh doanh chỉ có thể viện dẫn việc chấm dứt hoạt động thương mại của mình kể từ thời điểm xoá đăng ký kinh doanh hoặc một hành vi tương ứng được thực hiện.

Điều L123-9

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, người có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh chỉ có thể viện dẫn những sự kiện và hành vi đối với người thứ ba và các cơ quan công quyền khi những sự kiện và hành vi này được công bố trong đăng ký kinh doanh, tuy nhiên người thứ ba và các cơ quan công quyền có thể sử dụng những sự kiện và hành vi đó.

Ngoài ra, người có nghĩa vụ nộp các giấy tờ, tài liệu vào phần phụ lục của sổ đăng ký chỉ có thể viện dẫn những giấy tờ này đối với người thứ ba và các cơ quan công quyền nếu thực

hiện thủ tục đó. Tuy nhiên, những người thứ ba hoặc cơ quan công quyền có thể sử dụng các giấy tờ đó.

Các quy định tại các khoản trên đây áp dụng cho các sự kiện và giấy tờ cần phải nêu hoặc nộp ngay cả khi các sự kiện và giấy tờ đó được công bố một cách hợp pháp dưới một hình thức khác. Tuy nhiên, người thứ ba và các cơ quan công quyền không thể viện dẫn các sự kiện và giấy tờ mà họ đã tự biết.

Điều L123-9-1

Thư ký của toà hoặc tổ chức quy định tại khoản cuối cùng của Điều 2 Luật số 94-126 ngày 11 tháng 2 năm 1994 về sáng kiến và về doanh nghiệp tư nhân cấp miễn phí giấy chứng nhận đã nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp cho mọi đối tượng có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh ngay khi đối tượng đó nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh đầy đủ. Chứng nhận này cho phép thể nhân có tư cách thương nhân hoặc thể nhân hoạt động với tư cách doanh nghiệp đang được thành lập hoàn thành các thủ tục cần thiết tại các tổ chức nhà nước và tư nhân chịu trách nhiệm về việc dịch vụ công. Trong chứng nhận có mục: “đang chờ đăng ký”.

Nghị định của Chính phủ có trách nhiệm quy định các điều kiện áp dụng điều này.

Tiểu mục III

ĐỊA CHỈ CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Điều L123-10

Thể nhân có yêu cầu đăng ký vào sổ đăng ký kinh doanh hoặc vào sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ phải khai báo địa chỉ của doanh nghiệp mình và chứng minh được quyền sử dụng nơi đó.

Thể nhân đó có thể khai báo địa chỉ thường trú và được tiến hành ở đó một hoạt động kinh doanh nếu không có quy định pháp luật hoặc hợp đồng nào khác quy định ngược lại.

Trong trường hợp thể nhân không có trụ sở cố định thì có

thể khai báo địa chỉ thường trú với danh nghĩa đó là địa chỉ đặc biệt của doanh nghiệp. Việc khai báo này không làm thay đổi mục đích sử dụng của nơi ở và cũng không kéo theo việc áp dụng quy chế về việc cho thuê bất động sản vào mục đích thương mại.

Điều L123-11

Mọi pháp nhân có yêu cầu đăng ký vào sổ đăng ký kinh doanh phải chứng minh rằng họ có quyền sử dụng, toàn bộ hoặc sử dụng chung với các doanh nghiệp khác, nơi đặt trụ sở của doanh nghiệp, nếu trụ sở doanh nghiệp ở nước ngoài thì phải chứng minh quyền sử dụng đối với những nơi được làm đại lý, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện đặt trên lãnh thổ Pháp.

Việc xác định địa chỉ một doanh nghiệp trong một khu nhà có nhiều doanh nghiệp khác cùng đặt trụ sở được quy định cụ thể bằng một Nghị định của Chính phủ. Ngoài ra, Nghị định này cũng quy định cụ thể về trang thiết bị và dịch vụ để chứng minh trụ sở của doanh nghiệp thực sự được đặt tại nơi đó.

Ghi chú: Luật số 2003-721 ngày 1 tháng 8 năm 2003, Khoản II Điều 6: Các quy định này được áp dụng đối với các doanh nghiệp đã đăng ký trong sổ đăng ký kinh doanh hoặc đã đăng ký trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ vào ngày ban hành Luật số 2003-721 ngày 1 tháng 8 năm 2003.

Điều L123-11-1

Pháp nhân xin đăng ký vào sổ đăng ký kinh doanh được phép đặt trụ sở tại địa chỉ thường trú của người đại diện hợp pháp và được phép tiến hành kinh doanh tại đó trừ trường hợp có các quy định pháp luật và hợp đồng quy định ngược lại.

Trường hợp pháp nhân đó phải tuân thủ các quy định pháp luật hoặc hợp đồng nêu tại khoản trên, người đại diện hợp pháp có thể đặt trụ sở doanh nghiệp tại địa chỉ thường trú của mình trong thời hạn không quá 5 năm kể từ ngày thành lập doanh nghiệp và cũng không quá thời hạn do pháp luật, theo hợp đồng hoặc do Tòa án Tư pháp quy định.

Trong trường hợp đó, trước khi gửi đơn đăng ký kinh doanh, pháp nhân phải thông báo bằng văn bản cho người cho thuê, cho nghiệp đoàn những người đồng sở hữu hoặc đại diện của toàn bộ bất động sản về ý định sử dụng toà nhà đó.

Trước khi thời hạn nêu tại Khoản 2 kết thúc, nếu không muốn mặc nhiên bị xoá đăng ký thì pháp nhân phải thông báo cho phòng thư ký của toà các yếu tố chứng minh việc thay đổi tình trạng sử dụng của nơi ở theo các phương thức quy định trong Nghị định của Chính phủ.

Việc áp dụng các quy định của điều này không làm thay đổi mục đích sử dụng của toà nhà cũng như không kéo theo việc áp dụng quy chế về việc cho thuê bất động sản vào mục đích thương mại.

Ghi chú: Theo Luật số 2003-721 ngày 1 tháng 8 năm 2003, Khoản II Điều 6: Các quy định này được áp dụng đối với các doanh nghiệp đã đăng ký tại sổ đăng ký kinh doanh hoặc tại sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ vào ngày ban hành Luật số 2003-721 ngày 1 tháng 8 năm 2003, Khoản II Điều 6.

Mục II

SỔ SÁCH KẾ TOÁN CỦA THƯƠNG NHÂN

Tiểu mục I

NHỮNG NGHĨA VỤ VỀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO MỌI THƯƠNG NHÂN

Điều L123-12

Mọi thể nhân hoặc pháp nhân có tư cách thương nhân đều phải tiến hành ghi sổ sách kế toán cho mọi hoạt động liên quan đến tài sản của doanh nghiệp. Các hoạt động này được ghi vào sổ sách kế toán theo thứ tự ngày tháng.

Thể nhân hoặc pháp nhân có tư cách thương nhân phải kiểm tra sự tồn tại và giá trị của các yếu tố có và nợ trong tài

sản của doanh nghiệp ít nhất mỗi năm một lần thông qua việc kiểm kê.

Thế nhân hoặc pháp nhân có tư cách thương nhân phải tiến hành lập báo cáo tài chính năm sau khi kết thúc niên khoá tài chính dựa vào các hoạt động ghi sổ sách kế toán và kiểm kê. Báo cáo tài chính năm bao gồm bảng tổng kết, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và phần phụ lục, tất cả tạo thành một khối tài liệu thống nhất.

Điều L123-13

Bảng tổng kết mô tả riêng rẽ các yếu tố có và các yếu tố nợ của doanh nghiệp và làm xuất hiện rõ ràng các khoản vốn riêng của doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng kết lại tất cả các khoản thu và chi của mỗi niên khoá tài chính nhưng không tính đến ngày tháng thu hoặc chi. Con số chênh lệch sau khi đã trừ đi các khoản khấu hao và dự phòng chính là lợi nhuận hoặc khoản lỗ của niên khoá tài chính đó. Các khoản thu hoặc chi được sắp xếp theo từng mục phải được trình bày dưới hình thức bảng biểu hoặc dưới hình thức danh sách.

Các khoản cam kết của doanh nghiệp trong lĩnh vực trợ cấp, phụ cấp nghỉ hưu, các khoản bồi thường hoặc trợ cấp trong trường hợp nghỉ hưu hoặc các khoản lợi nhuận tương tự của thành viên nhân sự của doanh nghiệp, của đại diện doanh nghiệp được mô tả trong phần phụ lục. Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể quyết định ghi vào bảng tổng kết tài sản dưới hình thức dự phòng các khoản tương ứng với toàn bộ hoặc một phần các cam kết nêu trên.

Phần phụ lục bổ sung và giải thích các thông tin nêu trong bảng tổng kết tài sản và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Điều L123-14

Báo cáo tài chính năm phải được lập thường xuyên, trung

thực và phản ánh đúng hiện trạng tài sản, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Trong trường hợp áp dụng một thời hạn kế toán không phản ánh một cách trung thực các nội dung nêu tại Khoản 1 thì trong phần phụ lục cần đưa thêm các thông tin bổ sung.

Trong trường hợp đặc biệt, việc áp dụng một thời hạn kế toán không phù hợp để phản ánh một cách trung thực hiện trạng tài sản, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh thì thời hạn đó không được áp dụng. Việc không áp dụng này phải đưa vào phần phụ lục có giải thích rõ lý do và chỉ ra ảnh hưởng của việc áp dụng thời kỳ này đối với việc đánh giá hiện trạng tài sản, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều L123-15

Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và phần phụ lục phải bao gồm đầy đủ các mục và chương cần thiết để có thể phản ánh một cách trung thực hiện trạng tài sản, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi một chương trong bảng tổng kết tài sản và trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải bao gồm chỉ dẫn về số liệu liên quan đến chương tương ứng của niên khoá tài chính trước đó.

Việc sắp xếp các nội dung trong bảng tổng kết tài sản và trong báo cáo kết quả kinh doanh, các nội dung về vốn riêng cũng như các nội dung được đưa vào phần phụ lục được quy định bằng Nghị định của Chính phủ.

Điều L123-16

Thương nhân, dù là pháp nhân hoặc thể nhân, có thể áp dụng hình thức trình bày báo cáo tài chính một cách đơn giản hoá nếu vào thời điểm kết thúc niên khoá tài chính các số liệu không vượt quá các chỉ số được quy định trong Nghị định của

Chính phủ về hai chỉ tiêu sau: tổng số các mục trong bảng tổng kết tài sản, doanh thu ròng hoặc số lượng người lao động trung bình được sử dụng trong suốt niên khoá tài chính. Thương nhân sẽ mất quyền áp dụng phương pháp này nếu không đáp ứng được các điều kiện nêu trên đây trong hai năm tài chính liên tục.

Điều L123-17

Trừ khi có sự thay đổi bất thường xảy ra đối với thương nhân, thương nhân dù là pháp nhân hoặc thể nhân không thể thay đổi hình thức lập báo cáo tài chính cũng như các phương pháp đánh giá đối với các năm tài chính khác nhau. Trong trường hợp có thay đổi thì phải trình bày và giải thích lý do thay đổi trong phần phụ lục.

Điều L123-18

Tại thời điểm ghi sổ tài sản doanh nghiệp, các tài sản đã mua được ghi theo giá mua, các tài sản có được mà không phải trả tiền được ghi theo giá trị trao đổi của tài sản, đối với tài sản do doanh nghiệp sản xuất ra ghi theo giá thành sản xuất.

Giá đánh lại của tài sản cố định phải tính đến các khoản khấu hao (nếu có). Nếu giá trị của tài sản thấp hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán thì giá trị trên còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản đó sẽ được giảm bằng với giá trị đánh lại của tài sản vào thời điểm kết thúc niên khoá, dù cho giá trị bị giảm là giá trị cuối cùng hay không.

Giá trị của các vật cùng loại được xác định hoặc theo giá mua trung bình hoặc chi phí sản xuất trung bình hoặc theo nguyên tắc nhập trước xuất trước.

Nếu giá đánh lại của một tài sản lớn hơn giá trị đầu vào của tài sản (nguyên giá) thì phần chênh lệch đó không được hạch toán. Nếu tiến hành đánh giá lại toàn bộ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định tài chính, khoản chênh lệch giữa giá trị hiện thời và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán không được dùng

để bù lỗ; phần chênh lệch này được ghi riêng vào bên nợ trong bảng tổng kết tài sản.

Điều L123-19

Các nội dung có và nợ được đánh giá một cách riêng rẽ.

Không thể tiến hành việc bù cho nhau giữa các khoản có và nợ trong bảng tổng kết tài sản cũng như các khoản chi và thu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bảng tổng kết tài sản lập vào đầu niên khoá tài chính phải giống với bảng tổng kết tài sản lập vào cuối niên khoá tài chính trước đó.

Điều L123-20

Báo cáo tài chính năm phải tôn trọng nguyên tắc cẩn trọng. Dựa vào việc lập báo cáo tài chính năm có thể suy đoán rằng thương nhân là pháp nhân hoặc thể nhân vẫn đang hoạt động kinh doanh.

Ngay cả trong trường hợp không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ thì vẫn phải tiến hành khấu hao tài sản hoặc dự phòng cần thiết.

Cần tính đến các rủi ro và thua lỗ của niên khoá tài chính đó hoặc niên khoá tài chính trước ngay cả khi các rủi ro hoặc thua lỗ đó được ghi nhận trong khoảng thời gian giữa ngày kết thúc niên khoá tài chính và ngày lập báo cáo tài chính.

Điều L123-21

Chỉ các khoản lãi thu được vào ngày kết thúc niên khoá tài chính mới có thể được đưa vào báo cáo tài chính năm. Sau khi tiến hành kiểm kê, có thể đưa vào báo cáo tài chính mọi khoản lãi thu được nhờ việc đối tác thực hiện và chấp nhận một phần công việc nếu việc thu khoản lãi là chắc chắn sẽ xảy ra và, bằng các tài liệu kế toán tạm thời, có thể đánh giá tương đối chắc chắn tổng lãi thu được từ công việc đó.

Điều L123-22

Các sổ sách kế toán phải sử dụng đồng euro và lập bằng tiếng Pháp.

Các sổ sách kế toán và chứng từ được lưu giữ trong thời hạn 10 năm.

Các sổ sách kế toán ghi các hoạt động kế toán và kiểm kê không được để trống cũng không để bị hư hại dưới bất kỳ hình thức nào như quy định trong Nghị định của Chính phủ.

Điều L123-23

Việc thực hiện kế toán đều đặn được chấp nhận trước pháp luật như là bằng chứng cho các hoạt động thương mại mà các thương nhân đã thực hiện.

Trường hợp thương nhân không thực hiện kế toán đều đặn, thì thương nhân không thể viện dẫn kế toán để phục vụ lợi ích của mình.

Việc cung cấp các sổ sách kế toán chỉ được yêu cầu trước pháp luật trong trường hợp thừa kế, giải quyết các vấn đề liên quan đến chế độ tài sản chung của hai vợ chồng, chia công ty và trong các trường hợp phục hồi hoặc tuyên bố phá sản theo quyết định của tòa án.

Điều L123-24

Thương nhân có nghĩa vụ mở tài khoản tại một cơ sở tín dụng hoặc một văn phòng séc bưu điện.

Tiểu mục II

NHỮNG NGHĨA VỤ KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO MỘT SỐ THƯƠNG NHÂN LÀ THỂ NHÂN

Điều L123-25

Không áp dụng các quy định tại Khoản 2 và 3 Điều L123-12, nếu thể nhân lựa chọn hoặc mặc nhiên áp dụng chế độ nộp thuế

thực tế và đơn giản hoá thì có thể chỉ cần ghi các khoản có và nợ vào thời điểm kết thúc niên khoá tài chính và không cần phải lập phân phụ lục.

Điều L123-26

Không áp dụng các quy định tại Khoản 2 Điều L123-13, thể nhân có chế độ nộp thuế thực tế và đơn giản hoá theo lựa chọn hoặc mặc nhiên áp dụng có thể ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các khoản chi được thực hiện không quá 1 năm tính từ thời điểm trả tiền, trừ các khoản chi cho việc mua sắm.

Điều L123-27

Không áp dụng các quy định tại Khoản 3 Điều L123-18, thể nhân đã lựa chọn hoặc mặc nhiên áp dụng chế độ nộp thuế thực tế và đơn giản hoá có thể tiến hành đánh giá khối lượng dự trữ và sản xuất hiện hành một cách đơn giản hoá theo phương pháp quy định trong Nghị định.

Điều L123-28

Không áp dụng các quy định tại các điều L123-12 và L123-23, thể nhân áp dụng chế độ thuế của các doanh nghiệp nhỏ có thể không tiến hành lập báo cáo tài chính năm. Trong khuôn khổ do Nghị định Chính phủ quy định, thể nhân phải ghi các khoản thu và chi từng ngày, lập bảng kê vào cuối niên khoá tài chính các khoản thu và chi, nợ tài chính, các tài sản cố định và các khoản dự trữ được xác định một cách đơn giản hoá.

Tuy nhiên, khi doanh thu hàng năm của doanh nghiệp không vượt quá con số 18.293,88 euro, thể nhân đã đăng ký trong sổ đăng ký kinh doanh có thể chỉ cần có một cuốn sổ trong đó ghi chép theo trật tự ngày tháng số lượng và nguồn gốc các khoản tiền thu được từ hoạt động nghề nghiệp. Chính phủ quy định các điều kiện cụ thể cho phép áp dụng cuốn sổ kế toán đó.

Chương IV

CÔNG TY HỢP TÁC XÃ THƯƠNG NHÂN BÁN LẺ

Điều L124-1

Mục tiêu của hợp tác xã thương nhân bán lẻ là, bằng cố gắng chung của các thành viên, cải thiện điều kiện hoạt động thương mại của họ. Vì vậy, hợp tác xã thương nhân bán lẻ vì lợi ích của các thành viên có thể trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành các hoạt động sau:

1. Cung cấp cho các thành viên toàn bộ hoặc một phần hàng hoá, lương thực hoặc dịch vụ, trang thiết bị hoặc nguyên vật liệu cần thiết cho hoạt động thương mại của họ, đặc biệt thông qua việc thiết lập và duy trì các kho dự trữ hàng hoá, xây dựng, trưng dụng hoặc thuê, quản lý các cửa hàng, nhà kho riêng, tiến hành các công việc sửa chữa hoặc hiện đại hóa cần thiết đối với các cơ sở của hợp tác xã hoặc các cơ sở của các thành viên trong hợp tác xã;

2. Tập trung tất cả các hoạt động thương mại của các thành viên trong hợp tác xã vào một địa điểm, cung cấp và quản lý các dịch vụ phục vụ chung cho việc kinh doanh các hoạt động thương mại đó, xây dựng, trưng dụng hoặc thuê những bất động sản phục vụ cho hoạt động kinh doanh của hợp tác xã hoặc của các thành viên trong hợp tác xã, bảo đảm việc quản lý các hoạt động đó như quy định tại Chương V của Thiên này;

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên trong hợp tác xã và khách hàng của họ tiếp cận dễ dàng những phương tiện tài chính và tín dụng trong khuôn khổ các quy định pháp luật về hoạt động tài chính;

4. Tiến hành các hoạt động bổ sung cho các hoạt động đã nêu trên đây, đặc biệt là việc hỗ trợ cho các thành viên trong lĩnh vực quản lý về kỹ thuật, tài chính và kế toán;

5. Không áp dụng các quy định tại Điều L144-3, mua sản

ng nghiệp kinh doanh và cho một thành viên thuê kinh doanh trong thời hạn 2 tháng và phải trả lại sản nghiệp đó trong thời hạn nhiều nhất là 7 năm, nếu không sẽ phải chịu những chế tài quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều L124-15;

6. Xây dựng và thực hiện bằng mọi phương tiện một chính sách thương mại chung nhằm bảo đảm sự phát triển và hoạt động của các thành viên, cụ thể:

- Các thành viên trong hợp tác xã có thể khai thác những biến hiệu và nhãn hiệu thương mại mà hợp tác xã sở hữu hoặc có quyền hưởng dụng;

- Tiến hành các hoạt động thương mại mang tính chất quảng cáo hoặc không có tính chất quảng cáo có thể đưa ra giá áp dụng chung;

- Xây dựng các phương pháp và mô hình chung trong việc mua, sắp xếp và giới thiệu sản phẩm, thiết kế và tổ chức các hoạt động thương mại;

7. Tham gia, ngay cả với tỷ lệ đa số, vào các công ty trực tiếp hoặc gián tiếp là thành viên cùng khai thác sản nghiệp thương mại.

Điều L124-2

Hợp tác xã thương nhân bán lẻ không chấp nhận người thứ ba không phải là thành viên được hưởng các dịch vụ của hợp tác xã.

Tuy nhiên, trong những trường hợp khẩn cấp, các hợp tác xã mua bán tân được không thể từ chối cung cấp dịch vụ cho các cửa hàng tân được không phải là thành viên của hợp tác xã, cho các cơ sở khám chữa bệnh của nhà nước hoặc tư nhân nếu các cơ sở đó thường xuyên là chủ sở hữu một cửa hàng tân được.

Điều L124-3

Hợp tác xã thương nhân bán lẻ là một loại hình công ty vô danh có số vốn thay đổi, hợp tác xã được thành lập và hoạt động

theo các quy định tại Chương I, Thiên III, Quyển II Bộ luật này. Hoạt động của hợp tác xã được điều chỉnh bởi các quy định tại chương này và các quy định khác không trái với các quy định tại Thiên I và Thiên IV, Quyển II Bộ luật này và nếu không trái các quy định của Luật số 47-1775 ngày 10 tháng 9 năm 1947 về quy chế thành lập hợp tác xã. Các quy định tại Thiên I và Thiên IV, Quyển II của Bộ luật này về việc lập các khoản dự phòng hợp pháp cũng được áp dụng cho hợp tác xã loại này.

Hợp tác xã và liên minh hợp tác xã được thành lập nhằm tiến hành các hoạt động quy định tại Điều L124-1 và theo các quy định của chương này được coi là hợp tác xã thương nhân bán lẻ hoặc liên minh các hợp tác xã, và chỉ các hợp tác xã này mới được phép mang tên đó và gắn vào tên của mình.

Điều L124-4

Nếu không trái với các quy định tại Điều 3b Luật số 47-1775 ngày 10 tháng 9 năm 1947 về quy chế thành lập hợp tác xã thì mọi thương nhân hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ thường xuyên hoạt động trên lãnh thổ của một nước thuộc Cộng đồng châu Âu hoặc của một nước thuộc Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu đều có thể trở thành thành viên của các hợp tác xã thương nhân. Tương tự đối với các hợp tác xã chịu sự điều chỉnh của các quy định của chương này và các doanh nghiệp vừa đăng ký trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ vừa đăng ký trong sổ đăng ký kinh doanh. Các hợp tác xã chịu sự điều chỉnh của các quy định của chương này có thể chấp nhận các thể nhân hoặc pháp nhân có liên quan là thành viên vì hoạt động kinh doanh và khả năng của các đối tượng đó.

Hợp tác xã thương nhân bán lẻ tiến hành các hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều L124-1 có thể chấp nhận mọi pháp nhân hoặc thể nhân nêu tại Điều L125-1 là thành viên của mình.

Điều L124-5

Các hợp tác xã thương nhân bán lẻ được quy định trong

chương này có thể kết hợp với nhau để thành lập liên minh có cùng những mục đích hoạt động quy định tại Điều L124-1.

Việc thành lập và hoạt động của các liên minh này cũng phải tuân theo những quy định áp dụng đối với hợp tác xã thương nhân. Khoản 2 Điều 9 Luật ngày 10 tháng 9 năm 1947 về quy chế hợp tác được áp dụng đối với các liên minh này.

Liên minh các hợp tác xã bán lẻ chỉ bao gồm những hợp tác xã bán lẻ và thành viên của nó. Thương nhân bán lẻ, thành viên của hợp tác xã tham gia vào liên minh, trực tiếp được hưởng các dịch vụ của liên minh đó.

Các hợp tác xã thương nhân bán lẻ và liên minh hợp tác xã có thể liên kết với các hợp tác xã và liên minh khác để thành lập liên minh hỗn hợp.

Liên minh hợp tác xã quy định tại Điều này có thể có dưới bảy thành viên. Đây là trường hợp ngoại lệ của quy định tại Điều L225-1.

Điều L124-6

Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát là cá nhân có tư cách thành viên hợp tác xã hoặc có tư cách là chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên ban giám đốc hoặc người quản lý của một công ty có tư cách thành viên hợp tác xã.

Các chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát không được trả thù lao và chỉ được hưởng tiền đền bù các chi phí bỏ ra nếu chứng minh được các chi phí đó và trong trường hợp cần thiết được hưởng tiền trợ cấp để bồi thường cho thời gian và công việc quản lý hợp tác xã.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát chỉ được trả thù lao tỷ lệ với các hoạt động kinh doanh và khoản bội thu (lãi) thu được nếu trong điều lệ hợp tác xã có quy định. Trong điều lệ hợp tác xã cũng quy định

cụ thể người có thẩm quyền xác định khoản tiền thù lao tối đa hàng năm; mức thù lao đó được áp dụng trong một thời gian không quá 5 năm.

Các quy định đưa ra nhằm thi hành các quy định tại khoản trên phải được đại hội xã viên thường niên ngay sau đó thông qua.

Điều L124-7

Điều lệ hợp tác xã có thể quy định về việc hợp tác xã thương nhân bán lẻ trở thành thành viên của một hợp tác xã khác theo quy định tại Điều 3b Luật ngày 10 tháng 9 năm 1947 về quy chế hợp tác. Trong trường hợp này, hợp tác xã thương nhân bán lẻ có thể sử dụng dịch vụ của hợp tác xã mà nó là thành viên.

Điều L124-8

Các quyết định tại đại hội xã viên chỉ hợp lệ khi ít nhất 1/3 số thành viên sáng lập hợp tác xã có mặt hoặc có đại diện tại đại hội.

Tuy nhiên, nếu quyết định tại đại hội xã viên nhằm thay đổi điều lệ hợp tác xã thì quyết định đó chỉ hợp lệ khi ít nhất 1/2 số thành viên sáng lập hợp tác xã có mặt hoặc có đại diện tại đại hội.

Nếu trong điều lệ hợp tác xã cho phép các thành viên bỏ phiếu bằng thư tín thì những phiếu này cũng được tính vào số đại biểu cần thiết nói trên.

Nếu không đạt được số đại biểu cần thiết thì phải tiến hành triệu tập một đại hội khác. Các quyết định tại đại hội lần thứ hai sẽ có hiệu lực dù cho số lượng thành viên hợp tác xã có mặt hoặc có đại diện là bao nhiêu.

Điều L124-9

Quyết định tại đại hội xã viên được thông qua khi được đa số các thành viên có mặt hoặc có đại diện tại đại hội bỏ phiếu tán thành. Tuy nhiên đối với các quyết định nhằm sửa đổi điều

lệ hợp tác xã thì phải được ít nhất 2/3 số thành viên có mặt hoặc có đại diện tại đại hội bỏ phiếu tán thành.

Trong trường hợp hợp tác xã thực hiện các hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều L124-1 và nếu thoả mãn các điều kiện nêu tại Điều L125-10 thì không áp dụng các quy định tại Điều này.

Điều L124-10

Tuỳ từng trường hợp, Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát có thể tuyên bố khai trừ một thành viên, nhưng phải cho đương sự được quyền phát biểu ý kiến.

Thành viên bị áp dụng biện pháp khai trừ có thể tiến hành khiếu nại quyết định này trước đại hội xã viên. Đại hội xã viên sẽ xem xét khiếu nại đó trong phiên họp thường kỳ đầu tiên ngay sau khi có thông báo về quyết định khai trừ. Quyết định khai trừ có hiệu lực vào ngày đại hội xã viên ra thông báo thông qua quyết định khai trừ đó.

Tuy nhiên, khi quyền lợi của hợp tác xã đòi hỏi, Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát, tuỳ từng trường hợp, có thể tạm đình chỉ các quyền lợi mà thành viên bị khai trừ được hưởng với tư cách là xã viên cho đến khi thành viên đó nhận được thông báo về quyết định của đại hội xã viên và thời gian tạm đình chỉ các quyền lợi đó không được quá 1 năm.

Nếu quyết định khai trừ 1 thành viên mà không có căn cứ nghiêm túc và hợp pháp, thì khi được yêu cầu trong thời hạn một tháng kể từ ngày đại hội xã viên không chấp nhận khiếu nại của thành viên, toà án có thể tiến hành khôi phục tư cách xã viên cho thành viên bị khai trừ hoặc buộc hợp tác xã phải bồi thường thiệt hại, hoặc có thể quyết định áp dụng cả hai biện pháp đó.

Nếu hợp tác xã tiến hành các hoạt động nêu tại Khoản 2 Điều L124-1 thì không áp dụng các quy định tại Điều này và áp dụng các quy định tại các điều L125-15 và L125-16.

Điều L124-11

Nếu hợp tác xã tiến hành các hoạt động nêu tại Khoản 1 Điều L124-1 thì việc hoàn lại phần vốn góp cho xã viên rút khỏi hoặc bị khai trừ khỏi hợp tác xã được tiến hành theo quy định tại Điều L125-17 và L125-18, trên cơ sở ngoại trừ so với Điều 18 Luật ngày 10 tháng 9 năm 1947 về quy chế hợp tác.

Tuy nhiên, các nghĩa vụ của xã viên đối với hợp tác xã hoặc đối với người thứ ba xác định tại thời điểm kết thúc niên khoá tài chính mà xã viên rời khỏi hợp tác xã sẽ có thời hạn là 5 năm kể từ ngày xã viên đó chính thức mất tư cách xã viên. Khi áp dụng quy định trên đây, Hội đồng Quản trị hợp tác xã hoặc Ban Kiểm soát, tùy từng trường hợp, có thể giữ lại toàn bộ hoặc một phần số tiền mà hợp tác xã nợ xã viên cũ trong thời hạn không quá 5 năm, khoản tiền giữ lại tương đương với khoản tiền cần thiết để bảo đảm rằng xã viên đó sẽ thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản này trừ khi đương sự cung cấp đầy đủ các bảo đảm cần thiết về việc thực hiện nghĩa vụ.

Điều L124-12

Đại hội xã viên định kỳ, trên cơ sở tôn trọng các điều kiện về số lượng đại biểu và biểu quyết đa số áp dụng cho đại hội xã viên bất thường, có thể chuyển thành các phần vốn góp toàn bộ hoặc một phần lợi nhuận hàng năm của xã viên bị phong toả trong các tài khoản cá nhân và toàn bộ hoặc một phần lợi nhuận có thể được chia cho xã viên trong niên khoá tài chính trước.

Đối với trường hợp cuối này, mỗi xã viên trong việc chia các phần góp vốn phát sinh từ khoản vốn tăng lên có các quyền lợi như khi tiến hành chia lợi nhuận.

Điều L124-13

Quỹ tín dụng trung tâm của hợp tác xã được phép tiến hành mọi hoạt động tài chính phục vụ cho các hợp tác xã được thành lập theo quy định của chương này, đặc biệt là: cung cấp cho các

hợp tác xã vốn mà quỹ được cấp riêng hoặc có được từ các khoản vay hoặc tái chiết khấu từ các thương phiếu mà ngân hàng đã mua dưới hình thức chiết khấu, tiến hành bảo chứng hoặc bảo lãnh cho các khoản vay của các hợp tác xã và quản lý những khoản tiền gửi của họ.

Điều L124-14

Nếu hợp tác xã hoặc liên minh hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của chương này bị giải thể và nếu không trái với quy định tại các khoản tiếp theo của điều này thì số dư ròng sẽ được chuyển cho các hợp tác xã khác, cho liên minh các hợp tác xã khác hoặc cho các hoạt động vì lợi ích chung hoặc vì lợi ích của ngành nghề.

Tuy nhiên, hợp tác xã hoặc liên minh hợp tác xã có thể chia số dư đó cho các xã viên nếu được Bộ trưởng Kinh tế và Tài chính cho phép sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Hợp tác tối cao. Phần được chia không bao gồm phần dư phát sinh từ các khoản được Nhà nước hoặc một cơ quan, tổ chức công quyền trực tiếp hoặc gián tiếp cấp cho hợp tác xã hoặc liên minh hợp tác xã. Phần dư từ tiền trợ cấp phải hoàn trả lại theo quy định trong giấy phép của Bộ trưởng.

Việc chia số dư cho các xã viên được mặc nhiên thực hiện nếu hợp tác xã tiến hành các hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều L124-1.

Điều L124-15

Mọi nhóm thương nhân bán lẻ được thành lập nhằm tiến hành một hoặc nhiều hoạt động quy định tại Khoản 1, 3, 4 Điều L124-1 nếu không muốn tồn tại dưới hình thức hợp tác xã thương nhân bán lẻ theo quy định tại Chương này thì phải thành lập dưới hình thức công ty vô danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, nhóm lợi ích kinh tế hoặc nhóm lợi ích kinh tế châu Âu.

Nếu việc thành lập nhóm thương nhân bán lẻ vi phạm các quy định tại khoản trên sẽ bị phạt 9000 euro.

Ngoài ra, toà án có thể yêu cầu nhóm thương nhân bán lẻ có hành vi vi phạm ngừng hoạt động, tiến hành tịch thu hàng hoá và đóng cửa các trụ sở đang được sử dụng.

Điều L124-16

Những hợp tác xã thương nhân bán lẻ và liên minh hợp tác xã được thành lập theo Luật số 49-1070 ngày 2 tháng 8 năm 1949 được coi là thoả mãn các quy định của chương này mà không cần phải thay đổi điều lệ.

Tuy nhiên, trong trường hợp sửa đổi bổ sung điều lệ thì những hợp tác xã được quyền áp dụng các quy định tại khoản trên đây phải nhân cơ hội đó để tiến hành điều chỉnh điều lệ hợp tác xã cho phù hợp với quy định của Chương này.

Chương V

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CỦA NHIỀU THƯƠNG NHÂN ĐỘC LẬP

Mục I

THÀNH LẬP TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

Điều L125-1

Các quy định tại chương này được áp dụng đối với những thể nhân và pháp nhân tập hợp với nhau tại cùng một địa điểm, sử dụng cùng một tên gọi để khai thác, theo quy định chung của pháp luật, sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp của họ đã đăng ký kinh doanh mà không phải tiến hành chuyển quyền sở hữu. Việc tập hợp như vậy sẽ hình thành một trung tâm thương mại của các thương nhân độc lập.

Điều L125-2

Các đối tượng quy định tại Điều L125-1 được phép kết hợp

với nhau để thành lập một pháp nhân dưới hình thức nhóm lợi ích kinh tế, công ty cổ phần có vốn không cố định hoặc hợp tác xã thương nhân bán lẻ. Pháp nhân được thành lập có quyền sở hữu và sử dụng hoặc chỉ có quyền sử dụng các cửa hàng và khu vực lân cận của trung tâm thương mại, xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh chung, tổ chức và quản lý các dịch vụ chung.

Nhóm lợi ích kinh tế, công ty cổ phần hoặc hợp tác xã là chủ sở hữu của toàn bộ hoặc một phần đất đai, công trình xây dựng và khu vực lân cận của trung tâm thương mại không được phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần những bất động sản đó cho các thành viên trong thời gian trung tâm thương mại tồn tại.

Chỉ các nhóm lợi ích kinh tế, công ty cổ phần có vốn không cố định và hợp tác xã thương nhân bán lẻ được thành lập và hoạt động theo quy định của chương này mới được coi là trung tâm thương mại của thương nhân độc lập và mới được phép sử dụng danh nghĩa này và thêm danh nghĩa này vào tên của nhóm, công ty hay hợp tác xã của mình.

Điều L125-3

Nhóm lợi ích kinh tế hoặc công ty tiến hành thuê mua tài sản vào hoạt động kinh doanh được coi là người sử dụng theo quy định tại Điều 5b Pháp lệnh số 67-837 ngày 28 tháng 9 năm 1967.

Điều L125-4

Mỗi thành viên của nhóm lợi ích kinh tế hoặc công ty được sở hữu các phần vốn góp hoặc cổ phần không tách rời với việc sử dụng một địa điểm kinh doanh cụ thể xác định trong thoả thuận thành lập hoặc trong điều lệ và các thành viên đó được hưởng các dịch vụ chung.

Hợp đồng thành lập hoặc điều lệ có thể quy định một địa điểm kinh doanh khác dành cho những thành viên góp vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mùa vụ.

Chỉ có đại hội thành viên hoặc đại hội xã viên, tùy từng trường hợp, mới có thẩm quyền thay đổi địa điểm kinh doanh đã được quy định với sự đồng ý của các thành viên liên quan.

Các quy định tại Chương này về vốn góp cũng được áp dụng cho cổ phần nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều L125-5

Khi một sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp có đăng ký trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ được chuyển giao hoặc được thành lập trong trung tâm thương mại thì sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp đó không được dùng để góp vào nhóm lợi ích kinh tế hoặc hợp tác xã để trở thành phần vốn góp của chủ sở hữu sản nghiệp thương mại hoặc chủ doanh nghiệp. Các phần vốn góp của nhóm lợi ích kinh tế và của công ty không đại diện cho giá trị của sản nghiệp thương mại hoặc của doanh nghiệp. Các hình thức góp vốn khác ngoài hình thức góp vốn bằng tiền mặt đều bị cấm.

Điều L125-6

Trong trường hợp cho thuê sản nghiệp thương mại hoặc cho thuê doanh nghiệp đã đăng ký tại sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ thì chỉ có người cho thuê là thành viên của nhóm lợi ích kinh tế hoặc thành viên của hợp tác xã.

Việc chuyển sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp đã tồn tại vào trung tâm thương mại chỉ có thể tiến hành nếu có sự chấp thuận của người thuê sản nghiệp hoặc doanh nghiệp đó.

Điều L125-7

Trước khi tham gia và chuyển giao sản nghiệp thương mại vào trung tâm thương mại, chủ sở hữu của sản nghiệp thương mại phải tiến hành các thủ tục thông báo công khai quy định tại Điều L141-21 và L141-22 của Bộ luật này, nếu như sản nghiệp thương mại đang được dùng để bảo lãnh hoặc cầm cố theo quy định tại các chương I, II và III Thiên IV quyển này.

Nếu bên nhận bảo lãnh hoặc cầm cố không có thông báo phản đối với Phòng Thư ký toà trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông báo cuối cùng theo quy định tại Điều L141-12 và L141-13 thì được coi là chấp nhận cho chủ sở hữu sản nghiệp thương mại gia nhập vào trung tâm thương mại.

Trong trường hợp bên nhận bảo lãnh hoặc cầm cố phản đối, toà án có thể ra quyết định huỷ phản đối nếu chủ sở hữu sản nghiệp thương mại chứng minh được rằng việc tham gia vào trung tâm thương mại không làm giảm giá trị các khoản bảo đảm hoặc chứng minh được rằng bên nhận bảo lãnh hoặc cầm cố sẽ nhận được các khoản bảo lãnh ít nhất là tương đương. Nếu không có quyết định huỷ phản đối thì thương nhân không thể gia nhập trung tâm thương mại với tư cách là chủ sở hữu sản nghiệp thương mại.

Điều L125-8

Trong thỏa thuận thành lập hoặc trong điều lệ, tùy từng trường hợp, phải quy định rõ rằng không một sản nghiệp nào bị dùng để bảo lãnh hoặc cầm cố theo quy định tại Chương I, II và III Thiên IV Quyển này, hoặc nếu sản nghiệp đã được sử dụng để bảo lãnh hoặc cầm cố thì không có sự phản đối từ phía chủ nợ trước khi một trong các thành viên gia nhập trung tâm thương mại hoặc có quyết định huỷ phản đối của toà án. Nếu không bảo đảm các điều kiện trên đây thì thỏa thuận thành lập hoặc điều lệ sẽ vô hiệu và những người ký kết sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới.

Điều L125-9

Trung tâm thương mại của các thương nhân độc lập đã được thành lập thông qua vai trò trung gian của một pháp nhân có thể thay đổi hoặc chuyển đổi để trở thành mô hình chịu sự điều chỉnh của quy định tại chương này.

Mọi thành viên, thông qua thủ tục cấp thẩm, có thể yêu cầu chỉ định một người được uỷ nhiệm đặc trách việc triệu tập đại

hội thành viên nhằm biểu quyết về vấn đề thay đổi hoặc chuyển đổi đó.

Kể cả trường hợp có các quy định khác, quyết định phải được thông qua với đa số thành viên của pháp nhân đó. Tuy nhiên, những người không chấp nhận các quyết định đó thì có thể rút khỏi pháp nhân và yêu cầu hoàn lại cổ phần hoặc phần vốn góp theo quy định tại các điều L125-17 và L125-18.

Mục II

QUẢN LÝ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

Điều L125-10

Trong thỏa thuận thành lập hoặc trong điều lệ, tùy từng trường hợp, phải kèm theo bản nội quy của trung tâm thương mại.

Thỏa thuận thành lập hoặc điều lệ cũng như nội quy chỉ có thể thay đổi bằng quyết định của đại hội thành viên của nhóm lợi ích kinh tế hoặc đại hội xã viên, và quyết định đó phải được thông qua với đa số tuyệt đối của các thành viên trong nhóm lợi ích kinh tế hoặc của hợp tác xã, hoặc nếu trong hợp đồng thành lập hoặc trong điều lệ có quy định thì các quyết định được thông qua với đa số cao hơn. Các quy định này cũng áp dụng đối với việc thông qua các quyết định gia nhập hay khai trừ.

Việc thông qua các quyết định khác được quy định riêng cho từng loại hình tổ chức nêu tại Điều L125-2. Tuy nhiên, ngay cả trường hợp tại Quyển II có những quy định khác, điều lệ của một công ty vô danh có số vốn không cố định được thành lập theo quy định của chương này có thể quy định rằng, trong đại hội toàn thể, mỗi cổ đông chỉ sở hữu một phiếu bầu dù cho số lượng cổ phiếu của họ là bao nhiêu.

Điều L125-11

Nội quy của trung tâm thương mại sẽ đưa ra những nguyên tắc cụ thể nhằm bảo đảm một chính sách thương mại chung. Nội

quy đưa ra những điều kiện kinh doanh chung, nhất là:

1. Ngày, giờ mở cửa; thời kỳ đóng cửa theo mùa hoặc kỳ nghỉ năm;
2. Tổ chức và quản lý các dịch vụ chung; phân chia các chi phí tương ứng với các dịch vụ đó;
3. Trên cơ sở không trái với các quy định hiện hành, tổ chức các hoạt động cạnh tranh và xác định các hoạt động đi kèm mà mỗi thành viên đều có thể tiến hành các hoạt động này song song với các thành viên khác của trung tâm thương mại;
4. Lựa chọn khẩu hiệu quảng cáo và cách thiết kế riêng cho từng địa điểm thương mại và bảo đảm tính thống nhất giữa chúng nếu có thể được;
5. Tổ chức các hoạt động tập thể hoặc hoạt động của từng thành viên để thúc đẩy hoạt động của trung tâm thương mại, đặc biệt là các hoạt động theo mùa.

Mục III

THỦ TỤC CHO PHÉP VÀ THỦ TỤC KHAI TRỪ

Điều L125-12

Trong thỏa thuận thành lập hoặc trong điều lệ có thể quy định rằng việc chuyển nhượng phần vốn góp của một thành viên phải được sự đồng ý của đại hội thành viên của nhóm lợi ích kinh tế hoặc được sự đồng ý của đại hội xã viên. Đại hội thành viên hoặc đại hội xã viên phải ra quyết định trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày thành viên đó có đơn xin chuyển nhượng phần góp vốn.

Hợp đồng thành lập hoặc điều lệ cũng có thể quy định rằng quy định trên đây cũng áp dụng đối với những người được thừa kế phần vốn góp của một thành viên đã chết mặc dù trước đó những người này không hề tham gia vào hoạt động của trung tâm thương mại.

Nếu đơn xin chuyển nhượng không được chấp thuận, thì thành viên đứng đơn có quyền hưởng bồi thường theo quy định tại điều L125-17 và L125-18.

Điều L125-13

Điều khoản về việc cho phép chuyển nhượng không được áp dụng trong trường hợp bắt buộc phải bán các phần vốn góp dù cho phần vốn góp đó có được sử dụng để cầm cố hay không.

Điều L125-14

Trong trường hợp cho thuê sản nghiệp thương mại hoặc cho thuê doanh nghiệp thủ công mỹ nghệ của trung tâm thương mại, thỏa thuận thành lập hoặc điều lệ có thể quy định rằng người thuê phải được đại hội thành viên chấp thuận.

Trong trường hợp chủ sở hữu phần vốn góp cần chuyển nhượng đang phải thực hiện thủ tục phục hồi hoặc phá sản doanh nghiệp theo quyết định của tòa án, thì không được viện dẫn quy định tại Đoạn 1 Điều này nếu việc ký kết hợp đồng cho thuê được tòa án cho phép theo quy định tại Thiên II Quyển VI.

Điều L125-15

Cơ quan quản lý trung tâm thương mại có thể gửi thông báo cảnh cáo đến những thành viên đã vi phạm nội quy hoặc đến những thành viên đã để cho người kinh doanh sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp của mình có hành vi vi phạm nội quy.

Trong trường hợp cho thuê sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp thì thông báo cảnh cáo này còn được gửi cho người thuê.

Nếu trong vòng 3 tháng sau khi ra thông báo cảnh cáo mà thông báo đó vẫn không có hiệu quả và nếu quyền lợi hợp pháp của trung tâm thương mại hoặc của một số thành viên bị ảnh hưởng thì đại hội thành viên hoặc đại hội toàn thể thành viên,

tùy từng trường hợp, có thể ra quyết định khai trừ đương sự với đa số phiếu theo quy định tại Điều L125-10.

Cho đến khi quyết định khai trừ có hiệu lực, người bị khai trừ có thể giới thiệu một hoặc nhiều người nhận chuyển nhượng theo các điều kiện xác định trong thỏa thuận thành lập hoặc điều lệ.

Điều L125-16

Nếu không trái với trình tự định giá phần vốn góp tại Khoản 2 Điều L125-17, mọi thành viên của trung tâm thương mại có thể gửi bằng thư bảo đảm cho Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng những quyết định được thông qua trong khuôn khổ áp dụng các điều L125-12, L125-14 và Khoản 3 Điều L125-15.

Toà án có thể huỷ bỏ hoặc thay đổi quyết định được gửi đến hoặc ra một quyết định khác thay thế quyết định đó.

Ngay cả trong trường hợp có các điều khoản ngược lại, quyết định đang được gửi cho toà án sẽ được hoãn thi hành (việc thi hành các quyết định đang trong thời gian gửi cho toà án) trừ trường hợp quyết định khai trừ là do đương sự không sử dụng địa điểm kinh doanh hoặc không trả các chi phí.

Điều L125-17

Trong trường hợp thành viên bị khai trừ, tự rút lui hoặc chết và người nhận chuyển nhượng hoặc người được thừa kế không được chấp thuận thì người chủ sở hữu phần vốn góp hoặc trong trường hợp thành viên bị chết thì người thừa kế có thể chuyển giao hoặc chuyển nhượng sản nghiệp thương mại hoặc doanh nghiệp đã đăng ký trong sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ. Người được tiếp nhận địa điểm kinh doanh hoặc nếu trong trường hợp việc chuyển địa điểm kinh doanh không xảy ra thì nhóm lợi ích kinh tế hoặc hợp tác xã phải hoàn trả cho các đối tượng trên giá trị phần vốn góp của họ cộng thêm phần giá trị tăng lên do những công việc họ đã tiến hành đối với địa điểm kinh doanh mà họ sở hữu.

Dại hội thành viên hoặc đại hội xã viên sẽ xác định giá trị phần vốn góp tại thời điểm ra quyết định khai trừ hoặc từ chối việc chấp nhận người nhận chuyển nhượng hoặc người thừa kế. Trong trường hợp không thống nhất về giá trị vốn góp thì giá trị vốn góp sẽ do một giám định viên được Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng chỉ định theo thủ tục cấp thẩm xác định vào ngày ra các quyết định nói trên. Trong bất kỳ trường hợp nào quyết định của toà án cũng không bị khiếu kiện ngay cả khi có các điều khoản ngược lại. Báo cáo giám định phải được Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng công nhận theo thủ tục cấp thẩm.

Điều L125-18

Đối với những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều L125-17, nhóm lợi ích kinh tế hoặc hợp tác xã chỉ có thể chấp nhận thành viên mới khi người nắm giữ các phần vốn góp trước đây hoặc người được thừa kế các phần vốn góp ấy nhận được các khoản tiền quy định tại Điều L125-17 hoặc một khoản tiền bảo chứng do Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng xác định theo thủ tục cấp thẩm.

Tuy nhiên, không đòi hỏi phải trả trước các khoản tiền quy định tại khoản trên nếu các khoản tiền đó hoặc khoản tiền bảo chứng được một tổ chức tín dụng hoặc một tổ chức tài chính có thẩm quyền đứng ra bảo lãnh hoặc nếu khoản tiền đó được ký gửi cho một người được uỷ quyền do toà án chỉ định theo thủ tục cấp thẩm.

Ngoài ra, đối với hợp tác xã thì Hội đồng Quản trị hợp tác xã hoặc Ban Giám đốc có thể viện dẫn các quy định tại Khoản 2 Điều L124-11.

Mục IV **GIẢI THỂ**

Điều L125-19

Trừ trường hợp thỏa thuận thành lập hoặc điều lệ có quy định

khác, nếu một thành viên bị áp dụng thủ tục phục hồi và phá sản doanh nghiệp theo quyết định của toà án thì việc đó không đương nhiên kéo theo việc giải thể của nhóm lợi ích kinh tế.

Chương VI

CÁC CÔNG TY BẢO LÃNH TUONG TRỢ

Điều L126-1

Việc thành lập các công ty bảo lãnh cho nhau giữa các thương nhân, nhà công nghiệp, nhà sản xuất, thợ thủ công mỹ nghệ, công ty thương mại, thành viên các nghề tự do, chủ sở hữu bất động sản hoặc chủ sở hữu các quyền bất động sản và giữa các đối tượng nêu tại Điều L524-1 Bộ luật này, được thực hiện theo Luật ngày 13 tháng 3 năm 1917.

Chương VII

HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ DỰ ÁN TRIỂN KHAI HOẶC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Điều L127-1

Việc hỗ trợ dự án triển khai hoặc khôi phục một hoạt động kinh tế được thực hiện thông qua một hợp đồng, trong đó một pháp nhân cam kết sử dụng những phương tiện của mình để hỗ trợ liên tục cho một thể nhân không phải là người lao động làm đủ thời gian; đối lại thể nhân này cam kết sẽ theo đuổi một chương trình chuẩn bị cho việc triển khai hoặc khôi phục và quản lý một hoạt động kinh tế. Hợp đồng cũng có thể được ký kết giữa một pháp nhân và người lãnh đạo là thành viên duy nhất của một pháp nhân.

Điều L127-2

Hợp đồng hỗ trợ dự án có thời hạn không quá 12 tháng và

được gia hạn hai lần. Các phương thức hỗ trợ, chuẩn bị dự án cũng như mọi cam kết của mỗi bên ký kết đều được quy định cụ thể trong hợp đồng. Trong hợp đồng cũng quy định những điều kiện trong đó người được hỗ trợ có thể đưa ra những cam kết liên quan đến hoạt động kinh tế trong dự án với các đối tượng thứ ba.

Điều L127-3

Việc một pháp nhân cung cấp cho người được hỗ trợ những phương tiện cần thiết nhằm chuẩn bị cho việc thực hiện hoặc khôi phục và quản lý một hoạt động kinh tế dự kiến trong hợp đồng hỗ trợ dự án không được suy đoán rằng có một mối quan hệ phụ thuộc giữa pháp nhân và người được hỗ trợ đó.

Các phương tiện được cung cấp và phần chi phí do người hỗ trợ thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng có thể được hoàn lại và được ghi vào bảng tổng kết tài sản.

Điều L127-4

Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, hoạt động kinh tế bắt đầu triển khai thì người được hỗ trợ phải tiến hành đăng ký kinh doanh nếu hoạt động kinh tế đó thuộc diện phải đăng ký kinh doanh.

Trước khi tiến hành đăng ký kinh doanh, những cam kết của người được hỗ trợ đối với các bên thứ ba sẽ do pháp nhân hỗ trợ dự án chịu trách nhiệm. Sau khi tiến hành đăng ký kinh doanh, pháp nhân hỗ trợ và người được hỗ trợ sẽ cùng liên đới chịu trách nhiệm về các cam kết đó theo các quy định trong hợp đồng hỗ trợ cho đến ngày kết thúc hợp đồng đó.

Điều L127-5

Hợp đồng hỗ trợ dự án triển khai hoặc khôi phục hoạt động kinh tế không được trái với các quy định tại Điều L125-1, L125-3, L324-10 Bộ luật Lao động.

Hành vi triển khai hoặc khôi phục hoạt động kinh tế phải được phân biệt rõ ràng với chức năng hỗ trợ.

Điều L127-6

Quy chế nghề nghiệp và lao động của bên thụ hưởng hợp đồng hỗ trợ dự án được quy định tại các điều L783-1 và L783-2 Bộ luật Lao động.

Trước khi tiến hành đăng ký kinh doanh theo Điều L127-4, pháp nhân hỗ trợ phải chịu trách nhiệm trước các bên thứ ba về những thiệt hại do người được hưởng dự án hỗ trợ gây ra trong chương trình hỗ trợ và chuẩn bị quy định tại Điều L127-1 và Điều L127-2. Sau khi tiến hành đăng ký kinh doanh, pháp nhân hỗ trợ phải bảo đảm trách nhiệm của mình trong hợp đồng hỗ trợ nếu người được hỗ trợ tôn trọng các điều khoản trong hợp đồng đến tận khi hợp đồng kết thúc.

Điều L127-7

Chính phủ có trách nhiệm quy định chi tiết về phương thức công bố công khai hợp đồng hỗ trợ triển khai hoặc khôi phục một hoạt động kinh tế và các phương thức thi hành chương này.

Thiên III

Người môi giới, người nhận uỷ thác, người vận chuyển và đại lý thương mại

Chương I

NGƯỜI MÔI GIỚI

Điều L131-1

Người môi giới bao gồm người môi giới hàng hoá, người môi giới phiên dịch và lái tàu, người môi giới vận chuyển đường bộ và đường thuỷ.

Điều L131-3

Người môi giới vận chuyển đường bộ và đường thuỷ theo quy định của pháp luật là người duy nhất có quyền tiến hành các hoạt động môi giới vận chuyển đường bộ và đường thuỷ ở nơi đặt trụ sở. Người môi giới vận chuyển đường bộ và đường thuỷ không được đồng thời là người môi giới hàng hoá hoặc người môi giới lái tàu theo quy định tại Điều L131-1.

Điều L131-5

Người cung cấp dịch vụ đầu tư có thể tiến hành cùng với người môi giới hàng hoá các hoạt động đàm phán và môi giới mua bán hàng kim loại. Người cung cấp dịch vụ đầu tư là người duy nhất có quyền xác nhận giá hàng.

Điều L131-11

Người môi giới chịu trách nhiệm tiến hành hoạt động môi giới trong một vụ việc mà mình có lợi ích cá nhân liên quan, mà không báo trước cho các bên do mình làm trung gian thì bị phạt 3750 euro, đồng thời có thể bị các bên đòi bồi thường thiệt hại. Nếu người môi giới có tên trong danh sách người môi giới được lập theo quy định của pháp luật thì sẽ bị xoá tên khỏi danh sách và không được ghi danh lại.

Chương II

NGƯỜI NHẬN ỦY THÁC

Mục 1

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều L132-1

Người nhận uỷ thác là người hành động với danh nghĩa của mình hoặc công ty của mình, vì lợi ích của người uỷ thác.

Các quyền và nghĩa vụ của người nhận uỷ thác hành động với danh nghĩa của người uỷ thác được quy định tại Thiên XIII Quyển III Bộ luật Dân sự.

Điều L132-2

Người nhận uỷ thác có quyền ưu tiên đối với giá trị hàng hoá nhận uỷ thác và những tài liệu liên quan, để được thanh toán các khoản nợ về thù lao uỷ thác của người uỷ thác đối với mình, kể cả các khoản nợ phát sinh từ những hoạt động trước đó.

Khoản nợ có quyền ưu tiên của người nhận uỷ thác bao gồm nợ gốc, lãi, thù lao và chi phí phụ.

Mục 2

NGƯỜI NHẬN ỦY THÁC VẬN CHUYỂN

Điều L132-3

Người nhận uỷ thác chịu trách nhiệm về một hoạt động vận chuyển đường bộ hoặc đường thuỷ, có nghĩa vụ ghi vào sổ theo dõi hàng ngày của mình tính chất, số lượng, và nếu có, cả yêu cầu, giá trị của hàng hoá.

Điều L132-4

Người nhận uỷ thác bảo đảm chuyển hàng và đồ đạc đến nơi trong thời hạn quy định trong vận đơn, trừ trường hợp bất khả kháng được xác nhận theo quy định của pháp luật.

Điều L132-5

Người nhận uỷ thác chịu trách nhiệm về thiệt hại hoặc tổn thất về hàng hoá, đồ đạc, trừ trường hợp vận đơn có quy định khác hoặc trường hợp bất khả kháng.

Điều L132-6

Người nhận uỷ thác chịu trách nhiệm về hành vi của người nhận uỷ thác trung gian mà mình giao hàng cho người đó.

Điều L132-7

Nếu các bên không có thoả thuận khác, hàng ra khỏi cửa hàng của người bán hoặc người gửi do người sở hữu hàng đó chịu trách nhiệm, nhưng người này có quyền yêu cầu đối với người nhận uỷ thác và người chịu trách nhiệm vận chuyển.

Điều L132-8

Vận đơn là hợp đồng giữa người gửi, người vận chuyển và người nhận, hoặc giữa người gửi, người nhận, người nhận uỷ thác và người vận chuyển. Người vận chuyển có quyền trực tiếp yêu cầu người gửi và người nhận thanh toán phí dịch vụ. Người

nhận và người gửi chịu trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ. Mọi điều khoản khác đều không có giá trị.

Điều L132-9

I. Vận đơn phải ghi ngày tháng năm.

II. Vận đơn phải ghi:

1. Tính chất, trọng lượng hoặc thành phần của vật chuyên chở ;

2. Thời hạn vận chuyển.

III. Vận đơn nêu:

1. Họ, tên, nơi ở của người nhận uỷ thác vận chuyển, nếu có;

2. Họ, tên của người nhận hàng;

3. Họ, tên của người vận chuyển.

IV. Vận đơn ghi:

1. Giá trị vận đơn;

2. Tiền bồi thường trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ.

V. Vận đơn phải có chữ ký của người gửi hoặc người nhận uỷ thác.

VI. Vận đơn phải ghi bên lề nhãn hiệu và số hiệu của vật chuyên chở.

VII. Vận đơn được người nhận uỷ thác sao lại một cách liên tục và không ngắt quãng, vào một quyển sổ có mã số và ký tắt vào sổ này.

Chương III

NGƯỜI VẬN CHUYỂN

Điều L133-1

Người vận chuyển chịu trách nhiệm về việc vật chuyên chở bị mất mát, trừ trường hợp bất khả kháng.

Người vận chuyển chịu trách nhiệm về thiệt hại đối với vật chuyên chở không phải là thiệt hại do khuyết tật sẵn có của vật hoặc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Mọi điều khoản khác trong vận đơn, trong bảng giá hoặc giấy tờ khác, đều vô hiệu.

Điều L133-2

Nếu do sự kiện bất khả kháng mà không tiến hành vận chuyển được trong thời hạn thoả thuận thì người vận chuyển không phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ.

Điều L133-3

Khi nhận vật chuyên chở, quyền yêu cầu đối với người vận chuyển do thiệt hại hoặc mất một phần vật đó chấm dứt nếu trong thời hạn 3 ngày, không kể ngày lễ, Tết, kể từ ngày nhận vật, người nhận không thông báo cho người vận chuyển, bằng văn bản ngoài tổ tụng có chữ ký của Thừa phát lại hoặc bằng thư bảo đảm, về việc từ chối nhận vật và lý do từ chối nhận vật.

Nếu trong thời hạn nêu trên có yêu cầu giám định theo quy định tại Điều L133-4, thì yêu cầu này có giá trị như từ chối nhận hàng mà không cần tiến hành thủ tục quy định tại Đoạn 1 Điều này.

Mọi thoả thuận khác đều vô hiệu. Quy định này không áp dụng đối với các hoạt động vận chuyển quốc tế.

Điều L133-4

Trong trường hợp từ chối nhận vật chuyên chở hoặc được giao để chuyên chở hoặc có bất kỳ phản đối nào về việc giao kết hoặc thực hiện hợp đồng vận chuyển, hoặc do xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển, thì tình trạng vật chuyên chở hoặc được giao để chuyên chở, và nếu cần, quy cách đóng gói, trọng lượng, tính chất... của vật đó, được kiểm tra và xác nhận bởi một hoặc

nhiều giám định viên được chỉ định, nếu có yêu cầu, theo quyết định của Chánh án Tòa Thương mại sơ thẩm hoặc, nếu không, Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền hẹp.

Người yêu cầu giám định chịu trách nhiệm triệu tập, bằng thư bảo đảm hoặc bằng điện tín, tất cả các bên có thể liên quan, đặc biệt là người gửi, người nhận, người vận chuyển và người nhận uỷ thác đến tham gia hoạt động giám định. Các giám định viên phải tuyên thệ trước thẩm phán trưng cầu giám định hoặc thẩm phán Tòa Sơ thẩm thẩm quyền hẹp nơi tiến hành hoạt động giám định, mà không cần mở phiên toà. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, thẩm phán nhận được yêu cầu giám định có thể miễn một phần hoặc toàn bộ các thủ tục quy định tại Đoạn này, và phải ghi chú điều đó trong quyết định của mình.

Vật tranh chấp có thể bị tạm giữ và chuyển vào kho công theo quyết định của Tòa án.

Tòa án có thể ra quyết định bán vật với giá tương đương với chi phí vận chuyển hoặc các chi phí khác đã bỏ ra. Thẩm phán giao số tiền bán vật cho bên đã tạm ứng các chi phí nêu trên.

Điều L133-5

Các quy định của Chương này áp dụng chung cho người vận chuyển đường bộ và người vận chuyển đường thủy.

Điều L133-6

Quyền khởi kiện đối với người vận chuyển phát sinh từ hợp đồng vận chuyển trong trường hợp hàng hoá bị thiệt hại, mất mát hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ, có thời hiệu 1 năm, trừ trường hợp có gian lận hoặc lừa dối.

Quyền khởi kiện khác phát sinh từ hợp đồng đối với người vận chuyển, người nhận uỷ thác, người gửi hoặc người nhận, và quyền khởi kiện phát sinh từ Điều 1269 Bộ luật Tố tụng dân sự, có thời hiệu 1 năm.

Trong trường hợp mất toàn bộ vật chuyên chở, thời hiệu

khởi kiện nêu trên được tính từ ngày lẽ ra phải thực hiện việc giao hàng và trong các trường hợp khác, từ ngày lẽ ra hàng được giao cho người nhận.

Thời hiệu khởi kiện bồi hoàn là 1 tháng, kể từ ngày thực hiện quyền khởi kiện đối với người được bảo đảm.

Trong trường hợp vận chuyển vì lợi ích của Nhà nước, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày thông báo quyết định thanh toán hoặc duyệt chi của Bộ trưởng.

Điều L133-7

Người vận chuyển có quyền ưu tiên đối với giá trị hàng hoá mà họ chịu trách nhiệm vận chuyển và các tài liệu liên quan, để được thanh toán mọi khoản nợ liên quan đến hoạt động vận chuyển của người yêu cầu vận chuyển, người gửi hoặc người nhận đối với mình, kể cả các khoản nợ phát sinh từ các hoạt động trước đó, trong trường hợp chủ sở hữu hàng hoá mà người vận chuyển có quyền ưu tiên, có liên quan đến các hoạt động đó.

Các khoản nợ có quyền ưu tiên liên quan đến hoạt động vận chuyển bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí bổ sung đối với các dịch vụ hỗ trợ và xe đò khi bốc hàng hoặc dỡ hàng, chi phí phát sinh vì lợi ích của hàng hoá, thuế, phí, lệ phí hải quan liên quan đến hoạt động vận chuyển và tiền lãi.

Chương IV

ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI

Điều L134-1

Đại lý thương mại là bên được uỷ quyền và chịu trách nhiệm tiến hành thương xuyên, với tính chất hoạt động nghề nghiệp độc lập và không bị ràng buộc bởi một hợp đồng dịch vụ, các hoạt động đàm phán và nếu có thể, giao kết hợp đồng mua, bán, thuê hoặc cung ứng dịch vụ với danh nghĩa và vì lợi ích của

người sản xuất, người hoạt động công nghiệp, thương nhân hoặc các đại lý thương mại khác. Đại lý thương mại có thể là thể nhân hoặc pháp nhân.

Các quy định tại chương này không áp dụng đối với các đại lý thực hiện chức năng đại diện trong khuôn khổ các hoạt động kinh tế chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật đặc thù liên quan đến chức năng đại diện này.

Điều L134-2

Mỗi bên có quyền yêu cầu bên kia lập văn bản có chữ ký, ghi rõ nội dung hợp đồng đại lý, kể cả các bổ sung hợp đồng.

Điều L134-3

Bên đại lý có thể nhận làm đại diện cho các bên giao đại lý khác, mà không cần có sự cho phép. Tuy nhiên, bên đại lý không thể nhận làm đại diện cho một doanh nghiệp cạnh tranh của một trong các bên giao đại lý mà không có sự đồng ý của bên giao đại lý đó.

Điều L134-4

Hợp đồng giữa bên đại lý và bên giao đại lý được ký kết vì lợi ích chung của các bên.

Quan hệ giữa bên đại lý và bên giao đại lý phải tuân thủ nghĩa vụ trung thực và thông tin cho nhau.

Bên đại lý phải thực hiện công việc được uỷ quyền một cách chuyên nghiệp; bên giao đại lý phải tạo điều kiện cho bên đại lý thực hiện công việc được uỷ quyền.

Điều L134-5

Mọi khoản tiền thù lao tỷ lệ với số lượng hoặc giá trị các giao dịch là tiền thù lao đại lý theo quy định tại Chương này.

Các điều từ L134-6 đến L134-9 được áp dụng trong trường hợp bên đại lý được trả toàn bộ hoặc một phần tiền thù lao đại lý theo phương thức nêu trên.

Trong trường hợp hợp đồng không có quy định, bên đại lý được hưởng thù lao theo thông lệ áp dụng trong lĩnh vực hoạt động mà mình làm đại lý, ở nơi tiến hành hoạt động đại lý. Nếu không có thông lệ thì bên đại lý được hưởng thù lao hợp lý căn cứ vào tất cả các yếu tố có liên quan đến giao dịch.

Điều L134-6

Đối với mọi hành vi thương mại được giao kết trong thời hạn đại lý, bên đại lý được hưởng thù lao đại lý quy định tại Điều L134-5 trong trường hợp hành vi đó được giao kết nhờ có sự tham gia của bên đại lý hoặc được giao kết với một bên thứ ba mà trước đó, bên đại lý đã tạo được quan hệ khách hàng trong khuôn khổ các giao dịch tương tự.

Trong trường hợp bên đại lý phụ trách một khu vực địa lý hoặc một nhóm người xác định, bên đại lý cũng được hưởng thù lao đại lý đối với mọi hành vi được giao kết trong thời hạn đại lý, với một người thuộc khu vực địa lý hoặc nhóm người đó.

Điều L134-7

Đối với mọi hành vi thương mại được giao kết sau khi chấm dứt hợp đồng đại lý, bên đại lý được hưởng thù lao đại lý khi hành vi đó được giao kết chủ yếu do hoạt động của bên đại lý trong thời gian đại lý và khi hành vi đó được giao kết trong một thời hạn hợp lý kể từ khi chấm dứt hợp đồng đại lý, hoặc khi bên giao đại lý hoặc bên đại lý đã nhận được yêu cầu của bên thứ ba trước khi chấm dứt hợp đồng đại lý và theo các điều kiện quy định tại Điều L134-6.

Điều L134-8

Bên đại lý không được hưởng thù lao đại lý quy định tại Điều L134-6 nếu tiền thù lao đó có được là do hoạt động của đại lý thương mại trước đó theo quy định tại Điều L134-7, trừ trường hợp hoàn cảnh làm cho việc phân chia thù lao giữa các đại lý thương mại trở nên công bằng.

Điều L134-9

Tiền thù lao đại lý đến hạn thanh toán khi bên giao đại lý đã thực hiện giao dịch hoặc lẽ ra phải thực hiện giao dịch theo thoả thuận với bên thứ ba, hoặc sau khi bên thứ ba đã thực hiện giao dịch.

Tiền thù lao đại lý đến hạn thanh toán chậm nhất khi bên thứ ba đã thực hiện phần giao dịch của mình hoặc lẽ ra phải thực hiện phần giao dịch đó nếu bên giao đại lý đã thực hiện phần giao dịch của mình. Tiền thù lao đại lý được thanh toán chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng tiếp theo của quý đến hạn thanh toán.

Điều L134-10

Quyền được hưởng thù lao đại lý chỉ chấm dứt nếu chứng minh được hợp đồng giữa bên thứ ba và bên giao đại lý không được thực hiện và nếu việc không thực hiện hợp đồng là vì những lý do không phụ thuộc vào bên giao đại lý.

Tiền thù lao đại lý mà bên đại lý đã nhận được sẽ được hoàn trả nếu quyền được hưởng thù lao đại lý chấm dứt.

Điều L134-11

Hợp đồng xác định thời hạn mà tiếp tục được hai bên thực hiện sau khi hết hạn hợp đồng thì được chuyển thành hợp đồng không xác định thời hạn.

Trong trường hợp hợp đồng đại lý là hợp đồng không xác định thời hạn, mỗi bên có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải báo trước cho bên kia. Các quy định của Điều này được áp dụng đối với hợp đồng xác định thời hạn được chuyển thành hợp đồng không xác định thời hạn. Trong trường hợp này, việc xác định thời hạn báo trước phải tính đến thời hạn xác định của hợp đồng trước khi chuyển thành hợp đồng không xác định thời hạn.

Thời hạn báo trước là 1 tháng đối với năm đầu tiên của hợp đồng, 2 tháng kể từ đầu năm thứ hai, 3 tháng kể từ đầu năm

thứ ba và các năm tiếp theo. Nếu không có thoả thuận khác, thời điểm chấm dứt thời hạn báo trước trùng với thời điểm chấm dứt 1 tháng dân sự.

Các bên không thể quy định thời hạn báo trước ngắn hơn. Nếu các bên quy định thời hạn báo trước dài hơn thì thời hạn báo trước quy định đối với bên giao đại lý không thể ngắn hơn thời hạn báo trước quy định đối với bên đại lý.

Các quy định này không áp dụng trong trường hợp hợp đồng chấm dứt do lỗi nghiêm trọng của một bên gây ra hoặc trong trường hợp bất khả kháng.

Điều L134-12

Trong trường hợp chấm dứt quan hệ với bên giao đại lý, bên đại lý có quyền được bồi thường thiệt hại.

Bên đại lý mất quyền được bồi thường thiệt hại nếu không thông báo cho bên giao đại lý trong thời hạn 1 năm kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, về việc muốn thực hiện các quyền của mình.

Người có quyền liên quan đến bên đại lý cũng có quyền được bồi thường thiệt hại trong trường hợp hợp đồng chấm dứt do bên đại lý chết.

Điều L134-13

Không phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều L134-12 trong các trường hợp sau:

1. Hợp đồng chấm dứt do lỗi nghiêm trọng của bên đại lý;
2. Hợp đồng chấm dứt theo yêu cầu của bên đại lý, trừ trường hợp việc chấm dứt hợp đồng do lỗi của bên giao đại lý hoặc do tuổi tác, tình trạng tàn tật hoặc bệnh tật của bên đại lý, làm cho không có căn cứ hợp lý để yêu cầu bên đó tiếp tục hoạt động nữa;
3. Theo thoả thuận với bên giao đại lý, bên đại lý chuyển nhượng cho bên thứ ba các quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đại lý.

Điều L134-14

Hợp đồng có thể có điều khoản không cạnh tranh sau khi chấm dứt hợp đồng.

Điều khoản này phải được quy định bằng văn bản và liên quan đến khu vực địa lý và, nếu có, nhóm người được giao cho bên đại lý phụ trách cũng như loại sản phẩm hoặc dịch vụ mà bên đại lý làm đại diện theo quy định của hợp đồng.

Điều khoản không cạnh tranh chỉ có hiệu lực trong thời hạn tối đa 2 năm sau khi chấm dứt hợp đồng.

Điều L134-15

Trong trường hợp hoạt động đại lý thương mại được tiến hành trên cơ sở thực hiện một hợp đồng được ký kết bằng văn bản giữa các bên với tính chất là hợp đồng chính và nhằm một đối tượng khác, thì các bên có thể quyết định bằng văn bản là các quy định của Chương này không áp dụng đối với phản tương ứng với hoạt động đại lý thương mại.

Quyết định này của các bên vô hiệu nếu việc thực hiện hợp đồng cho thấy rằng hoạt động đại lý thương mại, trên thực tế, được tiến hành với tính chất là hoạt động chính hoặc có tính quyết định.

Điều L134-16

Mọi điều khoản hoặc thoả thuận trái với các điều L134-2 và L134-4, các đoạn 3 và 4 Điều L134-11, Điều L134-15, hoặc trái, và bất lợi cho bên đại lý, với Đoạn 2 Điều L134-9, Đoạn 1 Điều L134-10, các điều L134-12 và L134-13, Đoạn 3 Điều L134-14, đều không có giá trị.

Điều L134-17

Nghị định có ý kiến của Tham chính viện hướng dẫn thi hành Chương này.

Thiên IV
Sản nghiệp thương mại

Chương I
MUA BÁN SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Mục I
HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Điều L141-1

I. Trong mọi văn bản thoả thuận chuyển nhượng sản nghiệp thương mại, ngay cả khi được giao kết theo điều kiện và hình thức của một hợp đồng khác, hoặc trong mọi văn bản góp vốn vào công ty bằng sản nghiệp thương mại, bên bán có nghĩa vụ ghi:

1. Họ, tên của người đã bán sản nghiệp thương mại cho mình, ngày thực hiện và tính chất của hành vi mua bán đó, giá mua các tài sản vô hình, hàng hoá và trang thiết bị;

2. Các quyền ưu tiên và quyền thế chấp đối với sản nghiệp thương mại;

3. Doanh thu của mỗi năm trong ba năm gần nhất, hoặc từ khi mua sản nghiệp thương mại nếu không khai thác sản nghiệp thương mại đó từ trên 3 năm;

4. Lợi nhuận thương mại thu được trong thời gian nêu trên;

5. Hợp đồng thuê trụ sở, ngày ký kết và thời hạn của hợp đồng đó, họ, tên và địa chỉ của bên cho thuê và bên chuyển nhượng hợp đồng thuê trụ sở, nếu có.

II. Hợp đồng mua bán thiếu một trong các nội dung quy định ở trên thì có thể bị vô hiệu nếu có yêu cầu của bên mua trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ký kết.

Điều L141-2

Vào ngày mua bán, bên mua và bên bán xem xét toàn bộ sổ sách, tài liệu kế toán do bên bán giữ và căn cứ vào 3 năm trước khi thực hiện việc mua bán hoặc thời gian sở hữu sản nghiệp thương mại nếu thời gian đó chưa đủ 3 năm.

Phải lập biên bản kiểm kê sổ sách, tài liệu kế toán nêu trên. Các bên ký vào biên bản này và mỗi bên được nhận một bản. Bên bán phải giao sổ sách, tài liệu kế toán cho bên mua trong thời hạn 3 năm kể từ ngày tiếp nhận sản nghiệp thương mại.

Mọi điều khoản thoả thuận khác đều không có giá trị.

Điều L141-3

Bên bán có nghĩa vụ bảo đảm tính chính xác của các thông tin mà mình cung cấp theo quy định tại các điều 1644 và 1645 Bộ luật Dân sự, kể cả khi có thoả thuận khác.

Những người trung gian soạn thảo văn bản và nhân viên của những người đó chịu trách nhiệm liên đới với bên bán nếu biết các thông tin mà bên bán cung cấp không chính xác.

Điều L141-4

Quyền yêu cầu phát sinh theo quy định tại Điều L141-3 phải do bên mua thực hiện trong thời hạn 1 năm kể từ ngày tiếp nhận sản nghiệp thương mại.

Mục 2

QUYỀN ƯU TIÊN CỦA BÊN BÁN

Điều L141-5

Bên bán sản nghiệp thương mại chỉ có quyền ưu tiên nếu

việc mua bán được xác nhận bằng một văn bản xác thực hoặc một văn bản ký tự đã được đăng ký hợp pháp và nếu quyền ưu tiên đó đã được đăng ký công khai tại Phòng Lục sự của Tòa án Thương mại sơ thẩm mà sản nghiệp thương mại được khai thác trong phạm vi thẩm quyền của Tòa án đó.

Quyền ưu tiên chỉ áp dụng đối với các tài sản ghi trong hợp đồng mua bán và trong văn bản đăng ký, và nếu không có quy định cụ thể thì quyền ưu tiên chỉ áp dụng đối với tên, biển hiệu thương mại, quyền thuê trụ sở và khách hàng.

Áp dụng giá khác nhau đối với các tài sản vô hình, trang thiết bị và hàng hoá thuộc sản nghiệp thương mại.

Quyền ưu tiên của bên bán bảo đảm cho bên bán về việc thanh toán từng khoản tiền này hoặc khoản tiền còn nợ, và được thực hiện riêng rẽ đối với giá bán lại hàng hoá, trang thiết bị và các tài sản vô hình thuộc sản nghiệp thương mại.

Các khoản tiền thanh toán từng phần mà không phải là các khoản tiền thanh toán ngay được tính lần lượt vào tiền hàng và tiền trang thiết bị ngay cả khi có thỏa thuận khác.

Xác định từng phần giá bán lại và bị phân chia, nếu giá đó được áp dụng đối với một hoặc nhiều tài sản không thuộc khối tài sản được bán lần đầu.

Điều L141-6

Quyền ưu tiên phải được đăng ký trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán, nếu không sẽ không có hiệu lực. Đăng ký này có hiệu lực cao hơn mọi đăng ký do bên mua thực hiện trong cùng thời hạn đó, và có hiệu lực đối kháng với các chủ nợ của bên mua đang bị áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thanh lý phá sản và đối với những người thừa kế chấp nhận di sản có điều kiện của bên mua.

Quyền yêu cầu huỷ hợp đồng quy định tại Điều 1654 Bộ luật Dân sự phải được ghi rõ trong đăng ký thì mới có hiệu lực.

Quyền yêu cầu này không được thực hiện một cách bất lợi cho bên thứ ba sau khi quyền ưu tiên chấm dứt. Tương tự như quyền ưu tiên, quyền yêu cầu này chỉ áp dụng hạn chế các tài sản thuộc đối tượng hợp đồng mua bán.

Điều L141-7

Trong trường hợp huỷ hợp đồng mua bán theo quyết định của Tòa án hoặc theo thoả thuận, bên bán có nghĩa vụ lấy lại toàn bộ những tài sản thuộc đối tượng hợp đồng mua bán, kể cả những tài sản mà quyền ưu tiên hoặc quyền yêu cầu huỷ hợp đồng của mình đã chấm dứt. Giá hàng hoá và trang thiết bị tồn tại vào ngày lấy lại tài sản được tính theo mức giá được giám định theo thủ tục tranh tụng, theo thoả thuận hoặc theo quyết định của Tòa án, trên cơ sở trừ đi những khoản nợ mà bên bán có quyền ưu tiên đối với giá hàng hoá và trang thiết bị. Phần còn lại, nếu có, là khoản bảo đảm cho các chủ nợ có bảo đảm và, nếu không có chủ nợ có bảo đảm nào, thì sẽ bảo đảm cho các chủ nợ không có bảo đảm.

Điều L141-8

Bên bán khi thực hiện quyền yêu cầu huỷ hợp đồng phải thông báo cho các chủ nợ có bảo đảm bằng sản nghiệp thương mại, tại nơi ghi trong đăng ký giao dịch bảo đảm. Tòa án chỉ có thể ra bản án sau thời hạn 1 tháng kể từ ngày thông báo thực hiện quyền yêu cầu huỷ hợp đồng.

Điều L141-9

Nếu bên bán đã ghi trong hợp đồng mua bán là nếu không được thanh toán trong thời hạn thoả thuận thì hợp đồng mua bán sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ hoặc nếu bên bán đã thoả thuận được với bên mua về việc huỷ bỏ hợp đồng, thì phải thông báo cho các chủ nợ có bảo đảm, tại nơi ghi trong đăng ký giao dịch bảo đảm, về việc huỷ bỏ hợp đồng. Hợp đồng chỉ chính thức bị huỷ 1 tháng sau khi tiến hành thủ tục thông báo nêu trên.

Điều L141-10

Trong trường hợp sản nghiệp thương mại được đưa ra bán đấu giá theo yêu cầu của một người phụ trách quản lý hoặc thanh lý tài sản doanh nghiệp, hoặc theo yêu cầu của bất kỳ người có quyền nào khác trong quá trình tổ tụng, người yêu cầu bán đấu giá phải thông báo cho những người bán trước đó, tại nơi ghi trong hồ sơ đăng ký của họ, và nêu rõ là nếu không thực hiện quyền yêu cầu huỷ hợp đồng trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày thông báo thì sẽ mất quyền đó đối với người mua được tài sản qua đấu giá.

Điều L141-11

Các điều từ L621-117 đến L621-124 (Bộ luật Thương mại) không áp dụng đối với quyền ưu tiên và quyền yêu cầu huỷ hợp đồng của bên bán sản nghiệp thương mại.

Điều L141-12

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của các điều L141-21 và L141-22 về góp vốn vào công ty bằng sản nghiệp thương mại, mọi hợp đồng mua bán hoặc chuyển nhượng sản nghiệp thương mại ngay cả khi được giao kết theo điều kiện hoặc hình thức của một hợp đồng khác, cũng như mọi văn bản phân chia sản nghiệp thương mại, được trích đăng hoặc thông báo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc lập văn bản đó, theo yêu cầu của bên mua, trên báo được phép tiếp nhận các thông tin pháp luật của quận hoặc tỉnh nơi khai thác sản nghiệp thương mại, và được công bố trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng báo, trên *Công báo* thông tin dân sự và thương mại. Liên quan đến các sản nghiệp thương mại hoạt động tại chợ hoặc hội chợ, nơi khai thác sản nghiệp thương mại là nơi mà bên bán đăng ký tại Cơ quan Đăng ký kinh doanh.

Điều L141-13

Trước khi tiến hành thủ tục đăng báo theo quy định tại điều

trên, phải tiến hành đăng ký hợp đồng chuyển dịch tài sản, hoặc nếu không có hợp đồng chuyển dịch tài sản, thì tiến hành thủ tục khai báo quy định tại các điều 638 và 653 Bộ luật Thuế chung. Nếu không tuân thủ quy định này thì thông tin đăng báo không có hiệu lực. Thông tin đăng báo phải ghi ngày, số quyển và số nộp thuế trước bạ, hoặc trong trường hợp khai báo thông thường, phải ghi ngày và số giấy biên nhận thông tin khai báo. Trong cả hai trường hợp này, thông tin đăng báo phải ghi địa chỉ văn phòng nơi diễn ra việc đăng ký hoặc khai báo đó. Nếu không tuân thủ các quy định này thì thông tin đăng báo không có hiệu lực. Ngoài ra, thông tin đăng báo còn ghi ngày lập hợp đồng, họ, tên và địa chỉ của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới, tính chất và nơi đặt trụ sở sản nghiệp thương mại, giá thoả thuận, bao gồm cả các chi phí hoặc mức định giá làm cơ sở tính thuế trước bạ, thời hạn được quy định dưới đây để thực hiện quyền phản đối việc thanh toán giá bán sản nghiệp thương mại và địa chỉ thuộc phạm vi thẩm quyền của Tòa án.

Điều L141-14

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cuối cùng tiến hành thủ tục công bố công khai quy định tại Điều L141-12, mọi chủ nợ của chủ sở hữu trước đây, dù khoản nợ của họ đến hạn hoặc chưa đến hạn thanh toán, đều có quyền phản đối việc thanh toán giá bán sản nghiệp thương mại tại địa chỉ được lựa chọn và bằng một văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện. Văn bản phản đối này ghi giá trị và căn cứ của khoản nợ và địa chỉ tại nơi có sản nghiệp thương mại. Nếu không tuân thủ quy định này, văn bản phản đối không có giá trị. Bên cho thuê trụ sở không có quyền phản đối việc thanh toán đối với các khoản tiền thuê hiện tại hoặc sẽ đến hạn, ngay cả khi các bên có thoả thuận khác. Mọi trường hợp chuyển giao, theo thoả thuận hoặc theo quyết định của Tòa án, giá bán sản nghiệp thương mại hoặc một phần giá bán sản nghiệp thương mại đều không có hiệu lực đối

kháng với các chủ nợ đã khai báo khoản nợ của mình trong thời hạn nêu trên.

Điều L141-15

Trong trường hợp có văn bản phản đối việc thanh toán giá bán sản nghiệp thương mại, người bán vẫn có quyền, khi hết thời hạn 10 ngày, yêu cầu theo thủ tục cấp thẩm, Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng cho phép được thanh toán giá bán sản nghiệp thương mại dù có văn bản phản đối việc thanh toán, nhưng phải nộp vào Quỹ ký gửi hoặc cho một người thứ ba được chỉ định làm việc này, một khoản tiền đủ do thẩm phán cấp thẩm xác định để có thể đáp ứng yêu cầu của người phản đối việc thanh toán trong trường hợp người bán bị xác định là người có nghĩa vụ. Khoản tiền mà người thứ ba giữ trong trường hợp này được sử dụng làm bảo đảm cho khoản nợ của chủ nợ đã phản đối việc thanh toán, và những khoản nợ này là những khoản nợ ưu tiên tuyệt đối, nhưng Tòa án không thể cho phép chuyển giao khoản tiền bảo đảm đó có lợi cho chủ nợ phản đối việc thanh toán giá bán sản nghiệp thương mại so với các chủ nợ khác của người bán phản đối việc thanh toán đó, nếu có. Kể từ thời điểm thi hành quyết định cấp thẩm, người mua hết nghĩa vụ và hiệu lực của việc phản đối được chuyển sang cho người thứ ba giữ khoản tiền bảo đảm.

Thẩm phán cấp thẩm chỉ cho phép thanh toán nếu người mua chứng minh một cách chính thức là không có các chủ nợ khác phản đối việc thanh toán ngoài những chủ nợ đã tiến hành thủ tục phản đối, và phải chịu trách nhiệm cá nhân về thông tin khai báo này. Người mua khi thi hành quyết định cho phép thanh toán của Tòa án, không được giải phóng nghĩa vụ thanh toán đối với các chủ nợ khác phản đối việc thanh toán trước khi có quyết định đó, nếu có.

*** Điều L141-16**

Nếu việc phản đối được thực hiện mà không có giấy tờ

chứng minh khoản nợ và không có căn cứ hoặc bị vô hiệu về mặt hình thức và nếu không có đơn khởi kiện ra Tòa án với tính chất là yêu cầu chính thì người bán có thể yêu cầu theo thủ tục cấp thẩm Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng cho phép được thanh toán giá bán sản nghiệp thương mại, mặc dù có sự phản đối việc thanh toán đó.

Điều L141-17

Người mua thanh toán giá trị hợp đồng với người bán mà không tiến hành thủ tục công bố công khai theo quy định, hoặc trước khi hết thời hạn 10 ngày thì không được giải phóng nghĩa vụ đối với người thứ ba.

Điều L141-18

Nếu việc mua bán hoặc chuyển nhượng sản nghiệp thương mại bao gồm các chi nhánh hoặc cơ sở đặt trên lãnh thổ nước Pháp thì việc đăng ký và công bố công khai quy định tại các điều từ L141-6 đến L141-17 cũng phải được tiến hành trên báo thông tin pháp luật ở nơi có trụ sở của các chi nhánh hoặc cơ sở đó.

Điều L141-19

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố công khai trên *Công báo thông tin dân sự và thương mại* quy định tại Điều L141-12, một bản sao xác thực hoặc một trong các bản gốc của hợp đồng mua bán, được cấp cho bất kỳ chủ nợ phản đối nào tại địa chỉ được lựa chọn, hoặc được đăng ký để tra cứu mà không cần đến tận nơi.

Trong cùng thời hạn nêu trên, mọi chủ nợ đã đăng ký hoặc đã tiến hành thủ tục phản đối trong thời hạn 10 ngày quy định tại Điều L141-14 có quyền được thông báo, tại địa chỉ được lựa chọn, về hợp đồng mua bán và các văn bản phản đối, và nếu giá bán sản nghiệp thương mại không đủ để thanh toán cho các chủ nợ được đăng ký và các chủ nợ đã được xác định thông qua thủ tục phản đối, thì trong thời hạn chậm nhất 10 ngày kể từ ngày

công bố công khai trên *Công báo* thông tin dân sự và thương mại quy định tại Điều L141-12, chủ nợ đó có quyền đặt giá cao hơn 1/6 giá trị cơ bản của sản nghiệp thương mại, không bao gồm trang thiết bị và hàng hoá.

Việc đặt giá cao hơn 1/6 không được chấp nhận sau khi bán sản nghiệp thương mại theo quyết định của Tòa án hoặc theo yêu cầu của người quản lý được tòa án chỉ định hoặc theo yêu cầu của nhân viên quản lý tài sản trong quá trình thanh lý phá sản hoặc theo yêu cầu của các đồng sở hữu không phân chia đối với sản nghiệp thương mại, dưới hình thức bán đấu giá và theo quy định tại các điều L143-6 và L143-7.

Nhân viên công quyền, được chỉ định để tiến hành việc bán sản nghiệp thương mại, chỉ được cho phép tham gia trả giá đối với những người được biết là có khả năng thanh toán hoặc đã nộp cho mình hoặc cho Quý ký gửi một khoản tiền bảo đảm việc thanh toán, khoản tiền này không được thấp hơn một nửa tổng giá trị của lần bán đầu tiên hoặc phần giá phải thanh toán ngay theo thoả thuận của lần bán đó, cộng với phần trả giá cao hơn.

Việc bán đấu giá theo giá khởi điểm cao hơn 1/6 được tiến hành theo các điều kiện và thời hạn tương tự như được quy định đối với việc mua bán là căn cứ của việc bán đấu giá đó.

Nếu người mua bị trả giá cao hơn bị mất quyền đối với tài sản do bị trả giá cao hơn thì phải chịu trách nhiệm chuyển giao kèm theo giấy biên nhận, các văn bản phản đối việc thanh toán cho người mua được tài sản theo thủ tục bán đấu giá trong thời hạn 8 ngày kể từ ngày bán đấu giá, nếu trước đó, không thông báo các văn bản phản đối đó bằng một ghi chú trong hồ sơ bán đấu giá. Hiệu lực của các văn bản phản đối này được chuyển sang giá bán đấu giá.

Điều L141-20

Trong trường hợp giá bán được ấn định chính thức, dù có hay không có việc trả giá cao hơn, và nếu các chủ nợ không thoả

thuận được với nhau về việc phân chia giá bán thì người mua, theo yêu cầu của bất kỳ chủ nợ nào và trong thời hạn 15 ngày tiếp theo, phải ký quỹ phần đến hạn thanh toán của giá bán và phần còn lại dần dần theo thời hạn thanh toán, để bảo đảm cho các khoản nợ của các chủ nợ phản đối việc thanh toán cũng như các quyền được đăng ký liên quan đến sản nghiệp thương mại và các việc chuyển nhượng mà mình đã được thông báo.

Điều L141-21

Trừ trường hợp sáp nhập, hợp nhất hoặc chia tách theo quy định tại Đoạn 4 Điều L236-2 và các điều từ L236-7 đến L236-22, việc góp vốn bằng sản nghiệp thương mại vào công ty đang trong quá trình thành lập hoặc đã tồn tại, phải được thông báo cho người thứ ba theo quy định tại các điều từ L141-12 đến L141-18 bằng cách đăng tin trên báo thông tin pháp luật và *Công báo thông tin dân sự và thương mại*.

Tuy nhiên, nếu do áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về công bố công khai văn bản về công ty mà những thông tin quy định tại các điều luật nêu trên đã được đăng trong số báo thông tin pháp luật về việc góp vốn đó, thì chỉ cần dẫn chiếu đến số báo này.

Trong các thông tin đăng trên báo này, địa chỉ được lựa chọn là địa chỉ Phòng Lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi các chủ nợ của người góp vốn phải khai báo các khoản nợ của mình.

Điều L141-22

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cuối cùng tiến hành thủ tục công bố công khai quy định tại các điều L141-12 và L141-13, các chủ nợ không đăng ký của thành viên góp vốn thông báo cho Phòng Lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm, nơi có sản nghiệp thương mại, tư cách chủ nợ và khoản nợ của mình. Phòng Lục sự cấp cho các chủ nợ này giấy chứng nhận khai báo nợ.

Nếu các thành viên hoặc một trong các thành viên không có yêu cầu huỷ bỏ công ty hoặc việc góp vốn trong thời hạn 15 ngày tiếp theo, hoặc nếu việc huỷ bỏ đó không được tuyên bố, thì công ty chịu trách nhiệm liên đới với người có nghĩa vụ chính về việc thanh toán các khoản nợ được khai báo và chứng minh trong thời hạn nêu trên.

Trong trường hợp một công ty góp vốn bằng sản nghiệp thương mại vào một công ty khác, đặc biệt là trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất hoặc chia tách công ty, thì các quy định của đoạn trên không được áp dụng nếu phải áp dụng các quy định của các điều L236-14, L236-20 và L236-21 hoặc nếu thực hiện khả năng quy định tại Điều L236-22.

Chương II

CẦM CỐ SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Điều L142-1

Sản nghiệp thương mại có thể được cầm cố. Việc cầm cố sản nghiệp thương mại chỉ tuân theo các điều kiện và trình tự, thủ tục quy định tại Chương này và Chương III.

Việc cầm cố sản nghiệp thương mại không làm phát sinh cho chủ nợ nhận cầm cố quyền được giao sản nghiệp thương mại để được thanh toán tương ứng với khoản nợ của mình.

Điều L142-2

Chỉ những tài sản liệt kê dưới đây mới được cầm cố theo quy định tại Chương này và được coi là thuộc sản nghiệp thương mại: biển hiệu, tên thương mại, quyền thuê trụ sở, khách hàng, động sản thương mại, trang thiết bị hoặc công cụ được sử dụng vào việc khai thác sản nghiệp, bằng sáng chế, hợp đồng lixăng, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và nhìn chung, các quyền sở hữu trí tuệ gắn với sản nghiệp thương mại.

Giấy chứng nhận bổ sung sau khi cầm cố bằng sáng chế và được áp dụng đối với bằng sáng chế đó, được xử lý như bằng sáng chế và cũng thuộc tài sản cầm cố.

Nếu không được xác định rõ ràng, cụ thể trong hợp đồng cầm cố, tài sản cầm cố chỉ bao gồm biển hiệu, tên thương mại, quyền thuê trụ sở và khách hàng.

Nếu tài sản cầm cố là sản nghiệp thương mại và các chi nhánh của sản nghiệp thương mại thì các chi nhánh này phải được xác định bởi địa chỉ cụ thể.

Điều L142-3

Hợp đồng cầm cố được lập dưới hình thức văn bản xác thực hoặc văn bản ký tự, được đăng ký theo quy định pháp luật.

Việc đăng ký vào sổ đăng ký công khai tại Phòng Lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm có thẩm quyền nơi khai thác sản nghiệp thương mại là điều kiện đủ để quyền ưu tiên theo hợp đồng cầm cố được xác lập.

Thủ tục nêu trên cũng phải được tiến hành tại Phòng Lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm, nơi có chi nhánh của sản nghiệp thương mại thuộc tài sản cầm cố.

Điều L142-4

Việc đăng ký hợp đồng cầm cố phải được tiến hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập hợp đồng. Nếu không tuân thủ quy định này thì hợp đồng cầm cố vô hiệu.

Trong trường hợp phục hồi hoặc thanh lý phá sản theo quyết định của Tòa án, các điều từ L621-107 đến L621-110 được áp dụng đối với việc cầm cố sản nghiệp thương mại.

Điều L142-5

Thứ tự thanh toán của các chủ nợ nhận cầm cố được xác định theo ngày đăng ký hợp đồng cầm cố. Các chủ nợ được đăng ký cùng một ngày cùng tham gia thanh toán.

Chương III

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ MUA BÁN VÀ CẦM CỐ SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Mục 1

XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ VÀ THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ

Điều L143-1

Trong trường hợp chuyển trụ sở sản nghiệp thương mại, các khoản nợ được đăng ký đương nhiên trở thành các khoản nợ đến hạn thanh toán nếu chủ sở hữu sản nghiệp thương mại không thông báo trước cho các chủ nợ có đăng ký, trong thời hạn ít nhất 15 ngày, ý định chuyển trụ sở sản nghiệp thương mại và nơi dự định đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo hoặc kể từ ngày biết việc chuyển trụ sở, người bán hoặc chủ nợ nhận cầm cố phải yêu cầu ghi vào đăng ký đã có trụ sở mới của sản nghiệp thương mại, và nếu sản nghiệp thương mại được chuyển sang một khu vực thuộc phạm vi thẩm quyền của Tòa án khác thì phải chuyển đăng ký ban đầu vào sổ đăng ký của Tòa án có thẩm quyền trên cơ sở giữ nguyên ngày đăng ký ban đầu và ghi trụ sở mới.

Việc chuyển trụ sở sản nghiệp thương mại mà không có sự đồng ý của người bán hoặc các chủ nợ nhận cầm cố, có thể làm cho các khoản nợ của những người này đến hạn thanh toán, nếu việc chuyển trụ sở đó làm cho sản nghiệp thương mại bị giảm giá trị.

Việc đăng ký hợp đồng cầm cố cũng có thể làm cho đến hạn thanh toán các khoản nợ trước đây phát sinh từ khai thác sản nghiệp thương mại.

Việc yêu cầu Tòa án Thương mại sơ thẩm tuyên bố khoản nợ đến hạn thanh toán theo quy định tại hai đoạn trên phải tuân thủ các trình tự, thủ tục quy định tại Đoạn 4 Điều L143-4.

Điều L143-2

Chủ sở hữu yêu cầu đình chỉ hợp đồng thuê bất động sản nơi khai thác sản nghiệp thương mại đăng ký phải thông báo yêu cầu của mình cho các chủ nợ được đăng ký trước đó, tại địa chỉ ghi trong đăng ký. Tòa án chỉ có thể ra bản án sau thời hạn 1 tháng kể từ ngày thông báo.

Việc đình chỉ hợp đồng thuê theo thoả thuận chỉ có hiệu lực sau thời hạn 1 tháng kể từ ngày thông báo cho các chủ nợ có đăng ký, tại địa chỉ ghi trong đăng ký.

Điều L143-3

Mọi chủ nợ yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố và con nợ bị yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố, có quyền yêu cầu Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi khai thác sản nghiệp thương mại, tiến hành bán sản nghiệp thương mại bị kê biên kèm theo trang thiết bị và hàng hoá thuộc sản nghiệp thương mại đó.

Theo yêu cầu của chủ nợ yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, Tòa án Thương mại sơ thẩm ra quyết định là nếu con nợ không thanh toán trong thời hạn quy định, việc bán sản nghiệp thương mại được tiến hành theo yêu cầu của chủ nợ đó, sau khi tiến hành các thủ tục quy định tại Điều L143-6.

Quy định trên cũng được áp dụng trong trường hợp chủ nợ yêu cầu bán sản nghiệp thương mại trên cơ sở đơn khởi kiện của con nợ.

Nếu chủ nợ không có yêu cầu, Tòa án Thương mại sơ thẩm quyết định thời hạn cần tiến hành bán sản nghiệp thương mại theo yêu cầu của con nợ theo các thủ tục quy định tại Điều L143-6, và quyết định là nếu con nợ không tiến hành bán sản nghiệp thương mại trong thời hạn nêu trên thì thủ tục kê biên, xử lý tài sản cầm cố sẽ được tiếp tục dựa trên kết quả xử lý trước đó.

Điều L143-4

Toà án chỉ định, trong trường hợp cần thiết, một nhân viên tạm thời quản lý sản nghiệp thương mại, ấn định giá khởi điểm, xác định các điều kiện chủ yếu của việc mua bán để tiến hành bán đấu giá, chỉ định nhân viên công quyền lập hồ sơ bán đấu giá.

Trong trường hợp cần tiến hành thủ tục công bố đặc biệt, Toà án ra quyết định về việc này hoặc nếu Toà án không giải quyết thì Chánh án Toà án Thương mại sơ thẩm sẽ ra quyết định giải quyết theo yêu cầu.

Nếu không có chủ nợ có đăng ký hoặc phản đối khác, và sau khi trừ chi phí ưu tiên cho người có quyền ưu tiên, Toà án Thương mại sơ thẩm có thể ra quyết định cho phép chủ nợ yêu cầu xử lý tài sản được thanh toán một cách trực tiếp hoặc theo hoá đơn, từ người mua được tài sản bán đấu giá hoặc từ nhân viên công quyền phụ trách việc bán đấu giá, tùy từng trường hợp, trên cơ sở khấu trừ hoặc một cách tương ứng với khoản nợ của mình, bao gồm cả gốc, lãi và chi phí.

Toà án Thương mại sơ thẩm ra bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở phiên xét xử đầu tiên. Bản án của Toà án không thể bị xem xét lại theo thủ tục kháng cáo xét xử vắng mặt và có hiệu lực thi hành. Việc kháng cáo phúc thẩm có hiệu lực tạm đình chỉ thi hành bản án bị kháng cáo và được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án và được Toà Phúc thẩm giải quyết trong thời hạn 1 tháng. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Điều L143-5

Người bán và chủ nợ nhận cầm cố được đăng ký quyền ưu tiên đối với sản nghiệp thương mại cũng có quyền yêu cầu bán sản nghiệp thương mại bị cầm cố, kể cả căn cứ vào một văn bản ký tự, trong thời hạn 8 ngày kể từ ngày yêu cầu con nợ và người thứ ba giữ tài sản thanh toán, nếu có, mà không có kết quả.

Yêu cầu bán sản nghiệp thương mại được gửi đến Toà án

Thương mại sơ thẩm nơi khai thác sản nghiệp thương mại. Tòa án này xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều L143-4.

Điều L143-6

Chủ nợ yêu cầu xử lý tài sản yêu cầu chủ sở hữu sản nghiệp thương mại và các chủ nợ được đăng ký trước khi có quyết định cho phép bán sản nghiệp thương mại, phải tìm hiểu hồ sơ bán đấu giá, đưa ra ý kiến, nhận xét của mình và tham dự việc bán đấu giá nếu thấy cần thiết. Việc yêu cầu này được thực hiện tại địa chỉ ghi trong đăng ký, trong thời hạn ít nhất 15 ngày trước khi bán.

Việc bán sản nghiệp thương mại diễn ra trong thời hạn ít nhất 10 ngày kể từ ngày dán thông báo ghi họ, tên, nghề nghiệp, địa chỉ của chủ nợ yêu cầu xử lý tài sản và chủ sở hữu sản nghiệp thương mại, quyết định là căn cứ để tiến hành thủ tục bán đấu giá, địa chỉ được lựa chọn tại nơi đặt trụ sở Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi khai thác sản nghiệp thương mại, các yếu tố hợp thành sản nghiệp thương mại, tính chất, tình hình hoạt động của sản nghiệp thương mại, các mức giá khởi điểm, địa điểm, ngày, giờ bán đấu giá, họ, tên, địa chỉ của nhân viên công quyền được chỉ định phụ trách việc bán đấu giá và người giữ hồ sơ bán đấu giá.

Thông báo này bắt buộc phải được dán, theo yêu cầu của nhân viên công quyền, tại cửa chính của bất động sản và uỷ ban xã nơi có sản nghiệp thương mại, Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi khai thác sản nghiệp thương mại và tại cửa văn phòng làm việc của nhân viên công quyền được chỉ định.

Thông báo này được đăng trên báo thông tin pháp luật của quận hoặc tỉnh nơi có sản nghiệp thương mại, trong thời hạn 10 ngày trước khi bán sản nghiệp thương mại.

Việc công bố công khai được xác nhận trong biên bản bán sản nghiệp thương mại.

Điều L143-7

Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng của quận nơi khai thác sản nghiệp thương mại xem xét, giải quyết, nếu có, các yêu cầu tuyên bố vô hiệu thủ tục bán sản nghiệp thương mại trước khi bán đấu giá và xem xét, giải quyết vấn đề án phí. Các yêu cầu nêu trên phải được đưa ra trong thời hạn ít nhất 8 ngày trước khi bán đấu giá. Nếu không tuân thủ quy định này thì mất quyền yêu cầu đó. Đoạn 4 Điều L143-4 được áp dụng đối với quyết định của Chánh án.

Điều L143-8

Tòa án Thương mại sơ thẩm thụ lý yêu cầu thanh toán một khoản nợ liên quan đến việc khai thác sản nghiệp thương mại, có thể, nếu ra quyết định buộc thanh toán và nếu chủ nợ có yêu cầu, quyết định bán sản nghiệp thương mại trong cùng bản án đó. Tòa án ra quyết định theo quy định tại các đoạn 1 và 2 Điều L143-4 và xác định thời hạn mà hết thời hạn đó, nếu không được thanh toán thì có quyền yêu cầu bán sản nghiệp thương mại.

Các quy định của Đoạn 4 Điều L143-4 và các điều L143-6 và L143-7 được áp dụng đối với việc bán sản nghiệp được Tòa án Thương mại sơ thẩm quyết định theo quy định nêu trên.

Điều L143-9

Nếu người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện các quy định về bán đấu giá thì sản nghiệp thương mại được đưa ra bán đấu giá lại theo quy định tại các điều L143-6 và L143-7.

Người mua được tài sản bán đấu giá mà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phải trả phần chênh lệch giữa giá mình đã trả với giá bán đấu giá lại, đối với các chủ nợ của người bán và đối với bản thân người bán, nhưng không được hưởng phần chênh lệch trong trường hợp giá mình đã trả cao hơn giá bán đấu giá lại.

Điều L143-10

Chỉ được tiến hành bán riêng rẽ một hoặc nhiều tài sản thuộc sản nghiệp thương mại bị đăng ký quyền ưu tiên, theo yêu cầu xử lý tài sản hoặc theo các quy định của Chương này, trong thời hạn sớm nhất 10 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu đó cho các chủ nợ đã được đăng ký trong thời hạn ít nhất 15 ngày trước khi có thông báo đó, tại địa chỉ ghi trong đăng ký. Trong thời hạn 10 ngày nêu trên, mọi chủ nợ có đăng ký, dù khoản nợ của họ đến hạn hay chưa đến hạn, đều có quyền triệu tập những người có liên quan ra Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi khai thác sản nghiệp thương mại, để yêu cầu tiến hành bán tất cả các tài sản thuộc sản nghiệp thương mại, theo yêu cầu của chủ nợ yêu cầu xử lý tài sản hoặc theo yêu cầu của chính mình, theo quy định tại các điều từ L143-3 đến L143-7.

Trang thiết bị và hàng hoá được bán đồng thời với sản nghiệp thương mại theo các mức giá khởi điểm khác nhau, hoặc theo các giá khác nhau nếu hồ sơ bán đấu giá bắt buộc người mua được tài sản bán đấu giá phải chấp nhận các giá đó theo ý kiến của giám định viên.

Phải chia nhỏ giá bán sản nghiệp thương mại đối với các tài sản thuộc sản nghiệp thương mại không bị đăng ký quyền ưu tiên.

Điều L143-11

Mọi trường hợp bán đấu giá lại theo một giá khởi điểm cao hơn giá bán đấu giá lần trước, không được chấp nhận trong trường hợp việc mua bán đó đã diễn ra theo đúng quy định tại các điều L141-19, L143-3 đến L143-8, L143-10 và L143-13 đến L143-15.

Điều L143-12

Các quyền ưu tiên của người bán và chủ nợ nhận cầm cố theo sản nghiệp thương mại dù sản nghiệp đó đang do ai giữ.

Trong trường hợp việc bán sản nghiệp thương mại đã không được tiến hành công khai theo quy định được nêu tại Điều L143-11, người mua muốn được bảo vệ khi các chủ nợ có đăng ký yêu cầu xử lý tài sản, thì phải tiến hành thông báo cho tất cả các chủ nợ có đăng ký theo quy định của Chính phủ. Việc thông báo này được thực hiện trước khi có yêu cầu xử lý tài sản hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có yêu cầu thanh toán gửi cho người mua. Nếu không tuân thủ quy định này thì người mua không được bảo vệ.

Điều L143-13

Trong trường hợp Điều L143-11 không được áp dụng, mọi chủ nợ có đăng ký đối với sản nghiệp thương mại có thể yêu cầu tiến hành bán đấu giá sản nghiệp thương mại trên cơ sở đưa ra giá cơ bản cao hơn 1/10, không bao gồm trang thiết bị và hàng hoá, và đưa ra bảo đảm cho việc thanh toán giá, chi phí hoặc chứng minh có đủ khả năng thanh toán.

Yêu cầu này có chữ ký của chủ nợ và phải được tổng đạt cho người mua và chủ nợ trước đó là chủ sở hữu, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, kèm theo giấy triệu tập ra Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi có sản nghiệp thương mại, để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có khiếu nại về hiệu lực của việc đặt giá cao hơn giá bán lần trước, về hiệu lực của biện pháp bảo đảm hoặc về khả năng thanh toán của người đặt giá cao hơn, và để Tòa án quyết định tiến hành bán đấu giá sản nghiệp thương mại kèm theo trang thiết bị và hàng hoá thuộc sản nghiệp đó, và để Tòa án buộc người mua bị trả giá cao hơn phải chuyển giấy chứng nhận quyền sở hữu của mình và hợp đồng cho thuê hoặc hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cho thuê cho nhân viên công quyền được chỉ định. Nếu không tuân thủ quy định này thì yêu cầu không có giá trị. Thời hạn 15 ngày nêu trên không thể bị gia hạn vì lý do khoảng cách giữa địa chỉ ghi trong đăng ký và địa chỉ thực sự của các chủ nợ có đăng ký.

Điều L143-14

Kể từ thời điểm được tổng đạt việc đặt giá cao hơn, nếu người mua đã tiếp nhận sản nghiệp thương mại trên thực tế thì đương nhiên trở thành người giữ và quản lý sản nghiệp đó và chỉ được quyền thực hiện các hành vi quản lý đối với sản nghiệp thương mại. Tuy nhiên, người mua có quyền yêu cầu Tòa án Thương mại sơ thẩm hoặc thẩm phán cấp thẩm, tùy từng trường hợp và vào bất cứ lúc nào của quá trình tố tụng, chỉ định một người quản lý tài sản khác. Bất kỳ chủ nợ nào cũng có quyền đưa ra yêu cầu này.

Người đặt giá cao hơn không thể, ngay cả khi thanh toán giá đó, ngăn cản việc bán đấu giá bằng cách rút lại yêu cầu của mình, nếu không có sự đồng ý của tất cả các chủ nợ có đăng ký.

Các trình tự, thủ tục bán sản nghiệp thương mại do người đặt giá cao hơn tiến hành, nếu không, do bất kỳ chủ nợ có đăng ký hoặc do người mua tiến hành mà chi phí và rủi ro do người đặt giá cao hơn chịu và người bảo lãnh của người này vẫn phải chịu trách nhiệm, theo quy định tại các điều L143-4, L143-5 đến L143-7 và Đoạn 3 Điều L143-10.

Nếu không có người nào trả giá cao hơn, chủ nợ đặt giá cao hơn trong thủ tục bán đấu giá lại được tuyên bố là người mua được sản nghiệp thương mại.

Điều L143-15

Người mua được sản nghiệp thương mại phải chấp nhận trang thiết bị và hàng hoá tồn tại vào ngày tiếp nhận, theo giá được xác định thông qua thủ tục giám định theo thoả thuận hoặc theo quyết định của Tòa án, có sự tranh tụng giữa người mua bị trả giá cao hơn, người bán sản nghiệp thương mại cho người đó và người mua được sản nghiệp thương mại.

Người mua được sản nghiệp thương mại phải hoàn trả cho người mua bị mất quyền đối với sản nghiệp đó, ngoài giá bán đấu giá, các chi phí hợp lý liên quan đến hợp đồng của người này

và các chi phí thông báo, đăng ký và công bố công khai quy định tại các điều từ L141-6 đến L141-18, và hoàn trả cho bất kỳ người nào khác các chi phí đã bỏ ra để có thể tiến hành bán đấu giá lại.

Điều L143-9 được áp dụng đối với việc bán và bán đấu giá lại trên cơ sở đặt giá cao hơn giá bán lần trước.

Người mua bị trả giá cao hơn mà mua được tài sản khi bán đấu giá lại thì có quyền yêu cầu người bán hoàn trả phần cao hơn giá quy định trong hợp đồng của mình và tiền lãi đối với phần cao hơn đó được tính kể từ ngày thanh toán theo từng kỳ hạn.

Mục 2

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ XOÁ ĐĂNG KÝ

Điều L143-16

Việc đăng ký và xoá đăng ký quyền ưu tiên của người bán hoặc chủ nợ nhận cầm cố phải tuân thủ các trình tự, thủ tục do Chính phủ quy định trên cơ sở tham khảo ý kiến của Tham chính viện.

Điều L143-17

Ngoài các trình tự, thủ tục đăng ký quy định tại Điều L143-16, việc mua bán hoặc chuyển nhượng sản nghiệp thương mại bao gồm nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp, cũng như việc cầm cố sản nghiệp thương mại bao gồm quyền đối với sáng chế, hợp đồng lixăng, nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp, phải được đăng ký tại Viện Sở hữu công nghiệp quốc gia, trên cơ sở xuất trình giấy chứng nhận đăng ký, do Phòng Lục sự Toà án Thương mại sơ thẩm cấp và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký này ; nếu không tiến hành đăng ký trên hợp đồng mua bán, chuyển nhượng hoặc cầm cố bằng sáng chế, hợp đồng lixăng, nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ hoặc kiểu dáng công nghiệp không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

Việc chuyển nhượng bằng sáng chế thuộc sản nghiệp thương mại được chuyển nhượng còn phải tuân thủ các quy định về chuyển nhượng bằng sáng chế tại các điều L613-8 và tiếp theo của Bộ luật Sở hữu trí tuệ.

Điều L143-18

Nếu giấy tờ là căn cứ của quyền ưu tiên được đăng ký là một lệnh phiếu thì việc mua bán theo phương thức ký hậu chuyển nhượng có giá trị như chuyển giao quyền ưu tiên.

Điều L143-19

Đăng ký bảo đảm quyền ưu tiên trong thời hạn 10 năm kể từ ngày đăng ký. Đăng ký sẽ hết hiệu lực nếu không được gia hạn trước khi hết thời hạn trên.

Đăng ký bảo đảm cho nợ chính và tiền lãi có cùng thứ tự ưu tiên thanh toán trong thời hạn 2 năm.

Điều L143-20

Đăng ký được xoá theo thoả thuận của các bên liên quan và có năng lực để thực hiện việc này, hoặc theo một bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu không có bản án cho phép xoá đăng ký, lục sự chỉ có thể tiến hành xoá toàn bộ hoặc một phần đăng ký trên cơ sở văn bản đồng ý xoá đăng ký và chứng minh quyền của mình do chủ nợ hoặc người được chủ nợ chuyển nhượng quyền xuất trình. Văn bản này phải là văn bản xác thực hoặc văn bản ký tự được đăng ký một cách hợp lệ.

Việc xoá toàn bộ hoặc một phần đăng ký ở Viện Sở hữu công nghiệp quốc gia được thực hiện trên cơ sở xuất trình giấy chứng nhận xoá đăng ký do lục sự của Tòa án Thương mại sơ thẩm cấp.

Mục 3

NGƯỜI TRUNG GIAN VÀ PHÂN CHIA GIÁ BÁN

Điều L143-21

Bên thứ ba giữ tiền bán sản nghiệp thương mại và được lựa chọn làm địa chỉ giao dịch phải tiến hành phân chia giá bán trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày lập hợp đồng mua bán.

Hết thời hạn này, bên có yêu cầu sớm nhất có quyền yêu cầu theo thủ tục cấp thẩm, Tòa án có thẩm quyền nơi có địa chỉ giao dịch, ra quyết định ký gửi số tiền bán sản nghiệp thương mại tại Quỹ ký gửi hoặc chỉ định một người giữ và phân chia số tiền đó.

Điều L143-22

Trong trường hợp sản nghiệp thương mại bị tịch thu theo quyết định của Tòa án Hình sự theo quy định tại các điều 225-16, 225-19 và 225-22 Bộ luật Hình sự và Điều 706-39 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nhà nước phải tiến hành bán sản nghiệp thương mại bị tịch thu theo các trình tự, thủ tục quy định tại Thiên này trong thời hạn 1 năm, trừ trường hợp đặc biệt, thời hạn này được gia hạn theo quyết định của Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng. Nhà nước chỉ có nghĩa vụ đối với các chủ nợ trong phạm vi số tiền bán sản nghiệp này.

Việc bán sản nghiệp thương mại chỉ được thực hiện sau 45 ngày có công bố trên báo thông tin pháp luật, dù là bán đấu giá hay bán theo thoả thuận.

Các giao dịch bảo đảm được đăng ký sau ngày tiến hành truy tố một trong các tội nêu tại Đoạn 1, đương nhiên bị vô hiệu, trừ khi Tòa án quyết định khác.

Vào bất cứ lúc nào, cơ quan hành chính có quyền yêu cầu ấn định tiền thuê với mức tương ứng với giá trị cho thuê của trụ sở.

Trong trường hợp chủ sở hữu sản nghiệp thương mại bị tịch thu đồng thời là chủ sở hữu trụ sở nơi khai thác sản nghiệp đó, thì phải lập một hợp đồng thuê trụ sở theo các điều kiện do

Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng xác định, nếu các bên không có thoả thuận, và theo các thể thức quy định đối với hợp đồng thuê bất động sản hoặc trụ sở thương mại, công nghiệp hoặc thủ công mỹ nghệ.

Điều L143-23

Trên cơ sở tham khảo ý kiến của Tham chính viện, Chính phủ quy định chi tiết thi hành các chương I, II và Chương này, đặc biệt là tiền thù lao trả cho lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm, các điều kiện thực hiện việc đăng ký, xoá đăng ký, cấp bản kê khai đăng ký hoặc giấy chứng nhận không có đăng ký, tại Viện Sở hữu công nghiệp quốc gia, liên quan đến các hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, cầm cố sản nghiệp thương mại bao gồm bằng sáng chế, hợp đồng lixăng, nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ, kiểu dáng công nghiệp.

Chính phủ cũng quy định lệ phí mà Viện Nghệ thuật và Nghề nghiệp được thu cho Viện Sở hữu công nghiệp quốc gia, liên quan đến việc đăng ký, xác nhận tính có trước của đối tượng đăng ký, xác nhận thay thế và xác nhận xoá đăng ký, cấp bản kê khai đăng ký hoặc giấy chứng nhận không có đăng ký.

Chương IV

THUÊ SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Điều L144-1

Kể cả khi các bên có thoả thuận khác, mọi hợp đồng hoặc thoả thuận, theo đó, chủ sở hữu hoặc người khai thác sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công, cho người khác thuê và khai thác toàn bộ hoặc một phần sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công đó mà người thuê chịu trách nhiệm về hoạt động của mình, thì phải tuân thủ các quy định của Chương này.

Điều L144-2

Người thuê có tư cách thương nhân và phải tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của thương nhân.

Trong trường hợp sản nghiệp thương mại là một cơ sở hoạt động thủ công, người thuê phải được đăng ký tại Cơ quan Đăng ký hoạt động nghề nghiệp và phải tuân thủ tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ việc đăng ký đó.

Điều L144-3

Cá nhân hoặc pháp nhân cho thuê sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công, phải đã khai thác sản nghiệp hoặc cơ sở đó trong thời gian ít nhất 2 năm.

Điều L144-4

Thời hạn quy định tại Điều L144-3 có thể được huỷ bỏ hoặc rút ngắn theo quyết định của Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng theo yêu cầu của đương sự và sau khi có ý kiến của Viện Công tố, đặc biệt trong trường hợp đương sự chứng minh được mình không có khả năng tự mình, hoặc thông qua nhân viên của mình, khai thác sản nghiệp thương mại.

Điều L144-5

Điều L144-3 không áp dụng đối với:

1. Nhà nước trung ương;
2. Các cơ quan hành chính địa phương;
3. Các tổ chức tín dụng;

4. Những người thành niên được bảo hộ theo quy định của pháp luật hoặc những người bị nhập viện do bị rối loạn tâm thần theo quy định tại Điều L3211-2 và từ Điều L3212-1 đến Điều L3212-12 Bộ luật Y tế công cộng, đối với sản nghiệp thương mại mà những người này là chủ sở hữu trước khi được áp dụng biện pháp bảo hộ theo quy định của pháp luật hoặc trước khi bị nhập viện;

5. Những người thừa kế hoặc người được di tặng của thương nhân hoặc người hoạt động thủ công mỹ nghệ chết, cũng như những người được cha mẹ, ông bà chia tài sản theo hợp đồng tặng cho hoặc theo di chúc, đối với sản nghiệp thương mại được hưởng;

6. Các cơ quan hành chính sự nghiệp được thành lập theo quy định tại Điều L325-1 Bộ luật Quy hoạch đô thị;

7. Người vợ hoặc chồng được giao sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công khi chấm dứt chế độ tài sản của vợ chồng, trong trường hợp người đó đã tham gia vào việc khai thác sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công trong thời hạn ít nhất 2 năm trước khi chấm dứt chế độ tài sản của vợ chồng hoặc trước khi phân chia tài sản;

8. Người cho thuê sản nghiệp thương mại, trong trường hợp việc cho thuê nhằm mục đích chính là bảo đảm bằng một hợp đồng độc quyền, việc bán lẻ các sản phẩm do mình sản xuất hoặc phân phối;

9. Người cho thuê sản nghiệp thương mại là cơ sở hoạt động điện ảnh, sân khấu và ca múa nhạc.

Điều L144-6

Vào thời điểm cho thuê sản nghiệp thương mại, các khoản nợ của người cho thuê phát sinh từ việc khai thác sản nghiệp đó có thể bị Tòa án Thương mại sơ thẩm nơi có sản nghiệp, tuyên bố là đến hạn thanh toán ngay lập tức nếu Tòa án cho rằng việc cho thuê làm việc thu hồi các khoản nợ đó có nguy cơ không thể thực hiện được.

Quyền yêu cầu phải được thực hiện trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày công bố hợp đồng thuê sản nghiệp thương mại trên báo thông tin pháp luật. Nếu không tuân thủ quy định này thì sẽ bị mất quyền yêu cầu.

Điều L144-7

Trước khi công bố hợp đồng thuê sản nghiệp thương mại và

trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày công bố hợp đồng này, người cho thuê chịu trách nhiệm liên đới với người thuê về các khoản nợ mà người này cam kết khi khai thác sản nghiệp thương mại.

Điều L144-8

Các điều L144-3, L144-4 và L144-7 không áp dụng đối với các hợp đồng thuê sản nghiệp thương mại được giao kết bởi những người được ủy quyền quản lý sản nghiệp thương mại theo quyết định của tòa án với bất kỳ danh nghĩa nào, với điều kiện những người này phải được cơ quan mà họ nhận ủy quyền cho phép giao kết các hợp đồng đó và phải tuân thủ các quy định pháp luật về công bố công khai.

Điều L144-9

Việc chấm dứt hợp đồng thuê sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công làm cho đến hạn ngay lập tức các khoản nợ phát sinh từ việc khai thác sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công mà người thuê cam kết trong thời gian thuê.

Điều L144-10

Mọi hợp đồng thuê sản nghiệp thương mại hoặc mọi thỏa thuận khác có các điều khoản tương tự, mà chủ sở hữu hoặc người khai thác sản nghiệp thương mại giao kết mà không đáp ứng các điều kiện quy định tại các điều trên, đều bị vô hiệu. Tuy nhiên, các bên giao kết không thể viện dẫn việc hợp đồng vô hiệu đối với các bên thứ ba.

Việc hợp đồng vô hiệu theo quy định tại đoạn trên làm cho các bên giao kết mất các quyền mà lẽ ra có thể được hưởng theo quy định của Chương 5 Thiên này trong quan hệ giữa người cho thuê và người thuê, liên quan đến việc gia hạn hợp đồng thuê bất động sản hoặc trụ sở để sử dụng vào hoạt động thương mại, công nghiệp hoặc thủ công.

Điều L144-11

Nếu hợp đồng thuê có kèm theo điều khoản về điều chỉnh giá thuê thì có thể yêu cầu điều chỉnh giá thuê, kể cả khi các bên có thoả thuận khác, trong mọi trường hợp giá thuê tăng hoặc giảm 1/4 so với giá được quy định từ trước trong hợp đồng hoặc theo quyết định của Tòa án.

Nếu một trong các yếu tố là căn cứ xác định điều khoản về điều chỉnh giá thuê biến mất thì chỉ có thể yêu cầu điều chỉnh giá thuê khi các điều kiện kinh tế thay đổi đến mức làm biến động đến hơn 1/4 giá trị cho thuê của sản nghiệp thương mại.

Điều L144-12

Bên nào yêu cầu điều chỉnh giá thuê thì phải thông báo cho bên kia bằng thư bảo đảm có giấy báo nhận hoặc bằng văn bản ngoài tổ tụng của Thừa phát lại.

Nếu các bên không có thoả thuận, yêu cầu điều chỉnh giá thuê được đưa ra Tòa án xem xét, giải quyết theo các quy định về điều chỉnh giá thuê bất động sản hoặc trụ sở để sử dụng vào hoạt động thương mại hoặc công nghiệp.

Căn cứ vào tất cả các tiêu chí đánh giá, Tòa án sẽ điều chỉnh giá thuê theo giá trị cho thuê được xác định một cách công bằng vào ngày thông báo yêu cầu điều chỉnh giá thuê. Giá mới được áp dụng kể từ ngày đó, trừ khi các bên thoả thuận trước khi hoặc trong khi Tòa án giải quyết yêu cầu, một ngày sớm hơn hoặc muộn hơn.

Điều L144-13

Các điều L144-11 và L144-12 không áp dụng vào các hoạt động thuê mua tài chính đối với sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật số 66-455 ngày 2 tháng 7 năm 1966 về các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thuê mua tài chính.

Các quy định của Điều L144-9 không được áp dụng trong

trường hợp người thuê sản nghiệp thương mại hoặc cơ sở hoạt động thủ công theo hợp đồng thuê mua tài chính, tuyên bố thực hiện quyền mua lại của mình.

Chương V

THUÊ TRỤ SỞ THƯƠNG MẠI

Mục 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều L145-1

I. Quy định tại chương này áp dụng đối với các trường hợp thuê bất động sản hoặc trụ sở mà tại đó một sản nghiệp thương mại được khai thác; dù sản nghiệp thương mại này thuộc sở hữu của một thương nhân, một doanh nghiệp sản xuất đã đăng ký kinh doanh hay của một chủ doanh nghiệp đã đăng ký tại Sổ Quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ có thực hiện hoặc không thực hiện hành vi thương mại. Ngoài ra, quy định tại chương này còn áp dụng đối với :

1. Các trường hợp thuê trụ sở hoặc bất động sản phụ để phục vụ cho việc khai thác một sản nghiệp thương mại, với điều kiện:

- việc không có được trụ sở hoặc bất động sản phụ đó có khả năng làm phương hại đến quá trình khai thác sản nghiệp, và;
- trụ sở hoặc bất động sản phụ đó thuộc về chủ sở hữu của trụ sở hoặc bất động sản chính.

Trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu thì bên cho thuê phải được biết rõ về việc các trụ sở phụ cho thuê sẽ được sử dụng gắn liền với trụ sở chính.

2. Các trường hợp thuê đất mà trên đất đó đã xây dựng – trước hoặc sau khi giao kết hợp đồng thuê – những công trình để sử dụng vào mục đích thương mại, công nghiệp hoặc thủ công, với điều kiện các công trình đó đã được xây dựng hoặc khai thác với sự đồng ý rõ ràng của chủ sở hữu.

II. Trong trường hợp sản nghiệp được khai thác dưới hình thức thuê theo quy định tại Chương IV của Thiên này, thì chủ sở hữu của sản nghiệp vẫn được hưởng các quy định tại Chương này mà không cần phải chứng minh về việc đã đăng ký kinh doanh hoặc đã ghi tên trong Sổ Quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ.

Điều L145-2

I. Quy định tại Chương này cũng được áp dụng đối với:

1. Các trường hợp thuê trụ sở hoặc bất động sản để sử dụng làm cơ sở giáo dục, đào tạo ;

2. Các trường hợp chính quyền cấp xã thuê bất động sản hoặc trụ sở mà vào thời điểm thuê hoặc sau thời điểm thuê, bất động sản hoặc trụ sở đó được dành để phục vụ cho việc khai thác một số dịch vụ dưới hình thức công quản, với sự đồng ý rõ ràng hoặc ngầm định của chủ sở hữu;

3. Các trường hợp thuê bất động sản hoặc trụ sở chính hoặc phụ, cần thiết cho hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh, trong những giới hạn được xác định bởi các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các doanh nghiệp và đơn vị này, với điều kiện việc thuê đó không lấn chiếm đến công sản;

4. Các trường hợp thuê trụ sở hoặc bất động sản thuộc sở hữu của Nhà nước trung ương, của các tỉnh, xã và đơn vị nhà nước, với điều kiện không trái với quy định tại Điều L145-26 và với điều kiện trụ sở hoặc bất động sản đó thoả mãn các quy định tại Điều L145-1 hoặc thoả mãn quy định tại Đoạn 1 và 2 trên đây;

5. Các trường hợp thuê bất động sản dùng làm địa điểm kinh doanh của các hợp tác xã tổ chức dưới hình thức công ty thương mại hoặc công ty có mục đích thương mại, các hợp tác xã tín dụng, các quỹ tiết kiệm hoặc các quỹ bảo hiểm;

6. Các trường hợp thuê trụ sở mà bên thuê là người sáng tạo nghệ thuật được phép đóng bảo hiểm xã hội và được thừa nhận

là tác giả của các tác phẩm họa hình và tạo hình theo định nghĩa tại Điều 98A Phụ lục III Bộ luật chung về thuế.

II. Tuy nhiên, quy định tại Chương này không áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước cho phép chiếm dụng tạm thời một bất động sản mà cơ quan nhà nước đã xác lập quyền sở hữu bằng một quyết định trưng mua vì lợi ích công.

Điều L145-3

Quy định tại Chương này không áp dụng đối với các trường hợp thuê bất động sản dài hạn¹, trừ trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh lại giá thuê trong hợp đồng thuê bất động sản dài hạn. Tuy nhiên, trong các trường hợp quy định tại Điều L145-1 và L145-2, các quy định tại Chương này được áp dụng đối với trường hợp người thuê dài hạn cho thuê lại bất động sản, với điều kiện thời gian gia hạn dành cho người thuê lại không làm cho việc chiếm dụng bất động sản vượt quá thời hạn của hợp đồng thuê dài hạn.

Mục 2

THỜI HẠN THUÊ TRỤ SỞ THƯƠNG MẠI

Điều L145-4

Thời hạn của hợp đồng thuê không được dưới 9 năm.

Tuy nhiên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, cứ sau 3 năm thì bên thuê có quyền đề nghị với bên cho thuê việc chấm dứt hợp đồng theo thủ tục và trong thời hạn quy định tại Điều L145-9.

Bên cho thuê cũng có quyền tương tự nếu quyết định viện dẫn quy định tại các điều L145-18, L145-21 và L145-24 để xây dựng mới, xây dựng lại, nâng cấp bất động sản hiện có hoặc để thực hiện những công việc thi công được cơ quan nhà nước yêu

1. Hợp đồng thuê đất có thời hạn từ 18 đến 99 năm (ND.).

cầu hoặc cho phép trong khuôn khổ một hoạt động bảo dưỡng bất động sản.

Bên thuê đã yêu cầu hưởng quyền nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội mà bên đó đóng góp hoặc đã được chấp thuận cho hưởng mất sức theo chế độ bảo hiểm xã hội đó thì cũng có quyền đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn hợp đồng thuê theo thủ tục và trong thời hạn quy định tại Điều L145-9.

Các quy định tại đoạn trên được áp dụng đối với thành viên duy nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoặc đối với người quản lý có vốn góp đa số từ ít nhất 2 năm trong công ty trách nhiệm hữu hạn, nếu như công ty là bên thuê.

Điều L145-5

Khi bên thuê bắt đầu chiếm hữu trụ sở, các bên có thể không áp dụng quy định tại Chương này, với điều kiện hợp đồng thuê có thời hạn tối đa là 2 năm.

Nếu hết thời hạn đó mà bên thuê vẫn tiếp tục chiếm hữu và được bên cho thuê cho tiếp tục chiếm hữu trụ sở, thì hợp đồng thuê mới được thiết lập và hiệu lực của hợp đồng đó được điều chỉnh bởi những quy định của Chương này.

Tương tự như vậy đối với trường hợp các bên gia hạn hợp đồng hoặc ký kết một hợp đồng thuê mới đối với cùng trụ sở.

Quy định tại hai khoản trên đây không được áp dụng đối với hợp đồng thuê có tính chất thời vụ.

Điều L145-6

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê ban đầu hoặc hợp đồng thuê gia hạn, bên cho thuê một trụ sở dùng vào mục đích thương mại, công nghiệp hoặc sản xuất thủ công mỹ nghệ có quyền lấy lại một phần hoặc toàn bộ trụ sở để thực hiện những công việc thi công đòi hỏi phải sơ tán trong trường hợp trụ sở đó nằm trong khu vực hoặc phạm vi quy định tại các điều L313-3 và L313-4 Bộ luật về quy hoạch đô thị và việc thi công được cho phép hoặc được yêu cầu theo quy định tại hai điều luật này,

nhưng với điều kiện phải đề nghị bố trí cho người thuê một trụ sở tương tự nằm ở cùng địa điểm hoặc tại một địa điểm khác. Đề nghị đó phải nêu cụ thể đặc điểm của trụ sở được bố trí; trụ sở thay thế phải bảo đảm để bên thuê tiếp tục duy trì hoạt động của họ. Đề nghị bố trí trụ sở khác phải được thông báo cho bên thuê biết trước một năm.

Trong thời hạn hai tháng, bên thuê phải thông báo với bên cho thuê về việc chấp nhận đề nghị của bên cho thuê, hoặc phải trình lên tòa án có thẩm quyền lý do từ chối của mình; nếu không trình lý do từ chối thì bên thuê được mặc nhiên coi là đã chấp nhận đề nghị.

Điều L145-7

Trong trường hợp bố trí trụ sở thuê khác, bên thuê có quyền yêu cầu một khoản tiền đền bù cho những thiệt hại do tạm thời mất quyền hưởng dụng sản nghiệp, trên cơ sở có tính đến việc chuẩn bị trụ sở mới mà bên cho thuê đã bỏ tiền ra thực hiện (nếu có) và việc hoàn trả các chi phí hợp lý cần thiết cho việc chuyển từ trụ sở cũ sang trụ sở mới.

Trong trường hợp đề nghị đổi trụ sở đã được bên thuê chấp nhận hoặc được tòa án có thẩm quyền công nhận hiệu lực, sau thời hạn một năm kể từ ngày chấp nhận hoặc công nhận hiệu lực của đề nghị đổi trụ sở, bên thuê phải rời khỏi trụ sở cũ ngay sau khi trụ sở mới được chuẩn bị xong và bên cho thuê đã thanh toán khoản đền bù theo quy định tại Điều L145-19.

Giá thuê và các điều kiện phụ của hợp đồng thuê trụ sở thương mại có thể được thay đổi theo yêu cầu của bên đưa ra yêu cầu sớm nhất.

Mục 3

GIA HẠN HỢP ĐỒNG

Điều L145-8

Chỉ có chủ sở hữu của sản nghiệp thương mại đang được

khai thác tại trụ sở thuê mới có quyền viện dẫn quyền được gia hạn hợp đồng.

Trong trường hợp sản nghiệp có sự thay đổi theo quy định tại Mục 8 Chương này, thì sản nghiệp đó phải đã thực tế được khai thác trong vòng 3 năm trước ngày hết thời hạn hợp đồng hoặc trước ngày kết thúc thời gian gia hạn đương nhiên theo quy định tại Điều L145-9; ngày hết thời hạn hợp đồng có thể là ngày chấm dứt hợp đồng ghi trong đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn của một bên, hoặc ngày kết thúc thời gian sử dụng thêm nếu như một bên đã có yêu cầu kéo dài thời gian thuê.

Điều L145-9

Ngoại lệ với quy định tại các điều 1736 và 1737 của Bộ luật Dân sự, các hợp đồng thuê trụ sở thương mại thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này chỉ chấm dứt khi có đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn được đưa ra theo tập quán địa phương và chậm nhất 6 tháng trước khi chấm dứt.

Đối với hợp đồng thuê trụ sở thương mại lập bằng văn bản, nếu không có đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn hợp đồng thì khi hết hạn, hợp đồng đương nhiên được gia hạn tiếp, theo đúng quy định tại Điều 1738 Bộ luật Dân sự, nhưng không được trái với quy định tại đoạn trên.

Đối với hợp đồng mà thời hạn của hợp đồng đó phụ thuộc vào một sự kiện là điều kiện cho phép bên cho thuê yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thì khi quá thời gian 9 năm, hợp đồng đó chỉ có thể chấm dứt với điều kiện bên cho thuê thông báo trước 6 tháng cho bên thuê và định thời hạn sử dụng thêm. Thông báo này phải nêu rõ về việc xảy ra sự kiện quy định trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng có chia ra nhiều giai đoạn, nếu bên cho thuê từ chối cho thuê tiếp khi hết 9 năm đầu tiên hoặc khi hết một trong các giai đoạn tiếp theo, thì đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn hợp đồng phải được đưa ra trong những thời hạn quy định tại đoạn đầu tiên của Điều này.

Đề nghị chấm dứt hợp đồng hay không gia hạn hợp đồng phải được lập dưới hình thức văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện. Văn bản đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn hợp đồng phải nêu rõ lý do của đề nghị, đồng thời nêu rõ rằng nếu bên thuê muốn phản đối đề nghị đó hoặc yêu cầu tiền đền bù thì trước khi hết thời hạn 2 năm kể từ ngày nhận được đề nghị phải khởi kiện ra trước tòa án, nếu không khởi kiện đúng thời hạn thì mất quyền phản đối và quyền yêu cầu đền bù. Đề nghị chấm dứt hợp đồng hay không gia hạn hợp đồng bị vô hiệu nếu không nêu rõ các nội dung trên đây.

Điều L145-10

Trong trường hợp không có đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn, nếu bên thuê muốn gia hạn hợp đồng thì phải đưa ra yêu cầu trong thời hạn 6 tháng trước khi hết hạn hợp đồng, hoặc vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian hợp đồng đương nhiên được gia hạn.

Yêu cầu gia hạn phải được gửi đến bên cho thuê dưới hình thức văn bản ngoài tổ tụng. Trừ trường hợp bên cho thuê có quy định hoặc thông báo khác, yêu cầu gia hạn gửi cho người quản lý của bên cho thuê được coi là hợp lệ; người quản lý đó được coi là có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu. Trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thì yêu cầu được gửi cho một trong số chủ sở hữu đó cũng có hiệu lực đối với các chủ sở hữu còn lại, trừ khi các bên có quy định hoặc thông báo khác.

Yêu cầu gia hạn phải có những nội dung quy định trong đoạn dưới đây, nếu không sẽ bị vô hiệu.

Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu gia hạn, bên cho thuê phải thông báo bằng văn bản ngoài tổ tụng cho bên yêu cầu về việc chấp nhận hay không chấp nhận gia hạn, nếu không chấp nhận thì phải nêu rõ lý do. Nếu bên cho thuê không thông báo trong thời hạn đó thì mặc nhiên được coi là đã chấp nhận nguyên tắc gia hạn hợp đồng thuê ban đầu.

Văn bản ngoài tố tụng do Thừa phát lại thực hiện thông báo về việc từ chối gia hạn phải nêu rõ rằng nếu bên thuê muốn phản đối sự từ chối đó hoặc yêu cầu tiền đền bù thì trước khi hết thời hạn 2 năm kể từ ngày nhận được thông báo từ chối gia hạn, bên thuê phải khởi kiện ra trước tòa án, nếu không khởi kiện đúng thời hạn thì mất quyền phản đối và quyền yêu cầu đền bù. Văn bản từ chối gia hạn bị vô hiệu nếu không nêu rõ nội dung này.

Điều L145-11

Trong trường hợp bên cho thuê không phản đối nguyên tắc gia hạn nhưng muốn thay đổi giá thuê thì trong đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn quy định tại Điều L145-9 hoặc trong thông báo trả lời yêu cầu gia hạn quy định tại Điều L145-10, bên cho thuê phải đề nghị cụ thể mức giá thuê mới. Nếu không làm như vậy thì giá thuê mới chỉ được áp dụng kể từ ngày bên cho thuê đưa ra yêu cầu về việc áp dụng giá mới theo thủ tục do Chính phủ quy định trên cơ sở có tham khảo Tham chính viện.

Điều L145-12

Thời gian gia hạn của hợp đồng thuê là 9 năm, trừ trường hợp các bên thỏa thuận một thời gian gia hạn dài hơn.

Các quy định tại Đoạn 2 và Đoạn 3 Điều L145-4 được áp dụng trong quá trình thực hiện hợp đồng gia hạn.

Hợp đồng thuê gia hạn có hiệu lực kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê ban đầu hoặc từ ngày hết thời gian gia hạn đương nhiên, nếu có. Ngày hết thời hạn hợp đồng có thể là ngày chấm dứt hợp đồng ghi trong đề nghị chấm dứt hoặc đề nghị không gia hạn của một bên, hoặc ngày kết thúc thời gian sử dụng thêm nếu như một bên đã có yêu cầu kéo dài thời gian thuê.

Tuy nhiên, trong trường hợp bên cho thuê đã thông báo trong đề nghị chấm dứt, trong đề nghị không gia hạn hợp đồng

hoặc trong văn bản từ chối gia hạn về ý định không gia hạn hợp đồng của mình, nhưng sau đó lại quyết định gia hạn thì hợp đồng thuê mới có hiệu lực kể từ ngày văn bản chấp nhận gia hạn do Thừa phát lại thực hiện được gửi đến bên thuê.

Điều L145-13

Với điều kiện không trái với quy định của Luật ngày 28 tháng 5 năm 1943 về việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về thuê tài sản và thuê đất nông nghiệp đối với người nước ngoài, thương nhân, người sản xuất hoặc người được đăng ký trong Sổ quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ mà có quốc tịch nước ngoài thì không được quyền trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua trung gian viện dẫn các quy định tại mục này, trừ khi họ đã từng chiến đấu trong quân đội Pháp hoặc đồng minh trong các cuộc chiến tranh thế giới năm 1914 và 1939, hoặc họ có con mang quốc tịch Pháp.

Quy định tại đoạn trên đây không áp dụng đối với kiều dân các quốc gia thành viên Cộng đồng châu Âu và kiều dân các quốc gia thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu.

Mục 4

TỪ CHỐI GIA HẠN

Điều L145-14

Bên cho thuê có quyền từ chối gia hạn hợp đồng thuê, nhưng phải trả cho bên thuê một khoản đền bù tương ứng với thiệt hại do việc không gia hạn gây ra, trừ các trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều L145-17 và các điều tiếp theo.

Khoản đền bù đó chủ yếu bao gồm giá trị hàng hóa của sản nghiệp thương mại, được xác định theo tập quán của ngành nghề và có thể cộng thêm với các chi phí hợp lý cho việc chuyển đến địa điểm mới cũng như các chi phí và lệ phí đăng ký cho một sản nghiệp có giá trị tương đương, trừ trường hợp chủ sở hữu sản nghiệp chứng minh được rằng thiệt hại là thấp hơn.

Điều L145-15

Mọi điều khoản, quy định và thỏa thuận dưới mọi hình thức nhằm loại bỏ quyền gia hạn quy định tại Chương này hoặc tại các điều L145-4, L145-37 đến L145-41, Đoạn 1 Điều L145-42 và các điều từ L145-47 đến L145-54 đều vô hiệu.

Điều L145-16

Mọi thỏa thuận nhằm cấm bên thuê chuyển nhượng hợp đồng thuê hoặc chuyển nhượng các quyền của họ theo quy định tại Chương này cho người mua sản nghiệp thương mại hoặc mua doanh nghiệp của họ cũng vô hiệu, dù thỏa thuận đó được thiết lập dưới bất kỳ hình thức nào.

Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp hoặc góp vốn bằng một phần tài sản có của một doanh nghiệp theo quy định tại Điều L236-22, thì công ty hình thành sau sáp nhập, hợp nhất hoặc công ty nhận vốn góp được thế vào chỗ của công ty thuê ban đầu và tiếp nhận tất cả các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thuê ban đầu.

Trong trường hợp chuyển nhượng, sáp nhập, hợp nhất công ty hoặc góp vốn, nếu nghĩa vụ bảo đảm không thể thực hiện được theo quy định trong thỏa thuận thì tòa án có quyền thay thế bằng mọi biện pháp bảo đảm mà tòa án cho là cần thiết.

Điều L145-17

I. Bên cho thuê có quyền từ chối gia hạn hợp đồng mà không phải trả tiền đền bù trong các trường hợp sau:

1. Bên cho thuê có bằng chứng về hành vi vi phạm nghiêm trọng của bên thuê để làm căn cứ từ chối hợp pháp. Tuy nhiên, trong trường hợp bên thuê không thực hiện một nghĩa vụ nào đó hoặc ngừng khai thác sản nghiệp thương mại mà không có lý do nghiêm túc và chính đáng, thì căn cứ vào Điều L145-8, bên cho thuê chỉ được phép viện dẫn các hành vi này làm căn cứ từ chối gia hạn với điều kiện bên thuê vẫn tiếp tục hành vi đó trong thời

gian quá 1 tháng kể từ khi bên cho thuê đưa ra yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm. Yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm phải được lập thành văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện trong đó nêu rõ lý do của việc yêu cầu và những nội dung quy định tại đoạn này, nếu không sẽ bị vô hiệu.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trụ sở hoặc bất động sản cho thuê đang ở trong tình trạng không bảo đảm vệ sinh an toàn và do đó phải bị phá bỏ một phần hoặc toàn bộ; hoặc không thể tiếp tục sử dụng được một cách an toàn vì tình trạng xấu của trụ sở hoặc bất động sản.

II. Trong trường hợp chủ sở hữu hoặc người có quyền tiến hành xây dựng một bất động sản mới mà trong đó có trụ sở thương mại, thì người thuê được ưu tiên thuê trụ sở trong bất động sản mới, theo những điều kiện quy định tại các điều L145-19 và L145-20.

Điều L145-18

Bên cho thuê có quyền từ chối gia hạn hợp đồng thuê để xây dựng hoặc xây dựng lại bất động sản hiện có, nhưng phải trả cho bên thuê tiền đền bù theo quy định tại Điều L145-14.

Bên cho thuê cũng có quyền từ chối gia hạn hợp đồng và trả tiền đền bù khi thực hiện những công việc thi công, sửa chữa đòi hỏi phải sơ tán khỏi trụ sở nằm trong khu vực hoặc phạm vi quy định tại các điều L313-3 và L313-4 Bộ luật về quy hoạch đô thị, khi việc thi công sửa chữa đó là do cơ quan nhà nước yêu cầu hoặc cho phép.

Tuy nhiên, bên cho thuê có thể không phải trả tiền đền bù nếu bố trí cho bên thuê một trụ sở mới phù hợp với nhu cầu và khả năng của bên thuê; trụ sở mới phải nằm tại một địa điểm tương đương với địa điểm của trụ sở cũ.

Tùy từng trường hợp cụ thể, bên thuê có thể được nhận một khoản tiền bù đắp cho việc bị mất quyền hưởng dụng tạm thời đối với sản nghiệp thương mại hoặc bù đắp cho phần giá trị mất

đi của sản nghiệp thương mại. Ngoài ra, bên thuê còn được hoàn trả các chi phí hợp lý cho việc dời khỏi trụ sở cũ và chuyển đến trụ sở mới.

Khi viện dẫn quyền của mình theo quy định tại điều này, bên cho thuê phải xem xét áp dụng quy định tại đoạn thứ ba trên đây và phải nêu rõ các điều kiện cho thuê trụ sở mới trong thông báo từ chối gia hạn, trong đề nghị chấm dứt hoặc trong đề nghị không gia hạn hợp đồng. Trong thời hạn 3 tháng, bên thuê phải thông báo bằng văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện về việc chấp nhận thuê trụ sở mới, hoặc phải yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại Điều L145-58.

Nếu các bên không thỏa thuận được với nhau về điều kiện của hợp đồng thuê trụ sở mới thì những điều kiện này sẽ được xác định theo thủ tục quy định tại Điều L145-56.

Điều L145-19

Để được hưởng quyền ưu tiên thuê quy định tại Điều L145-17, thì trong thời hạn chậm nhất 3 tháng kể từ khi rời khỏi trụ sở đang thuê, bên thuê phải thông báo bằng văn bản ngoài tổ tụng cho chủ sở hữu trụ sở về quyết định thực hiện quyền đó, đồng thời cho bên cho thuê biết về nơi ở mới của mình; trong trường hợp tiếp tục có sự thay đổi nơi ở thì bên thuê cũng phải thông báo cho bên cho thuê, nếu không thông báo thì sẽ mất quyền ưu tiên thuê.

Nếu nhận được thông báo như vậy của bên thuê thì trước khi cho thuê hoặc sử dụng trụ sở mới, bên cho thuê phải thông báo bằng văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện cho bên thuê về việc đồng ý cho bên thuê thuê trụ sở mới. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được về điều kiện của hợp đồng thuê trụ sở mới thì những điều kiện này được xác định theo thủ tục quy định tại Điều L145-56.

Bên thuê có thời hạn 3 tháng để trả lời hoặc yêu cầu tòa án

có thẩm quyền giải quyết. Trong thông báo của bên cho thuê quy định tại Đoạn 2 trên đây phải ghi rõ thời hạn này, nếu không ghi rõ thời hạn thì thông báo đó bị vô hiệu. Quá thời hạn 3 tháng mà bên thuê không trả lời hoặc không yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết, thì chủ sở hữu của trụ sở mới có quyền định đoạt trụ sở đó.

Trong trường hợp chủ sở hữu không tuân thủ các quy định trên đây thì phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê, nếu bên thuê có yêu cầu.

Điều L145-20

Trong trường hợp bất động sản được xây dựng lại theo quy định tại Điều L145-17 mà có diện tích lớn hơn so với bất động sản ban đầu, thì quyền ưu tiên thuê chỉ giới hạn ở những trụ sở có diện tích tương đương với trụ sở thuê ban đầu hoặc có khả năng đáp ứng những nhu cầu thương mại tương tự như trụ sở ban đầu.

Trong trường hợp bất động sản xây dựng lại mà không có khả năng chứa tất cả những người chiếm hữu bất động sản cũ, thì quyền ưu tiên thuê thuộc về những người đã thuê lâu nhất nếu họ thông báo ý định thuê trụ sở mới.

Điều L145-21

Chủ sở hữu cũng có quyền lùi thời điểm gia hạn hợp đồng thuê trong thời gian không quá 3 năm, nếu như chủ sở hữu quyết định nâng cao bất động sản của mình và việc thi công để nâng cao đòi hỏi phải sơ tán bên thuê khỏi trụ sở. Trong trường hợp này, bên thuê có quyền hưởng một khoản tiền đền bù tương ứng với thiệt hại mà họ phải chịu, nhưng không được vượt quá 3 năm tiền thuê.

Điều L145-22

Bên cho thuê có quyền từ chối gia hạn hợp đồng thuê đối với

phần diện tích để ở gắn liền với trụ sở thương mại để làm nơi ở cho mình hoặc cho vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, con đẻ, con riêng của vợ hoặc con riêng của chồng, với điều kiện người lấy lại diện tích ở đó không có nơi ở khác đáp ứng nhu cầu thông thường của mình và của các thành viên trong gia đình của mình vẫn thường sống hoặc ở chung với người đó.

Tuy nhiên, quyền lấy lại diện tích ở theo quy định tại đoạn trên không được áp dụng đối với những trụ sở dùng làm khách sạn, trụ sở dùng để cho thuê kèm theo đồ đạc, và trụ sở dùng làm bệnh viện hoặc cơ sở giáo dục đào tạo.

Tương tự như vậy, quyền lấy lại diện tích ở không được áp dụng khi bên thuê chứng minh được rằng việc trả lại diện tích ở sẽ làm xáo trộn nghiêm trọng đến việc khai thác sản nghiệp thương mại, hoặc khi diện tích ở đó và trụ sở thương mại hợp thành một và không thể phân chia.

Nếu bất động sản đã được chuyển giao có đền bù cho bên cho thuê, thì bên cho thuê chỉ có thể viện dẫn quy định tại Điều này khi văn bản xác lập quyền sở hữu đối với bất động sản đó đã có hiệu lực được hơn 6 năm tính đến ngày từ chối gia hạn.

Nếu do thực hiện quyền lấy lại diện tích ở mà bên cho thuê bỏ trống một nơi ở khác, thì bên cho thuê phải để cho bên thuê sử dụng nơi ở khác đó.

Trong trường hợp lấy lại một phần trụ sở cho thuê theo quy định tại Điều này, thì giá thuê trong hợp đồng thuê gia hạn phải tính tới thiệt hại gây ra cho bên thuê hoặc người được bên thuê uỷ quyền trong việc thực hiện hoạt động thương mại của họ.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm bên thuê trả lại diện tích ở, bên lấy lại diện tích này phải đích thân đến ở tại địa điểm đó trong vòng ít nhất 6 năm, trừ trường hợp có lý do chính đáng. Nếu không làm như vậy, thì bên thuê có quyền đòi tiền đền bù tùy vào tầm quan trọng của diện tích lấy lại.

Điều L145-23

Quy định tại Điều L145-22 không áp dụng cho người có quốc tịch nước ngoài hành động trực tiếp hoặc thông qua trung gian, trừ trường hợp họ đã từng chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Pháp hoặc đồng minh trong hai cuộc chiến tranh thế giới năm 1914 và 1939, hoặc họ có con là người Pháp.

Đoạn trên đây không áp dụng đối với kiều dân các quốc gia thành viên Cộng đồng châu Âu hoặc thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu.

Điều L145-24

Quyền được gia hạn hợp đồng không có giá trị đối kháng với chủ sở hữu đã được cấp giấy phép xây dựng nhà ở trên toàn bộ hoặc một phần mảnh đất quy định tại Khoản 2 Điều L145-1.

Tuy nhiên, quyền lấy lại đất để xây dựng nhà ở chỉ được phép thực hiện đối với phần đất cần thiết cho việc xây dựng. Nếu thực hiện quyền lấy lại đất để xây dựng nhà ở mà kéo theo việc chấm dứt hoạt động thương mại, công nghiệp hoặc thủ công mỹ nghệ thì các quy định tại Điều L145-18 sẽ được áp dụng.

Điều L145-25

Nếu chủ sở hữu hoặc bên thuê chính, đồng thời là bên cho thuê trụ sở, bán sản nghiệp thương mại được khai thác tại đó và đã nhận đủ tiền thì chỉ được phép từ chối gia hạn với điều kiện phải trả tiền đền bù theo quy định tại Điều L145-14, trừ trường hợp chứng minh được một lý do được thừa nhận là nghiêm trọng và hợp pháp chống lại bên thuê.

Điều L145-26

Không được phép từ chối gia hạn hợp đồng thuê các bất động sản thuộc sở hữu của Nhà nước trung ương, của các tỉnh, xã và các đơn vị nhà nước, nếu chủ sở hữu không trả tiền đền bù theo quy định tại Điều L145-14, kể cả khi việc từ chối gia hạn là để bảo đảm lợi ích công.

Điều L145-27

Trong trường hợp chứng minh được rằng bên thuê đã thực hiện các quyền của mình theo quy định tại các điều L145-17 và tiếp theo chỉ để nhằm mục đích tước bỏ quyền của bên thuê một cách gian dối, đặc biệt thông qua các hành vi cho thuê và bán lại, thì cho dù các hành vi này mang tính chất dân sự hay thương mại, bên thuê cũng có quyền đòi bồi thường tương ứng với giá trị thiệt hại mà họ phải gánh chịu.

Điều L145-28

Nếu bên thuê có quyền được đền bù thì không bị bắt buộc rời khỏi trụ sở chừng nào chưa nhận được tiền đền bù. Cho đến tận thời điểm nhận được tiền đền bù, bên thuê có quyền tiếp tục chiếm hữu trụ sở trong những điều kiện và theo đúng những thỏa thuận quy định tại hợp đồng thuê đã hết hạn. Tuy nhiên, bên thuê phải trả tiền chiếm hữu trụ sở được xác định theo quy định tại các mục 6 và 7, có tính đến tất cả các tiêu chí đánh giá.

Ngoại lệ so với quy định tại đoạn trên đây, chỉ trong trường hợp quy định tại Đoạn 2 Điều L145-18 bên thuê mới phải rời khỏi trụ sở ngay sau khi nhận được khoản đền bù trước do Chánh án Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng ấn định khi tòa án ra quyết định về việc trưng cầu giám định theo thủ tục do Nghị định quy định, có tham khảo ý kiến của Tham chính viện, để hướng dẫn thi hành Điều L145-56.

Điều L145-29

Trong trường hợp bên thuê phải rời trụ sở thì trụ sở phải được trả lại bên cho thuê vào ngày đầu tiên ngay sau khi hết thời hạn 15 ngày kể từ khi khoản tiền đền bù được trả cho bên thuê một cách trực tiếp hoặc thông qua người thứ ba giữ khoản tiền đó. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được về người thứ ba giữ khoản tiền đó thì người này được tòa án chỉ định ngay trong bản án buộc thanh toán tiền đền bù hoặc trong một quyết định của tòa tuyên theo yêu cầu của các bên.

Người thứ ba giữ khoản tiền đền bù hoàn trả khoản tiền đó cho bên thuê nếu không có sự phản đối của các chủ nợ. Bên thuê khi nhận tiền phải ghi giấy biên nhận, trao chìa khóa của trụ sở đã được giải phóng, xuất trình biên lai, giấy tờ chứng minh đã trả đủ thuế, tiền thuê nhà. Việc hoàn trả tiền đền bù có thể kèm theo điều kiện bên thuê phải sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở.

Điều L145-30

Trong trường hợp bên thuê không trao lại chìa khoá vào ngày quy định thì người thứ ba nắm giữ khoản tiền đền bù yêu cầu bên thuê thực hiện; cứ mỗi ngày chậm trao lại chìa khóa, người thứ ba có quyền giữ lại 1% khoản tiền đền bù và hoàn trả số còn lại cho bên thuê; bên thuê ghi giấy biên nhận khi nhận tiền.

Khi hết thời hạn 15 ngày quy định tại Điều L145-58 mà bên cho thuê không thực hiện quyền rút lại lời từ chối gia hạn của mình thì khoản tiền đền bù cho việc rời trụ sở phải được trả cho bên thuê hoặc cho người thứ ba nắm giữ, trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày có giấy thúc nợ lập dưới hình thức văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện. Giấy thúc nợ phải ghi lại nội dung của đoạn này, nếu không sẽ bị vô hiệu.

Mục 5

CHO THUÊ LẠI TRỤ SỞ THƯƠNG MẠI

Điều L145-31

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng thuê trụ sở hoặc có sự đồng ý của bên cho thuê, nghiêm cấm việc cho thuê lại toàn bộ hoặc một phần trụ sở.

Trong trường hợp được phép cho thuê lại, thì chủ sở hữu được tham gia vào giao dịch.

Nếu giá thuê lại cao hơn giá thuê chính thì chủ sở hữu có quyền đòi tăng thêm tiền thuê chính. Phần tiền thuê tăng thêm do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì được xác định

theo thủ tục do Nghị định, có tham khảo ý kiến của Tham chính viện, quy định trên cơ sở áp dụng quy định tại Điều L145-56.

Bên thuê phải thông báo cho chủ sở hữu biết về ý định cho thuê lại của mình. Thông báo phải thực hiện bằng văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện hoặc được gửi bằng thư bảo đảm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ sở hữu phải trả lời về việc có tham gia hay không tham gia vào giao dịch cho thuê lại. Trong trường hợp bên cho thuê từ chối tham gia hoặc không trả lời thì, mặc dù có quy định tại Đoạn 1 trên đây, bên cho thuê đương nhiên mất quyền tham gia.

Điều L145-32

Bên thuê lại có quyền yêu cầu bên thuê chính gia hạn hợp đồng thuê trụ sở, trong giới hạn của những quyền mà bên thuê chính có được trong quan hệ với chủ sở hữu. Bên cho thuê được quyền tham gia vào giao dịch như quy định tại Điều L145-31.

Khi hết thời hạn của hợp đồng thuê chính, chủ sở hữu chỉ có nghĩa vụ gia hạn hợp đồng nếu như trước đó đã cho phép hoặc đồng ý với việc cho thuê lại. Trong trường hợp cho thuê lại một phần trụ sở thì ngoài điều kiện nêu trên, chủ sở hữu chỉ phải gia hạn hợp đồng nếu trụ sở cho thuê chính không phải là một tài sản không thể phân chia về mặt thực tế hoặc trong ý định chung của các bên.

Mục 6

GIÁ THUÊ

Điều L145-33

Giá thuê trong các hợp đồng được gia hạn hoặc điều chỉnh lại phải tương ứng với trị giá thuê của trụ sở. Trong trường hợp các bên không có thoả thuận, trị giá này được xác định dựa theo:

- Đặc điểm của trụ sở;
- Mục đích sử dụng của địa điểm nơi đặt trụ sở;

- Nghĩa vụ của các bên;
- Mức độ hoạt động thương mại tại khu vực có trụ sở;
- Giá thuê được áp dụng đối với các trụ sở lân cận.

Chính phủ quy định cụ thể về nội dung của từng yếu tố trên bằng Nghị định có tham khảo ý kiến của Tham chính viện.

Điều L145-34

Trừ trường hợp có sự thay đổi đáng kể liên quan đến các yếu tố quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều L145-33, tỷ lệ dao động của giá thuê áp dụng vào thời điểm hợp đồng gia hạn có hiệu lực mà thời hạn không quá 9 năm không thể vượt quá mức dao động của chỉ số quốc gia theo quý. Chỉ số dao động quốc gia theo quý đánh giá chi phí xây dựng do Viện Thống kê quốc gia công bố và các nghiên cứu kinh tế được tiến hành kể từ thời điểm xác định giá thuê ban đầu của hợp đồng thuê vừa hết hạn. Trong trường hợp hợp đồng không có quy định về việc xác định quý quy chiếu của chỉ số này, thì có thể tính đến mức độ dao động của chỉ số quốc gia theo quý đánh giá chi phí xây dựng, mà mức độ dao động đó được tính cho thời gian 9 năm trước khi chỉ số mới nhất được công bố.

Trong trường hợp việc gia hạn được thực hiện sau khi hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng ban đầu thì mức dao động đó được tính trên cơ sở chỉ số mới nhất được công bố, cho một thời gian tương đương với thời gian đã trôi qua từ ngày có hiệu lực của hợp đồng ban đầu đến ngày gia hạn chính thức.

Các quy định tại đoạn trên đây sẽ không áp dụng nếu vì việc gia hạn đương nhiên mà thời hạn của hợp đồng vượt quá 12 năm.

Điều L145-35

Các tranh chấp phát sinh từ việc áp dụng quy định tại Điều L145-34 được giải quyết trước Ban Hòa giải cấp tỉnh, bao gồm một số lượng người cho thuê và người đi thuê bằng nhau cùng

một số người khác có chuyên môn. Ban Hòa giải cố gắng hòa giải các bên và lập biên bản hòa giải.

Trong trường hợp một trong các bên yêu cầu ra tòa án cùng thời điểm giải quyết trước Ban Hòa giải thì tòa án không được tham gia giải quyết chừng nào Ban Hòa giải chưa có biên bản về việc hòa giải.

Ban Hòa giải không còn thẩm quyền nữa nếu không đưa ra quyết định trong thời hạn 3 tháng.

Thành phần của Ban Hòa giải, phương thức chỉ định thành viên Ban Hòa giải và quy tắc hoạt động của Ban Hòa giải do Chính phủ quy định.

Điều L145-36

Thông qua Nghị định có tham khảo ý kiến của Tham chính viện, Chính phủ quy định cụ thể về các yếu tố cho phép xác định giá thuê đất và công trình xây dựng nhằm sử dụng vào một mục đích duy nhất, cũng như giá thuê trụ sở chuyên dùng làm văn phòng.

Điều L145-37

Giá thuê bất động sản hoặc trụ sở theo quy định tại chương này, dù hợp đồng thuê có được gia hạn hay không, đều có thể được điều chỉnh lại theo yêu cầu của một trong các bên trên cơ sở không trái với quy định tại các điều L145-38 và L145-39. Chính phủ quy định cụ thể về việc điều chỉnh lại giá thuê thông qua Nghị định có tham khảo ý kiến của Tham chính viện.

Điều L145-38

Yêu cầu điều chỉnh giá thuê chỉ được phép đưa ra ít nhất 3 năm sau ngày bên thuê bắt đầu chiếm hữu trụ sở hoặc sau thời điểm hợp đồng thuê gia hạn bắt đầu có hiệu lực.

Sau thời gian 3 năm kể từ khi áp dụng giá mới, các bên lại tiếp tục được quyền yêu cầu điều chỉnh giá thuê.

Ngoại lệ với quy định tại Điều L145-33, và trừ khi có bằng chứng về sự thay đổi của các yếu tố về mức độ hoạt động thương mại tại khu vực có trụ sở kéo theo sự thay đổi trị giá thuê của trụ sở trên 10%, phần tăng thêm hoặc giảm đi do các bên thỏa thuận khi điều chỉnh giá thuê 3 năm một lần không được vượt quá chỉ số theo quý của giá xây dựng tiến hành từ lần xác định giá đầu tiên theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quyết định của tòa án.

Trong mọi trường hợp, khi tính trị giá thuê, không tính đến các khoản đầu tư của bên thuê, cũng không tính đến phần giá trị gia tăng hoặc giá trị giảm đi phát sinh từ hoạt động quản lý của bên thuê trong quá trình thuê.

Điều L145-39

Ngoài ra, ngoại lệ so với quy định tại Điều L145-38, nếu hợp đồng thuê có điều khoản về điều chỉnh giá thuê thì các bên có quyền yêu cầu xem xét lại giá thuê mỗi khi giá thuê vì điều khoản đó mà tăng hoặc giảm hơn 1/4 giá thuê ban đầu do các bên thỏa thuận hoặc do tòa án quyết định.

Điều L145-40

Các khoản tiền trả trước dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, nếu vượt quá tổng số tiền thuê của hai kỳ hạn thanh toán, cũng đều được tính lãi cho bên thuê với lãi suất bằng với lãi suất mà Ngân hàng Pháp áp dụng đối với các khoản ứng trước.

Mục 7

CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Điều L145-41

Mọi điều khoản trong hợp đồng quy định về việc đương nhiên chấm dứt hợp đồng chỉ có hiệu lực sau một tháng kể từ khi bên có quyền đã có giấy thúc nợ mà bên có nghĩa vụ vẫn

không thực hiện. Giấy thúc nợ phải ghi rõ thời hạn này, nếu không sẽ vô hiệu.

Tòa án khi giải quyết một yêu cầu đưa ra dưới hình thức và theo những điều kiện quy định tại các điều 1244-1 đến 1244-3 Bộ luật Dân sự có thể ra thời hạn, và qua đó đình chỉ việc chấm dứt hợp đồng cũng như hiệu lực của các điều khoản chấm dứt hợp đồng, nếu như việc chấm dứt không bị ghi nhận hoặc tuyên bố bởi một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Điều khoản chấm dứt hợp đồng không có giá trị, nếu như bên thuê thực hiện các nghĩa vụ trong những điều kiện do tòa án xác định.

Điều L145-42

Các điều khoản về việc đương nhiên chấm dứt hợp đồng do chấm dứt hoạt động sẽ không có hiệu lực trong thời gian cần thiết cho việc thực hiện các công việc chuyển đổi quy định tại Mục 8.

Thời gian này không được vượt quá 6 tháng kể từ khi các bên có thỏa thuận về việc chuyển đổi hoạt động hoặc từ khi tòa án ra quyết định cho phép chuyển đổi hoạt động.

Điều L145-43

Thương nhân hoặc người có đăng ký tại Cơ quan quản lý các nghề thủ công mỹ nghệ đang thuê trụ sở mà được phép theo một khóa bồi dưỡng để chuyển đổi ngành nghề hoặc một khóa bồi dưỡng phát triển quy định tại Điều L900-2 Bộ luật Lao động thì được miễn nghĩa vụ khai thác sản nghiệp thương mại trong suốt thời gian bồi dưỡng nghề nghiệp. Thời gian bồi dưỡng nghề nghiệp do cơ quan hành chính ấn định, nhưng không được vượt quá 1 năm, trừ trường hợp đó là bồi dưỡng phát triển được phép theo quy định tại Điều L961-3 Bộ luật Lao động.

Điều L145-44

Nếu sau khi theo học khóa bồi dưỡng quy định tại điều L145-43 mà thương nhân hoặc nghệ nhân rời khỏi trụ sở thuê

để chuyển đổi hoạt động đến một trụ sở khác hoặc chuyển sang làm công ăn lương thì hợp đồng thuê đương nhiên chấm dứt và không có đền bù sau khi hết thời hạn 3 tháng kể từ khi quyết định chấm dứt hợp đồng được thông báo cho bên cho thuê.

Điều L145-45

Thủ tục phục hồi và phá sản không đương nhiên kéo theo việc chấm dứt hợp đồng thuê bất động sản dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh hoặc thủ công mỹ nghệ của bên có nghĩa vụ, kể cả những diện tích trực thuộc các bất động sản đó vốn được dùng làm nơi ở cho bên có nghĩa vụ hoặc gia đình của bên có nghĩa vụ. Mọi thỏa thuận trái với quy định này đều không có giá trị.

Điều L145-46

Trong trường hợp bên cho thuê vừa là chủ sở hữu của bất động sản, vừa là chủ sở hữu của sản nghiệp được khai thác tại đó và hợp đồng thuê được giao kết đối với cả bất động sản lẫn sản nghiệp thương mại, thì khi chấm dứt hợp đồng bên cho thuê phải trả cho bên thuê một khoản tiền tương ứng với phần giá trị tăng thêm mang lại cho sản nghiệp hoặc cho trị giá thuê của bất động sản nhờ những công việc mà bên thuê đã tiến hành với sự đồng ý của chủ sở hữu.

Mục 8

CHUYỂN ĐỔI HOẠT ĐỘNG

Điều L145-47

Bên thuê có quyền triển khai thêm những hoạt động có liên quan hoặc bổ sung cho hoạt động được quy định trong hợp đồng thuê.

Để thực hiện quyền đó, bên thuê phải thông báo cho chủ sở hữu bằng văn bản ngoài tổ tụng do Thừa phát lại thực hiện về ý định của mình, trong đó nêu rõ những hoạt động dự định triển khai thêm. Thông báo đó được coi là yêu cầu gửi cho chủ sở hữu, và chủ sở hữu phải trả lời trong thời hạn 2 tháng về việc chấp

nhận hay phản đối tính chất có liên quan hoặc bổ sung của các hoạt động mới đó, nếu không trả lời đúng thời hạn thì chủ sở hữu mất quyền phản đối. Trong trường hợp chủ sở hữu cho rằng, các hoạt động dự định triển khai thêm không liên quan hoặc không bổ sung cho hoạt động chính quy định trong hợp đồng thì Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng, căn cứ vào đơn yêu cầu của bên có đơn sớm nhất, sẽ giải quyết trên cơ sở có tính đến sự phát triển của tập quán thương mại.

Trong lần điều chỉnh giá đầu tiên sau thời điểm thực hiện việc thông báo theo quy định tại đoạn trên, ngoại lệ với quy định tại Điều L145-38, để ấn định giá thuê mới, có thể tính đến các hoạt động thương mại được triển khai thêm, nếu bản thân các hoạt động này đã làm thay đổi trị giá thuê của trụ sở.

Điều L145-48

Người thuê có thể được phép, nếu có yêu cầu, tiến hành tại địa điểm thuê, một hoặc nhiều hoạt động khác với các hoạt động quy định trong hợp đồng thuê, tùy thuộc cơ cấu hoạt động kinh tế và nhu cầu tổ chức hợp lý hoạt động phân phối, trong trường hợp các hoạt động đó phù hợp với mục đích sử dụng, đặc điểm và tình hình của bất động sản hoặc của tổ hợp bất động sản.

Tuy nhiên, người thuê đầu tiên một trụ sở nằm trong một tổ hợp tạo thành một đơn vị thương mại quy định trong chương trình xây dựng, không thể sử dụng khả năng nêu trên trong thời hạn 9 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng trụ sở đó.

Điều L145-49

Yêu cầu gửi cho người cho thuê phải nêu các hoạt động dự định tiến hành. Nếu không tuân thủ điều kiện này thì yêu cầu đó không có giá trị. Yêu cầu phải được lập dưới hình thức văn bản ngoài tổ tụng của Thừa phát lại và được thông báo dưới hình thức này cho các chủ nợ có đăng ký quyền ưu tiên đối với sản nghiệp thương mại. Các chủ nợ này có thể yêu cầu việc thay đổi hoạt động phải đáp ứng một số điều kiện nhằm bảo vệ lợi ích của mình.

Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày có yêu cầu, người cho thuê phải thông báo yêu cầu đó dưới cùng hình thức nêu trên, cho các chủ nợ của người thuê mà mình không thể cho những người đó thuê trụ sở để tiến hành các hoạt động tương tự như các hoạt động nêu trong yêu cầu. Các chủ nợ này phải cho biết ý kiến của mình trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày được thông báo, nếu không thì sẽ mất quyền đưa ra ý kiến.

Nếu trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày có yêu cầu, người cho thuê không thông báo từ chối, chấp nhận hoặc các điều kiện để chấp nhận yêu cầu, thì được coi là đã chấp nhận yêu cầu. Chấp nhận yêu cầu này không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền quy định tại Điều L145-50.

Điều L145-50

Việc chuyển đổi hoạt động có thể là lý do để người thuê phải thanh toán một khoản tiền bồi thường tương ứng với thiệt hại mà người cho thuê có thể chứng minh.

Ngoài ra, để bù lại lợi ích phát sinh, người cho thuê có thể yêu cầu, vào thời điểm thay đổi hoạt động, điều chỉnh giá thuê mà không phải áp dụng các quy định của các điều từ L145-37 đến L145-39.

Quyền của các chủ nợ có đăng ký được thực hiện theo thứ tự đăng ký trước đó đối với sản nghiệp thương mại bị chuyển đổi hoạt động.

Điều L145-51

Trong trường hợp người thuê yêu cầu được hưởng các quyền nghỉ hưu hoặc được cấp một khoản trợ cấp thương tật theo chế độ bảo hiểm thương tật – tử vong của các ngành nghề thủ công, công nghiệp và thương mại, và đã thông báo cho chủ sở hữu và các chủ nợ có đăng ký quyền ưu tiên đối với sản nghiệp thương mại, ý định chuyển nhượng hợp đồng thuê trên cơ sở nêu rõ tính chất các hoạt động dự định tiến hành cũng như giá chuyển

nhượng được đề xuất, người cho thuê có quyền ưu tiên mua lại theo các điều kiện ghi trong thông báo, trong thời hạn 2 tháng. Nếu người cho thuê không sử dụng quyền này thì được coi là đồng ý, nếu trong thời hạn 2 tháng nêu trên không yêu cầu Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng xem xét, giải quyết.

Tính chất của các hoạt động dự định tiến hành phải phù hợp với mục đích sử dụng, đặc điểm và tình trạng của bất động sản.

Các quy định của điều này được áp dụng đối với thành viên duy nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc cho người quản lý đa số làm việc ít nhất từ 2 năm trong một công ty trách nhiệm, trong trường hợp công ty này là chủ hợp đồng thuê trụ sở thương mại.

Điều L145-52

Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng có thể cho phép chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần hoạt động, kể cả khi người cho thuê từ chối, nếu việc từ chối này không có lý do quan trọng và chính đáng.

Nếu tranh chấp chỉ liên quan đến giá thuê thì giá thuê được xác định theo quy định pháp luật về việc xác định giá thuê trong các hợp đồng thuê bị sửa đổi. Trong các trường hợp khác, vụ việc được đưa ra Tòa án giải quyết.

Điều L145-53

Việc từ chối cho phép chuyển đổi hoạt động được coi là có đầy đủ lý do nếu người cho thuê chứng minh được ý định lấy lại trụ sở khi hết thời hạn 3 năm theo quy định tại các điều từ L145-18 đến L145-24 hoặc để thực hiện các công việc được quy định hoặc được phép thực hiện trong khuôn khổ các hoạt động chính trang đô thị hoặc trùng tu bất động sản.

Người cho thuê đã viện dẫn sai lý do nêu tại đoạn trên hoặc không đáp ứng các điều kiện là căn cứ để từ chối yêu cầu của người thuê thì không thể từ chối một yêu cầu chuyển đổi hoạt động mới, trừ khi có lý do nghiêm trọng và chính đáng và trừ

khi việc không thực hiện được các công việc nêu tại đoạn trên không do mình gây ra. Ngoài ra, người cho thuê còn có thể phải bồi thường cho người thuê một khoản tiền tương ứng với thiệt hại mà người này phải chịu.

Điều L145-54

Không tính đến giá trị tăng thêm của sản nghiệp thương mại do việc chuyển đổi hoạt động quy định tại Điều L145-48, trong trường hợp bất động sản nơi khai thác sản nghiệp thương mại phải bị phá bỏ hoặc trùng tu, hoặc trong trường hợp sản nghiệp thương mại phải bị trưng mua trong khuôn khổ các hoạt động nâng cấp hoặc trùng tu bất động sản được quyết định chưa đến 3 năm sau khi có yêu cầu quy định tại Đoạn 1 điều luật nêu trên.

Điều L145-55

Vào bất kỳ lúc nào và trước khi hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người thuê đã có yêu cầu theo quy định tại các điều L145-47, L145-48 hoặc L145-49 thì có thể rút lại yêu cầu đó trên cơ sở thông báo cho người cho thuê bằng văn bản ngoài tổ tụng của Thừa phát lại. Trong trường hợp này, người mua chịu mọi chi phí tổ tụng.

Mục 9

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ TỤNG

Điều L145-56

Thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê do Chính phủ quy định trên cơ sở tham khảo ý kiến Tham chính viện.

Điều L145-57

Trong thời gian giải quyết việc xác định giá thuê khi sửa đổi

hoặc gia hạn hợp đồng, người thuê có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản tiền thuê đến hạn theo giá thuê cũ hoặc theo giá mà Tòa án thụ lý vụ việc có thể tạm thời xác định, nhưng phải tiến hành quyết toán giữa người cho thuê và người thuê sau khi có quyết định cuối cùng xác định giá thuê.

Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày tổng đạt quyết định cuối cùng, các bên lập hợp đồng thuê mới theo các điều kiện do Tòa án xác định, trừ khi người thuê hoặc người cho thuê từ chối gia hạn hợp đồng. Trong trường hợp này, bên từ chối gia hạn phải chịu mọi chi phí. Nếu trong thời hạn này, người cho thuê không gửi cho người thuê dự thảo hợp đồng phù hợp với quyết định nêu trên để lấy chữ ký hoặc nếu không thoả thuận được về dự thảo hợp đồng trong thời hạn đó, quyết định của Tòa án xác định giá hoặc các điều kiện của hợp đồng thuê mới có giá trị như hợp đồng thuê.

Điều L145-58

Trước khi hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, chủ sở hữu có thể không phải thanh toán tiền bồi thường thiệt hại nhưng phải chịu chi phí tố tụng và phải đồng ý gia hạn hợp đồng thuê. Nếu các bên không thoả thuận được với nhau về các điều kiện của hợp đồng này thì các điều kiện đó sẽ được xác định theo các quy định pháp luật có liên quan. Chủ sở hữu chỉ có thể sử dụng quyền này khi người thuê còn ở địa điểm thuê và chưa thuê hoặc mua một bất động sản khác để tái lập hoạt động.

Điều L145-59

Quyết định của chủ sở hữu từ chối gia hạn hợp đồng thuê theo quy định tại Đoạn cuối Điều L145-57 hoặc không thanh toán tiền bồi thường thiệt hại theo quy định tại đoạn cuối điều L145-58 không thể bị rút lại.

Điều L145-60

Mọi quyền yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Chương này có thời hiệu 2 năm.

Quyển 3

Thiên III

Bán đấu giá

Điều L320-1

Không ai được phép sử dụng bán đấu giá làm phương thức hoạt động thương mại thường xuyên của mình.

Điều L320-2

Quy định cấm tại Điều L320-1 không áp dụng đối với những trường hợp bán tài sản theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của tòa án, bán tài sản của chủ sở hữu đã chết, phá sản, thanh lý tài sản khi chấm dứt hoạt động thương mại hoặc mọi trường hợp cần thiết khác theo quyết định của Tòa án Thương mại.

Quy định cấm tại Điều L320-1 cũng không áp dụng đối với trường hợp bán rao hàng lương thực, thực phẩm và các mặt hàng giá trị thấp mà trong thương mại gọi là hàng xén.

Chương I

BÁN ĐẦU GIÁ ĐỘNG SẢN THEO HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều L321-1

Phương thức bán đầu giá động sản theo hợp đồng ủy quyền chỉ có thể được áp dụng đối với tài sản đã qua sử dụng hoặc đối với tài sản mới do người bán trực tiếp sản xuất, nếu người bán không phải là thương nhân hoặc thợ thủ công mỹ nghệ. Những tài sản này có thể được bán lẻ hoặc bán theo lô.

Khái niệm động sản quy định trong Chương này là động sản theo tính chất¹.

Tài sản đã qua sử dụng là những tài sản mà vào một giai đoạn nào đó của quá trình sản xuất hoặc phân phối, đã được một chủ thể chiếm hữu để sử dụng riêng trên cơ sở mọi giao dịch có đền bù hoặc không có đền bù.

Điều L321-2

Trừ các trường hợp nêu tại Điều L321-36, việc bán đầu giá động sản theo hợp đồng ủy quyền phải do các công ty thương mại quy định tại Quyển II Bộ luật này tổ chức và thực hiện. Hoạt động của các công ty đó chịu sự điều chỉnh của Chương này.

Trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của họ và với tư cách như một hoạt động phụ, công chứng viên và Thừa phát lại cũng có thể tổ chức và thực hiện việc bán đầu giá động sản theo hợp

1. Pháp luật Pháp phân biệt động sản thành hai loại: **động sản theo tính chất**, là những vật có thể di chuyển hoặc vận chuyển được một cách tự nhiên; **động sản theo tiên đoán**, là những vật có bản chất là bất động sản nhưng cuối cùng sẽ được sử dụng hoặc tiêu thụ dưới hình thức là động sản (quả trên cây, quặng trong hầm mỏ v.v...) (ND.).

đồng ủy quyền theo những nguyên tắc riêng áp dụng đối với họ. Chỉ có chủ sở hữu tài sản mới có thể ủy quyền cho công chứng viên và Thừa phát lại thực hiện việc bán đấu giá tài sản.

Điều L321-3

Trường hợp người được chủ sở hữu ủy quyền rao bán từ xa và công khai bằng phương tiện điện tử một tài sản cho người trả giá cao nhất thì việc giao bán đó được coi là bán đấu giá theo hợp đồng ủy quyền được quy định tại Chương này.

Hoạt động môi giới đấu giá được thực hiện từ xa bằng phương tiện điện tử mà không bắt buộc phải bán cho người trả giá cao nhất và không có sự tham gia của bên thứ ba vào việc giao kết hợp đồng mua bán giữa các bên thì không được coi là bán đấu giá tài sản theo hợp đồng ủy quyền.

Các hoạt động môi giới đấu giá đối với tài sản văn hoá được thực hiện từ xa bằng phương tiện điện tử cũng chịu sự điều chỉnh của Chương này, trừ các điều L321-7 và L321-16.

Tiểu mục 1

CÔNG TY BÁN ĐẤU GIÁ ĐỘNG SẢN

Điều L321-4

Mọi công ty bán đấu giá động sản chỉ được phép hoạt động trong các lĩnh vực định giá động sản, tổ chức và thực hiện phiên bán đấu giá động sản theo quy định tại Chương này.

Công ty bán đấu giá động sản hoạt động trên cơ sở có sự ủy quyền của chủ sở hữu tài sản. Công ty bán đấu giá động sản không được trực tiếp hoặc gián tiếp mua, hoặc bán tài sản được đưa ra bán đấu giá vì lợi ích của mình. Quy định cấm này cũng được áp dụng đối với người quản lý, thành viên và người làm công của công ty bán đấu giá. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, những đối tượng này có thể thông qua công ty để bán đấu giá tài sản thuộc sở hữu của họ, nhưng phải nêu rõ trong thông báo về việc bán đấu giá.

Điều L321-5

Mọi công ty bán đấu giá động sản chỉ có thể hoạt động sau khi có giấy phép của Hội đồng Bán đấu giá động sản quy định tại Điều L321-18.

Công ty bán đấu giá động sản phải đáp ứng những điều kiện về tổ chức, về phương tiện kỹ thuật và tài chính, về tiêu chuẩn đạo đức và kinh nghiệm của người quản lý công ty và mọi điều kiện khác nhằm bảo đảm an toàn giao dịch cho khách hàng.

Điều L321-6

Mọi công ty bán đấu giá động sản dù lựa chọn hình thức tổ chức nào cũng phải chỉ định một kiểm toán viên và một kiểm toán viên trợ lý.

Công ty bán đấu giá động sản phải:

1. Có tài khoản tại một cơ sở tín dụng, chuyên để tiếp nhận các khoản tiền mà công ty giữ cho người khác;
2. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
3. Mua bảo hiểm hoặc có bảo lãnh nhằm bảo đảm việc hoàn trả các khoản tiền quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều L321-7

Các công ty bán đấu giá động sản có nghĩa vụ cung cấp cho Hội đồng Bán đấu giá động sản mọi thông tin cần thiết về địa điểm thường được sử dụng để trưng bày tài sản bán đấu giá và tổ chức cuộc bán đấu giá. Nếu trưng bày tài sản hoặc tổ chức cuộc bán đấu giá ở một địa điểm khác hoặc thực hiện các công việc đó từ xa bằng phương tiện điện tử thì công ty bán đấu giá phải thông báo trước cho Hội đồng.

Điều L321-8

Trong số những người quản lý, thành viên hoặc nhân viên của công ty bán đấu giá phải có ít nhất một người có đủ trình độ để điều hành bán đấu giá, hoặc có giấy tờ, văn bằng hoặc chứng

nhận về năng lực chuyên môn của người đó trong lĩnh vực bán đấu giá. Chính phủ quy định cụ thể các điều kiện về trình độ và năng lực của người điều hành bán đấu giá.

Điều L321-9

Chỉ những người có đủ điều kiện quy định tại Điều L321-8 mới được phép điều hành bán đấu giá, công bố người trả giá cao nhất là người được mua tài sản bán đấu giá hoặc tuyên bố ngừng bán tài sản, và lập văn bản bán đấu giá.

Văn bản bán đấu giá được lập chậm nhất một ngày sau khi kết thúc cuộc bán đấu giá. Văn bản bán đấu giá phải ghi rõ họ tên và địa chỉ của người mua tài sản bán đấu giá, thông tin họ tịch của người bán, thông tin về tài sản được bán và giá bán đã được công bố công khai trong cuộc bán đấu giá.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc bán đấu giá, người bán có thể thông qua công ty bán đấu giá để bán theo thỏa thuận những tài sản đã được tuyên bố ngừng bán trong cuộc bán đấu giá, mà không cần trưng bày hoặc thông báo công khai. Giá bán không được thấp hơn giá mà người tham gia đấu giá cuối cùng đã trả ngay trước khi tài sản được tuyên bố ngừng bán hoặc nếu chưa có người trả giá thì không được thấp hơn mức giá khởi điểm. Nếu biết rõ người đã trả giá cuối cùng trước khi tuyên bố ngừng bán tài sản trong cuộc bán đấu giá, thì phải thông báo cho người đó trước khi thực hiện giao dịch. Việc bán tài sản ngoài cuộc bán đấu giá phải được lập thành văn bản. Văn bản này phải được đưa vào phần phụ lục của văn bản bán đấu giá.

Điều L321-10

Công ty bán đấu giá động sản phải lập sổ theo dõi bán đấu giá hàng ngày theo quy định tại các điều 321-7 và 321-8 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, công ty bán đấu giá động sản phải lập danh sách cập nhật các văn bản bán đấu giá.

Điều L321-11

Mỗi cuộc bán đấu giá động sản đều phải được công bố công khai dưới mọi hình thức thích hợp.

Giá bán tối thiểu là giá được xác định với sự đồng ý của người bán mà nếu trả dưới mức giá đó thì tài sản không thể được bán. Nếu tài sản đã được định giá, thì giá bán tối thiểu không được cao hơn mức định giá thấp nhất được nêu trong thông báo về bán đấu giá hoặc được người điều hành đấu giá công bố công khai và ghi vào trong văn bản bán đấu giá.

Điều L321-12

Công ty bán đấu giá động sản có thể cam kết với người bán một mức giá bán tối thiểu của tài sản được rao bán và phải trả giá đó cho người bán trong trường hợp bán được tài sản. Nếu tài sản đã được định giá, thì giá bảo đảm không được cao hơn mức định giá quy định tại Điều L321-11.

Để được phép cam kết giá bán tối thiểu với người bán, công ty bán đấu giá phải ký kết với một tổ chức bảo hiểm hoặc tín dụng một hợp đồng trong đó quy định rõ nếu công ty bán đấu giá không bán được tài sản với mức giá đã cam kết thì tổ chức đó sẽ chi trả khoản chênh lệch giữa mức giá cam kết với mức giá bán thực tế.

Điều L321-13

Công ty bán đấu giá động sản có thể tạm ứng tiền bán tài sản cho người bán.

Điều L321-14

Công ty bán đấu giá động sản chịu trách nhiệm trước người bán và trước người mua về việc thanh toán số tiền bán tài sản và về việc giao tài sản đã bán. Mọi điều khoản nhằm giới hạn hoặc miễn trách nhiệm này cho công ty bán đấu giá động sản đều không có giá trị.

Tài sản bán đấu giá chỉ có thể được giao cho người mua sau khi công ty đã nhận đủ tiền hoặc đã nhận được những bảo đảm cần thiết về việc người mua sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Nếu người mua không thanh toán mặc dù được yêu cầu và nếu được người bán đề nghị, thì tài sản được đưa ra bán lại, và người mua đó phải chịu trách nhiệm về khoản chênh lệch giữa giá mà người đó đã trả với giá thực tế bán được cho người khác. Nếu người bán không đưa ra đề nghị đưa tài sản ra bán lại trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc bán đấu giá thì việc bán đương nhiên bị huỷ bỏ, nhưng người mua không thanh toán mặc dù được yêu cầu có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

Khoản tiền giữ cho người bán phải được thanh toán cho người bán trong thời hạn muộn nhất là 2 tháng kể từ khi bán tài sản.

Điều L321-15

I. Việc thực hiện hoặc yêu cầu người khác thực hiện một hoặc nhiều cuộc bán đấu giá bị phạt tù 2 năm và phạt tiền 375.000 euro:

1. Nếu công ty tổ chức cuộc bán đấu giá không được cấp giấy phép quy định tại Điều L321-5, hoặc đã được cấp nhưng giấy phép bị đình chỉ hiệu lực hoặc đã bị thu hồi tạm thời hay vĩnh viễn;

2. Hoặc nếu công dân của một quốc gia thành viên Cộng đồng châu Âu hoặc của một quốc gia thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu tổ chức bán đấu giá mà không thực hiện thủ tục quy định tại Điều L321-24 Bộ luật này;

3. Hoặc nếu người điều hành bán đấu giá không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều L321-8 hoặc đang bị cấm điều hành bán đấu giá.

II. Cá nhân có hành vi vi phạm một trong các quy định tại điều này còn bị áp dụng các chế tài phụ sau đây:

1. Cấm làm việc trong mọi cơ quan nhà nước với tư cách

công chức, hoặc cấm thực hiện hoạt động nghề nghiệp hoặc xã hội mà trước đây, khi thực hiện hoạt động đó, cá nhân đã có hành vi vi phạm. Thời hạn cấm tối thiểu là 5 năm.

2. Niêm yết hoặc phổ biến công khai bản án tuyên bố theo quy định tại Điều 131-35 Bộ luật Hình sự;

3. Tịch thu các khoản tiền hoặc tài sản mà người vi phạm có được một cách bất hợp pháp, trừ những tài sản có thể hoàn trả lại.

III. Pháp nhân cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 121-2 Bộ luật Hình sự về những hành vi vi phạm quy định tại điều này. Pháp nhân có thể phải chịu các chế tài sau đây:

1. Phạt tiền, theo phương thức quy định tại Điều 131-38 Bộ luật Hình sự;

2. Các chế tài quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 8 và 9 Điều 131-39 Bộ luật Hình sự, trong thời hạn tối thiểu 5 năm. Quy định cấm tại Khoản 2 Điều 131-39 Bộ luật Hình sự được hiểu là liên quan đến việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp mà trước đây, khi thực hiện hoạt động đó, pháp nhân đã có hành vi vi phạm.

Điều L321-16

Các quy định tại Điều L720-5 không áp dụng đối với trụ sở, văn phòng được sử dụng bởi các công ty nêu tại Điều L321-2.

Điều L321-17

Mọi công ty bán đấu giá động sản, mọi nhân viên công quyền hoặc nhân viên công quyền tư pháp có thẩm quyền bán đấu giá tài sản theo hợp đồng ủy quyền hoặc theo quyết định của tòa án, cũng như mọi giám định viên hoạt động trong lĩnh vực định giá tài sản đều phải chịu trách nhiệm khi thực hiện bán đấu giá động sản theo những quy định điều chỉnh phương thức bán tài sản này.

Mọi điều khoản nhằm hạn chế hoặc miễn trách nhiệm của các đối tượng nêu trên đều bị cấm và đều không có giá trị pháp lý.

Thời hiệu khởi kiện trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực định giá và bán đấu giá động sản theo hợp đồng ủy quyền hoặc theo quyết định của tòa án là 10 năm kể từ ngày định giá hoặc kể từ ngày bán đấu giá.

Tiểu mục 2

HỘI ĐỒNG BÁN ĐẤU GIÁ ĐỘNG SẢN THEO HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN¹

Điều L321-18

Thành lập một Hội đồng Bán đấu giá động sản. Hội đồng có tư cách pháp nhân.

Hội đồng Bán đấu giá động sản có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Cấp giấy phép cho các công ty bán đấu giá động sản và cấp giấy công nhận giám định viên quy định tại Mục 3 Chương này;

2. Thực hiện thủ tục đăng ký theo yêu cầu của các công dân những nước quy định tại Mục 2 Chương này;

3. Xử lý theo quy định tại Điều L321-22 mọi hành vi vi phạm pháp luật và quy chế nghề nghiệp áp dụng đối với công ty bán đấu giá động sản, đối với giám định viên và đối với công dân các quốc gia thành viên Cộng đồng châu Âu hoặc thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu hoạt động không thường xuyên trong lĩnh vực bán đấu giá động sản tại Pháp.

Trong trường hợp Hội đồng Bán đấu giá tài sản từ chối cấp hoặc thu hồi giấy phép đối với một công ty bán đấu giá động sản, từ chối công nhận hoặc thu hồi giấy công nhận đối với một giám định viên, hoặc từ chối yêu cầu đăng ký của một công dân nước ngoài quy định tại Mục 2 Chương này, thì Hội đồng phải nêu rõ lý do trong quyết định của mình.

L321-19

Hội đồng Bán đấu giá động sản có trách nhiệm phối hợp với

1. Trong các điều tiếp theo, chúng tôi sẽ dịch gọn lại là Hội đồng Bán đấu giá động sản (ND.).

Hội đồng Viên chức bán đấu giá quốc gia¹ để tổ chức hoạt động đào tạo nghề cho những người muốn trở thành người điều hành bán đấu giá.

Điều L321-20

Trong trường hợp Hội đồng Bán đấu giá động sản phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về bán đấu giá động sản theo hợp đồng ủy quyền, thì phải thông báo cho Hội đồng Viên chức bán đấu giá quốc gia, Hội đồng Viên chức bán đấu giá cấp địa phương, Hội đồng Thừa phát lại và Hội đồng Công chứng cấp tỉnh nơi xảy ra hành vi đó.

Các hội đồng thừa phát lại và công chứng cấp tỉnh, Hội đồng Viên chức bán đấu giá quốc gia và các hội đồng viên chức bán đấu giá cấp địa phương cũng có nghĩa vụ thông tin đó cho Hội đồng Bán đấu giá động sản.

Điều L321-21

Hội đồng Bán đấu giá động sản bao gồm 11 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do Chương án, Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm:

1. Sáu thành viên là những người có chuyên môn trong lĩnh vực bán đấu giá động sản;
2. Năm thành viên là đại diện các ngành nghề, trong đó có một giám định viên.

Mỗi thành viên chỉ có thể được bổ nhiệm lại một lần.

Chủ tịch Hội đồng do toàn thể thành viên Hội đồng bầu.

Số lượng thành viên dự khuyết được chỉ định bằng số thành viên chính thức. Thủ tục chỉ định thành viên dự khuyết tương tự như thủ tục bổ nhiệm thành viên chính thức.

1. Hội đồng Viên chức bán đấu giá quốc gia là cơ quan quản lý các nhân viên công quyền chuyên phụ trách việc bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án. Không được nhầm với Hội đồng Bán đấu giá tài sản, là một cơ quan có nhiệm vụ quản lý chung các hoạt động bán đấu giá động sản theo hợp đồng ủy quyền (ND.).

Một thẩm phán công tố được chỉ định để đảm nhiệm vị trí ủy viên chính phủ bên cạnh Hội đồng Bán đấu giá động sản.

Ngân sách hoạt động của Hội đồng do các công ty bán đấu giá động sản và giám định viên được công nhận đóng góp. Mức đóng góp do Hội đồng quyết định, tùy thuộc vào hoạt động của từng đối tượng đóng góp.

Điều L321-22

Bất kỳ người nào có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy chế nghề nghiệp áp dụng đối với các công ty bán đấu giá động sản, giám định viên được công nhận và người được phép điều hành bán đấu giá theo quy định tại Khoản 1 Điều L321-9 đều có thể bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 3 năm kể từ khi hành vi vi phạm được thực hiện.

Quyết định kỷ luật của Hội đồng phải nêu rõ căn cứ. Hội đồng chỉ được phép tuyên bố kỷ luật sau khi đã thông báo cho người đại diện hợp pháp của công ty bán đấu giá, giám định viên hoặc người được phép điều hành bán đấu giá về những lý do áp dụng chế tài, sau khi người này đã tìm hiểu hồ sơ, đã trình bày ý kiến của họ hoặc đã được yêu cầu trình bày ý kiến.

Tùy vào mức độ vi phạm, công ty bán đấu giá, giám định viên được công nhận và người được phép điều hành bán đấu giá có thể bị áp dụng một trong các chế tài sau: cảnh cáo, khiển trách, cấm thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động nghề nghiệp trong thời hạn tối đa 3 năm, thu hồi giấy phép hoạt động đối với công ty bán đấu giá, thu hồi giấy công nhận đối với giám định viên, hoặc cấm điều hành bán đấu giá vô thời hạn.

Trong trường hợp khẩn cấp, chủ tịch Hội đồng Bán đấu giá động sản có quyền tạm đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động nghề nghiệp của công ty bán đấu giá, giám định viên được công nhận hoặc người được phép điều hành bán đấu giá. Thời hạn tạm đình chỉ không được vượt quá 1 tháng. Việc tạm đình chỉ có thể được Hội đồng gia hạn, nhưng không quá 3 tháng. Khi

ra quyết định tạm đình chỉ, chủ tịch Hội đồng phải thông báo ngay cho Hội đồng.

Điều L321-23

Mọi quyết định của Hội đồng Bán đấu giá động sản và của chủ tịch Hội đồng đều có thể bị khiếu nại lên Tòa Phúc thẩm Paris. Khiếu nại có thể được gửi trực tiếp lên Chánh án Tòa án này để giải quyết theo thủ tục xét xử cấp thẩm.

Mục 2

QUYỀN TỰ DO CUNG CẤP DỊCH VỤ BÁN ĐẤU GIÁ ĐỘNG SẢN CỦA CÔNG DÂN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU VÀ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN HIỆP ƯỚC VỀ KHÔNG GIAN KINH TẾ CHÂU ÂU

Điều L321-24

Công dân các nước thành viên Cộng đồng châu Âu và các nước thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu được phép cung cấp dịch vụ bán đấu giá động sản không thường xuyên tại Pháp, với điều kiện đó phải là hoạt động nghề nghiệp thường xuyên của họ tại một trong các quốc gia kể trên, ngoài nước Pháp, và họ đã thực hiện thủ tục đăng ký với Hội đồng Bán đấu giá động sản. Việc đăng ký phải được thực hiện muộn nhất là 3 tháng trước khi tiến hành cuộc bán đấu giá đầu tiên tại Pháp. Đối với những lần bán đấu giá tiếp theo thì phải thông báo trước ít nhất 1 tháng cho Hội đồng. Hội đồng có quyền không cho phép tiến hành một trong các cuộc bán đấu giá đó, nhưng phải nêu rõ lý do.

Điều L321-25

Những người hoạt động trong lĩnh vực bán đấu giá động sản một cách thường xuyên tại quốc gia gốc của họ khi cung cấp dịch vụ bán đấu giá động sản tại Pháp phải nêu rõ tổ chức nghề nghiệp mà họ trực thuộc (nếu có) và phải sử dụng đúng tư cách,

chức danh của họ được diễn đạt bằng ngôn ngữ (hoặc một trong các ngôn ngữ) của quốc gia gốc, có dịch sang tiếng Pháp.

Điều L321-26

Để được phép cung cấp dịch vụ bán đấu giá động sản không thường xuyên tại Pháp, công dân các nước thành viên Cộng đồng châu Âu hoặc các nước thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu phải chứng minh được trước Hội đồng Bán đấu giá động sản rằng họ có một trong các giấy tờ, văn bằng hoặc chứng nhận quy định tại Điều L321-8. Nếu là pháp nhân, thì phải chứng minh trong số những người quản lý, thành viên hoặc nhân viên của mình có ít nhất một người đáp ứng được điều kiện này.

Người muốn cung cấp dịch vụ bán đấu giá động sản không thường xuyên tại Pháp còn phải chứng minh trước Hội đồng về việc họ được phép hoạt động tại quốc gia gốc, cũng như về những bảo đảm về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức cá nhân của họ.

Điều L321-27

Công dân các nước thành viên Cộng đồng châu Âu và các nước thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu có nghĩa vụ tuân thủ các quy định về hoạt động bán đấu giá động sản tại Chương này, đồng thời phải thực hiện mọi nghĩa vụ theo pháp luật của nước họ không trái với quy định tại Chương này.

Điều L321-28

Trong trường hợp vi phạm các quy định tại Chương này, công dân các nước thành viên Cộng đồng châu Âu hoặc các nước thành viên Hiệp ước về không gian kinh tế châu Âu phải chịu sự áp dụng các quy định tại Điều L321-22 Chương này. Tuy nhiên, các chế tài cấm tạm thời hoạt động và thu hồi giấy phép được thay thế bằng chế tài cấm tạm thời hoặc vĩnh viễn việc cung cấp dịch vụ bán đấu giá tại Pháp.

Trong trường hợp áp dụng chế tài, Hội đồng Bán đấu giá

động sản phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia gốc.

Mục 3

GIÁM ĐỊNH VIÊN ĐƯỢC HỘI ĐỒNG BÁN ĐẤU GIÁ ĐỘNG SẢN CÔNG NHẬN

Điều L321-29

Các giám định viên cung cấp dịch vụ giám định cho công ty bán đấu giá động sản, cho Thừa phát lại, cho công chứng viên và viên chức thực hiện bán đấu giá theo quy định của pháp luật, bản án hoặc quyết định của tòa án có thể được Hội đồng Bán đấu giá động sản cấp giấy công nhận.

Hội đồng lập danh sách giám định viên được cấp giấy công nhận trong từng lĩnh vực chuyên môn.

Điều L321-30

Mọi giám định viên được công nhận đều phải đăng ký vào một trong những lĩnh vực chuyên môn có trong danh sách do Hội đồng Bán đấu giá động sản lập.

Mỗi giám định viên chỉ được đăng ký tối đa hai lĩnh vực chuyên môn, trừ trường hợp đăng ký thêm những lĩnh vực chuyên môn mang tính bổ trợ không thể tách rời với một hoặc hai lĩnh vực chuyên môn đã đăng ký.

Điều L321-31

Mọi giám định viên, dù là giám định viên được công nhận hay giám định viên tự do, đều phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

Giám định viên phải liên đới chịu trách nhiệm với người tổ chức bán đấu giá về những vấn đề thuộc hoạt động của giám định viên.

Điều L321-32

Mọi cá nhân có tên trong danh sách quy định tại Điều L321-29 chỉ được phép sử dụng danh nghĩa của mình bằng cụm từ “giám định viên được Hội đồng Bán đấu giá động sản công nhận”.

Kèm theo cụm từ này phải nêu rõ lĩnh vực chuyên môn của người đó.

Điều L321-33

Bất kỳ người nào không có tên trong danh sách quy định tại Điều L321-29 mà sử dụng danh nghĩa “giám định viên được Hội đồng Bán đấu giá động sản công nhận”, hoặc sử dụng một danh nghĩa khác tương tự gây sự nhầm lẫn cho người khác, thì phải chịu các hình phạt quy định tại Điều 433-17 Bộ luật Hình sự.

Điều L321-34

Hội đồng Bán đấu giá động sản có thể thu hồi giấy công nhận giám định viên, nếu giám định viên mất năng lực theo quy định của pháp luật, phạm lỗi nghề nghiệp nghiêm trọng hoặc bị kết án vì hành vi đi ngược lại danh dự, đạo đức hoặc thuần phong mỹ tục.

Điều L321-35

Mọi giám định viên, dù là giám định viên được công nhận hay giám định viên tự do, đều không được phép định giá hoặc/và bán đấu giá tài sản của chính mình, trực tiếp hoặc gián tiếp mua tài sản bán đấu giá cho mình nếu đã tham gia thực hiện định giá tài sản đó.

Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, giám định viên có thể yêu cầu một trong các chủ thể quy định tại Điều L321-2 bán tài sản thuộc sở hữu của giám định viên, với điều kiện phải nêu rõ việc đó trong thông báo bán đấu giá.

Điều L321-35-1

Trong trường hợp người tổ chức bán đấu giá yêu cầu sự trợ

giúp của một giám định viên không được Hội đồng Bán đấu giá công nhận thì người tổ chức đó phải bảo đảm việc giám định viên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Đoạn 1 Điều L321-31 và tại Điều L321-35.

Mục 4

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều L321-36

Việc bán đấu giá động sản thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Điều L68 Bộ luật Công sản, cũng như việc bán đấu giá động sản dưới hình thức tài sản Nhà nước quy định tại Điều L69 của Bộ luật Công sản tiếp tục được thực hiện theo thủ tục quy định tại các điều L68 và L69 đó. Tuy nhiên, những trường hợp bán đấu giá đó cũng có thể được các công ty bán đấu giá thực hiện vì lợi ích của Nhà nước, theo những điều kiện quy định tại Chương này theo cơ chế bán công khai và cạnh tranh.

Các trường hợp bán đấu giá động sản nêu trong Bộ luật Hải quan được thực hiện theo thủ tục và phương thức do Bộ luật đó quy định. Tuy nhiên, những trường hợp bán đấu giá đó cũng có thể được các công ty bán đấu giá thực hiện vì lợi ích của Nhà nước theo những điều kiện quy định tại Chương này theo cơ chế bán công khai và cạnh tranh.

Điều L321-37

Chỉ có các tòa án dân sự mới có thẩm quyền thụ lý và giải quyết các khiếu kiện liên quan đến hoạt động bán đấu giá có sự tham gia của một công ty bán đấu giá động sản thành lập theo quy định tại Chương này. Mọi thỏa thuận trái với quy định này đều không có giá trị. Tuy nhiên, các thành viên của công ty bán đấu giá có thể thỏa thuận quy định trong Điều lệ của công ty về việc giải quyết bằng trọng tài các tranh chấp phát sinh giữa họ với nhau hoặc giữa các công ty bán đấu giá động sản với nhau trong quá trình hoạt động.

Điều L321-38

Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Chương này, trong đó đặc biệt phải quy định chi tiết chế độ bảo lãnh nêu tại Điều L321-6, các điều kiện thông báo cho Hội đồng Bán đấu giá động sản khi việc trưng bày hoặc cuộc bán đấu giá không được thực hiện tại địa điểm nêu trong câu đầu tiên của Điều L321-7, các thông tin cần có trong thông báo về việc bán đấu giá quy định tại Điều L321-11, các phương thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng Bán đấu giá động sản và các điều kiện công nhận giám định viên.

Chương II

CÁC HÌNH THỨC BÁN ĐẤU GIÁ KHÁC

Điều L322-1

Việc bán lẻ công khai hàng hóa sau khi chủ sở hữu chết hoặc theo bản án, quyết định của tòa án do các nhân viên công quyền tư pháp¹ phụ trách công tác bán cưỡng chế động sản thực hiện dưới những hình thức quy định tại Điều 53 Luật N° 91-650 ngày 9 tháng 7 năm 1991 về cải cách thủ tục thi hành án dân sự và Điều 945 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Điều L322-2

Việc bán hàng hóa trong thủ tục phá sản được tiến hành theo quy định tại Điều L622-18 và các điều tiếp theo.

Chỉ có viên chức bán đấu giá, công chứng viên hoặc Thừa phát lại mới có thẩm quyền bán đấu giá động sản của bên có nghĩa vụ trong thủ tục phá sản, theo đúng quy định của các văn bản pháp luật về quyền hạn, trách nhiệm của các nhân viên công quyền đó.

1. Khái niệm này bao hàm cả viên chức bán đấu giá, Thừa phát lại (nhân viên thi hành án) và công chứng viên (ND.).

Điều L322-3

Việc bán tài sản công khai và thông qua đấu giá trong trường hợp thương nhân chấm dứt hoạt động hoặc trong các trường hợp cần thiết khác quy định tại Điều L320-2 chỉ có thể được thực hiện sau khi được tòa án thương mại cho phép theo đơn yêu cầu của thương nhân – chủ sở hữu tài sản. Đơn yêu cầu phải kèm theo bản mô tả chi tiết hàng hóa.

Tòa án ra quyết định trong đó xác nhận căn cứ cho phép bán tài sản và nêu rõ địa điểm bán. Tòa án cũng có thể chỉ cho phép bán theo lô, và ấn định quy mô của từng lô.

Tòa án quyết định giao việc bán đấu giá tài sản cho một người môi giới, một viên chức bán đấu giá hoặc một nhân viên công quyền khác.

Việc bán đấu giá tài sản vì lý do cần thiết chỉ có thể được tòa án cho phép đối với thương nhân kinh doanh tại một địa điểm cố định và cư trú thực tế tại nơi tiến hành bán đấu giá tài sản từ ít nhất một năm trở lên.

Quyết định của tòa án cho phép bán đấu giá tài sản phải được niêm yết tại cửa ra vào của nơi bán đấu giá.

Điều L322-4

Việc bán đấu giá hàng hóa dưới hình thức bán buôn do những người môi giới về hàng hóa đã tuyên thệ trước tòa án thực hiện trong những trường hợp, theo những điều kiện và phương thức do Chính phủ quy định.

Điều L322-5

Mọi hành vi vi phạm quy định tại các điều L320-1, L320-2, và từ Điều L322-1 đến Điều L322-7 đều sẽ bị áp dụng chế tài tịch thu hàng hóa rao bán và phạt tiền 3.750 euro. Bên bán và nhân viên công quyền đã hỗ trợ bên bán cùng phải liên đới chịu chế tài đó. Việc áp dụng chế tài trên không ảnh hưởng đến vấn đề bồi thường thiệt hại, nếu có.

Bất kỳ người nào có sự tham gia nhằm trốn tránh quy định cấm tại Điều L320-1 đều bị coi là đồng phạm và bị áp dụng mức chế tài tương tự.

Điều L322-6

Trong trường hợp bán đấu giá tài sản kê biên, bán đấu giá tài sản theo bản án, quyết định của tòa án, bán đấu giá tài sản sau khi chủ sở hữu chết, bán đấu giá tài sản trong thủ tục phá sản, bán đấu giá tài sản khi chấm dứt hoạt động thương mại hoặc trong mọi trường hợp cần thiết khác quy định tại Điều L320-2, nếu người bán hoặc nhân viên công quyền nhập hàng hóa mới vào khối tài sản bán đấu giá thì sẽ bị áp dụng các hình thức chế tài quy định tại Điều L322-5.

Điều L322-7

Ở những nơi không có người môi giới thương mại thì viên chức bán đấu giá, công chứng viên và Thừa phát lại có thể thực hiện việc bán tài sản nêu trên, theo đúng quyền hạn mà pháp luật quy định cho họ.

Khi thực hiện việc bán đấu giá đó, viên chức bán đấu giá, công chứng viên và thừa phát lại phải tuân thủ các hình thức, điều kiện và biểu giá dịch vụ áp dụng đối với người môi giới thương mại.

Điều L322-8

Người môi giới thương mại đã tuyên thệ trước tòa án có quyền tiến hành việc bán đấu giá hàng hóa theo hợp đồng ủy quyền dưới hình thức bán buôn mà không cần có sự cho phép của Tòa án Thương mại. Tuy nhiên, nếu hàng hóa bán đấu giá là phương tiện vận tải, vũ khí, đạn dược và các bộ phận phụ trợ của vũ khí đạn dược, tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tập, đồ cổ và các tài sản đã qua sử dụng khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng phụ trách thương mại quy định, thì bắt buộc phải có sự cho phép của Tòa án Thương mại.

Lưu ý: Điều 8 và 9, Lệnh 2004-279 ngày 25 tháng 3 năm 2004: các quy định tại Điều L322-8 Bộ luật Thương mại được áp dụng trên lãnh thổ Nouvelle – Calédonie, đảo Wallis và đảo Futuna.

Điều L322-9

Những người hoạt động môi giới thương mại tại thành phố nơi một Tòa án Thương mại đặt trụ sở thì được phép tiến hành việc bán đấu giá theo quy định tại Chương này ở mọi địa phương thuộc phạm vi thẩm quyền của Tòa án đó, nếu như ở địa phương đó không có người môi giới thương mại.

Họ phải tuân thủ quy định tại các điều 871 và 873 Bộ luật chung về thuế.

Điều L322-10

Bộ trưởng phụ trách nông nghiệp, thương mại hoặc công trình công chính quy định cụ thể về quyền môi giới bán hàng theo quy định từ Điều L322-8 đến Điều L322-13 Bộ luật này tại từng địa phương cụ thể, sau khi tham khảo ý kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp và của Tòa án Thương mại ở địa phương đó. Tuy nhiên, đối với cùng một loại hàng hóa thì quyền môi giới nói trên không được mở rộng hơn so với quyền được pháp luật quy định cho việc bán hàng theo thỏa thuận.

Điều L322-11

Mọi khiếu nại liên quan đến việc bán hàng hóa theo quy định tại Điều L322-8 đều thuộc thẩm quyền của Tòa án Thương mại.

Điều L322-12

Việc bán hàng hóa quy định tại Điều L322-8 phải được tiến hành tại những cơ sở được cấp phép để làm việc này, sau khi có ý kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp và của Tòa án Thương mại.

Điều L322-13

Chính phủ quy định các biện pháp cần thiết cho việc thực

thì quy định tại các điều L322-11 và L322-12, đặc biệt về hình thức và điều kiện cấp phép nêu tại Điều L322-12.

Điều L322-14

Trong trường hợp chủ sở hữu hàng hóa bị chết, chấm dứt hoạt động thương mại và trong mọi trường hợp cần thiết khác theo đánh giá của Tòa án Thương mại thì Tòa án Thương mại có thể cho phép bán buôn dưới hình thức đấu giá mọi hàng hóa mà không phân biệt chủng loại và nguồn gốc.

Tòa án cho phép khi có đơn yêu cầu. Đơn yêu cầu phải kèm theo bản mô tả chi tiết hàng hóa cần bán.

Tòa án ghi rõ trong quyết định của mình căn cứ cho phép bán đấu giá.

Điều L322-15

Việc bán đấu giá hàng hóa theo quy định tại Điều L322-14 và mọi trường hợp bán đấu giá hàng hóa được Tòa án Thương mại cho phép hoặc ra lệnh theo quy định tại Bộ luật này đều do người môi giới thương mại thực hiện.

Tuy nhiên, Tòa án hoặc thẩm phán đã cho phép hoặc ra lệnh bán đấu giá vẫn có thẩm quyền chỉ định một nhân viên công quyền thực hiện việc bán đấu giá. Trong trường hợp này, nhân viên công quyền được chỉ định phải tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng đối với người môi giới thương mại, về hình thức, biểu phí dịch vụ và trách nhiệm nghề nghiệp.

Điều L322-16

Quy định từ Điều L322-11 đến Điều L322-13 được áp dụng đối với việc bán hàng hóa quy định tại các điều L322-14 và L322-15.

Quyển 5

Thiên I **Thương phiếu**

Chương I **HỒI PHIẾU**

Mục I **PHÁT HÀNH VÀ HÌNH THỨC CỦA HỒI PHIẾU**

Điều L511-1

I. Hồi phiếu bao gồm những nội dung sau :

1. Từ “hồi phiếu” được ghi trên hồi phiếu bằng cùng ngôn ngữ với ngôn ngữ được sử dụng để lập hồi phiếu;
2. Lệnh yêu cầu thanh toán không điều kiện một khoản tiền xác định;
3. Tên của người phải thanh toán hồi phiếu, sau đây gọi là “người bị ký phát”;
4. Thời hạn thanh toán hồi phiếu;
5. Địa điểm thanh toán hồi phiếu;
6. Tên của người được thanh toán hồi phiếu hoặc người có quyền yêu cầu thanh toán hồi phiếu;
7. Địa điểm và ngày ký phát hành;

8. Chữ ký người lập hối phiếu, sau đây gọi là “người ký phát”. Chữ ký này có thể là chữ ký bằng tay hoặc bằng bất cứ phương tiện nào khác.

II. Hối phiếu thiếu một trong các nội dung quy định tại Khoản I Điều này không được coi là hối phiếu, trừ các trường hợp quy định tại các Khoản III đến Khoản V Điều này.

III. Hối phiếu không ghi thời hạn thanh toán được coi như có giá trị thanh toán ngay khi xuất trình.

IV. Nếu hối phiếu không có quy định khác thì địa điểm ghi bên cạnh tên người bị ký phát được coi là địa điểm thanh toán, đồng thời là địa chỉ của người bị ký phát.

V. Hối phiếu không ghi địa điểm lập hối phiếu thì được coi là được lập tại địa điểm ghi bên cạnh tên người ký phát.

Điều L511-2

Người ký phát có thể đồng thời là người có quyền ra lệnh thanh toán hối phiếu.

Người ký phát có thể đồng thời là người bị ký phát.

Một người có thể ký phát hối phiếu thay cho một người khác.

Hối phiếu có thể được thanh toán tại địa chỉ của người thứ ba hoặc của người bị ký phát hoặc tại một địa điểm khác.

Điều L511-3

Trong hối phiếu có giá trị thanh toán ngay khi xuất trình hoặc sau một thời hạn nhất định kể từ ngày xuất trình, người ký phát có thể quy định tính lãi đối với số tiền trên hối phiếu. Trong các loại hối phiếu khác, quy định này bị coi như không có.

Lãi suất phải được ghi trong hối phiếu; quy định về lãi suất bị coi như không có nếu không được ghi trong hối phiếu.

Việc tính lãi bắt đầu từ ngày lập hối phiếu nếu hối phiếu không ghi ngày khác.

Điều L511-4

Số tiền thanh toán trên hối phiếu phải được ghi bằng chữ và bằng số. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ có giá trị thanh toán.

Trong trường hợp số tiền thanh toán trên hối phiếu được ghi nhiều lần, bằng chữ hoặc bằng số, mà có sự khác nhau thì số tiền nhỏ hơn có giá trị thanh toán.

Điều L511-5

Theo quy định của Điều 1312 Bộ luật Dân sự, hối phiếu do người chưa thành niên ký kết không có giá trị đối với bản thân người đó, nhưng không ảnh hưởng đến quyền của các bên khác.

Nếu hối phiếu có chữ ký của người không có năng lực giao kết hối phiếu, chữ ký giả, chữ ký của người không có thật hoặc chữ ký, vì bất kỳ lý do nào khác, không ràng buộc người đã ký thì không làm phát sinh nghĩa vụ đối với người ký hối phiếu hoặc người được đại diện ký hối phiếu, nhưng nghĩa vụ của các bên ký kết khác không bị ảnh hưởng.

Người nào mạo nhận là đại diện của một người khác để ký hối phiếu thì trở thành người có nghĩa vụ đối với hối phiếu và, nếu đã thanh toán hối phiếu, thì có các quyền của người được đại diện. Người đại diện vượt quá thẩm quyền đại diện cũng có các nghĩa vụ và quyền tương tự như trên.

Điều L511-6

Người ký phát có trách nhiệm bảo đảm việc chấp nhận và thanh toán hối phiếu.

Người ký phát có thể được miễn trách nhiệm bảo đảm việc chấp nhận hối phiếu; mọi điều khoản theo đó người ký phát được miễn trách nhiệm bảo đảm việc thanh toán hối phiếu đều bị coi như không có.

Mục II

BẢO CHI

Điều L511-7

Người ký phát hoặc người được ký phát thay phải nộp bảo chi, nhưng người ký phát thay vẫn có nghĩa vụ đối với người ký hậu chuyển nhượng và người mang hối phiếu.

Phải nộp bảo chi nếu khi đến hạn thanh toán hối phiếu, người được nộp bảo chi nợ người ký phát hoặc người được ký phát thay một số tiền bằng hoặc lớn hơn số tiền ghi trên hối phiếu.

Quyền sở hữu bảo chi mặc nhiên được chuyển cho người cầm hối phiếu.

Việc chấp nhận hối phiếu cho phép suy đoán đã có bảo chi.

Việc chấp nhận hối phiếu cho phép suy đoán đã nộp bảo chi.

Dù hối phiếu có được chấp nhận hay không, và trong trường hợp có tuyên bố từ chối, người ký phát là người duy nhất có nghĩa vụ chứng minh rằng người bị ký phát đã có bảo chi khi đến hạn thanh toán hối phiếu; nếu không có thì người ký phát phải bảo đảm việc bảo chi, kể cả khi văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối được lập sau thời hạn quy định.

Mục III

KÝ HẬU CHUYỂN NHƯỢNG HỐI PHIẾU

Điều L511-8

Mọi hối phiếu, dù không ghi tên người thụ hưởng, đều có thể được chuyển nhượng bằng phương thức ký hậu.

Khi người ký phát ghi trong hối phiếu cụm từ “không chuyển nhượng” hoặc cụm từ tương đương khác, việc chuyển nhượng hối phiếu chỉ được thực hiện theo cùng phương thức và có cùng hệ quả như chuyển nhượng thông thường.

Hối phiếu có thể được ký hậu chuyển nhượng cho chính người bị ký phát, kể cả khi người này đã chấp nhận hoặc không

chấp nhận hối phiếu, người ký phát hoặc bất kỳ người có nghĩa vụ khác. Những người này có thể tiếp tục ký hậu chuyển nhượng hối phiếu.

Việc ký hậu chuyển nhượng là vô điều kiện. Mọi các điều kiện kèm theo việc ký hậu chuyển nhượng không có giá trị

Việc chuyển nhượng một phần không có giá trị.

Ký hậu chuyển nhượng “cho người cầm hối phiếu” có giá trị như ký hậu để trống.

Việc ký hậu chuyển nhượng phải được ghi trên hối phiếu hoặc trên tờ phụ đính kèm và phải có chữ ký của người ký hậu. Chữ ký của người ký hậu chuyển nhượng có thể là chữ ký bằng tay hoặc bằng các phương tiện khác.

Việc ký hậu chuyển nhượng có thể không ghi tên người được chuyển nhượng hoặc để trống, nghĩa là chỉ cần có chữ ký của người ký hậu chuyển nhượng. Trong trường hợp hối phiếu để trống, việc ký hậu chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi được ghi trên mặt sau hối phiếu hoặc trên tờ phụ đính kèm.

Điều L511-9

I. Người được ký hậu chuyển nhượng có tất cả các quyền phát sinh từ hối phiếu.

II. Trong trường hợp hối phiếu để trống, người cầm hối phiếu có thể:

1. Điền tên mình hoặc tên người khác vào chỗ trống;
2. Chuyển nhượng để trống hoặc chuyển nhượng ghi tên cho người khác;
3. Giao hối phiếu cho người khác nhưng không ghi tên và cũng không ký hậu chuyển nhượng.

Điều L511-10

Người ký hậu chuyển nhượng phải bảo đảm việc chấp nhận và thanh toán hối phiếu, trừ trường hợp hối phiếu có quy định khác.

Người ký hậu chuyển nhượng có thể quy định không được tiếp tục ký hậu chuyển nhượng hồi phiếu. Trong trường hợp này, người ký hậu chuyển nhượng không chịu trách nhiệm bảo đảm đối với những người được ký hậu chuyển nhượng tiếp hồi phiếu.

Điều L511-11

Người giữ hồi phiếu được coi là người cầm giữ hợp pháp hồi phiếu nếu chứng minh được rằng quyền của mình được xác lập từ một loạt các ký hậu chuyển nhượng liên tục trước đó, ngay cả khi ký hậu chuyển nhượng cuối cùng là ký hậu để trống. Ký hậu chuyển nhượng bị gạch bỏ không có giá trị. Khi có một ký hậu khác liền sau ký hậu để trống thì người ký vào ký hậu liền sau được coi là đã được chuyển nhượng hồi phiếu dưới hình thức ký hậu để trống.

Khi một người bị mất quyền chiếm hữu hồi phiếu vì một lý do nào đó, người cầm hồi phiếu đã chứng minh được quyền của mình theo quy định tại đoạn trên thì chỉ phải từ bỏ hồi phiếu nếu có được hồi phiếu đó một cách không ngay tình hoặc đã phạm một lỗi nặng để có được hồi phiếu đó.

Điều L511-12

Người bị đòi nợ về hồi phiếu không có quyền phản đối đối với người cầm hồi phiếu bằng những căn cứ dựa trên quan hệ cá nhân của mình với người ký phát hoặc với những người cầm hồi phiếu trước đó, trừ trường hợp người cầm hồi phiếu đã cố ý gây hại cho người có nghĩa vụ để có được hồi phiếu đó.

Điều L511-13

Nếu trong nội dung ký hậu chuyển nhượng có ghi “chuyển giao để nhờ thu”, “nhờ thu”, “ủy quyền”, hoặc một cụm từ khác chỉ việc ủy quyền thông thường thì người cầm hồi phiếu có thể thực hiện tất cả các quyền phát sinh từ hồi phiếu, nhưng chỉ có thể ký hậu chuyển nhượng hồi phiếu với tư cách là người được ủy quyền.

Trong trường hợp này, những người có nghĩa vụ chỉ có quyền phản đối với người cầm hối phiếu theo những căn cứ có thể được viện dẫn để phản đối với người ký hậu chuyển nhượng.

Việc ủy quyền ghi trong nội dung ký hậu chuyển nhượng theo ủy quyền không chấm dứt sau khi người ủy quyền chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Nếu trong nội dung ký hậu chuyển nhượng có ghi “chuyển giao để bảo đảm”, “chuyển giao để cầm cố” hoặc một cụm từ khác chỉ việc cầm cố thì người cầm hối phiếu có quyền thực hiện các quyền phát sinh từ hối phiếu, nhưng việc ký hậu chuyển nhượng do người cầm hối phiếu thực hiện chỉ có giá trị như ký hậu chuyển nhượng theo ủy quyền.

Những người có nghĩa vụ không có quyền phản đối với người cầm hối phiếu theo những căn cứ dựa trên quan hệ cá nhân của mình với người ký hậu chuyển nhượng, trừ trường hợp người cầm hối phiếu khi nhận hối phiếu đã cố ý gây hại cho người có nghĩa vụ.

Điều L511-14

Ký hậu chuyển nhượng được thực hiện sau khi hối phiếu đến hạn thanh toán có hiệu lực như ký hậu chuyển nhượng được thực hiện trước khi hối phiếu đến hạn thanh toán. Tuy nhiên, ký hậu chuyển nhượng được thực hiện sau khi có văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán hoặc sau khi hết hạn lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thì chỉ có hiệu lực như chuyển nhượng thông thường.

Ký hậu chuyển nhượng không ghi ngày được coi là đã được thực hiện trước khi hết hạn lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, trừ trường hợp có chứng cứ khác.

Không được ghi ngày chuyển nhượng sớm hơn so với thực tế. Nếu ghi sớm hơn so với thực tế thì hối phiếu bị coi là giả.

Mục IV

CHẤP NHẬN HỒI PHIẾU

Điều L511-15

Cho đến khi tới hạn thanh toán, người cầm hồi phiếu hoặc người giữ hồi phiếu có thể xuất trình hồi phiếu cho người bị ký phát tại địa chỉ của người này để chấp nhận.

Người ký phát có thể quy định trong hồi phiếu là hồi phiếu phải được xuất trình để chấp nhận mà có quy định hoặc không có quy định kèm theo thời hạn xuất trình.

Người ký phát có thể quy định trong hồi phiếu là hồi phiếu không được xuất trình để chấp nhận, trừ trường hợp hồi phiếu đó là hồi phiếu có thể được thanh toán tại nhà một người thứ ba hoặc tại một địa điểm khác địa chỉ của người bị ký phát, hoặc hồi phiếu được thanh toán sau một thời hạn nhất định kể từ ngày xuất trình.

Người ký phát cũng có thể quy định là chỉ được xuất trình hồi phiếu sau một ngày xác định cụ thể.

Người ký hậu chuyển nhượng có thể quy định là hồi phiếu phải được xuất trình để chấp nhận mà có quy định hoặc không có quy định kèm theo thời hạn xuất trình, trừ trường hợp người ký phát quy định là hồi phiếu không thể được xuất trình để chấp nhận.

Hồi phiếu được thanh toán sau một thời hạn nhất định, phải được xuất trình để chấp nhận trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ký phát.

Người ký phát có thể quy định một thời hạn ngắn hơn hoặc dài hơn thời hạn nêu trên.

Người ký hậu chuyển nhượng có thể rút ngắn thời hạn này.

Trong trường hợp hồi phiếu được ký phát để thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá giữa các thương nhân và người ký phát đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng,

thì sau một thời hạn nhất định phù hợp với thông lệ thương mại về công nhận hàng hoá, người bị ký phát không thể từ chối chấp nhận hối phiếu.

Việc từ chối chấp nhận hối phiếu mặc nhiên làm chấm dứt thời hạn hối phiếu và người bị ký phát phải chịu mọi phí tổn phát sinh do từ chối chấp nhận hối phiếu.

Điều L511-16

Người bị ký phát có quyền yêu cầu xuất trình lại hối phiếu vào ngày hôm sau của ngày hối phiếu được xuất trình lần đầu. Những người có liên quan chỉ được viện dẫn rằng yêu cầu xuất trình lại hối phiếu đã không được đáp ứng, nếu yêu cầu này được ghi trong văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối.

Khi xuất trình hối phiếu để chấp nhận, người cầm hối phiếu không có nghĩa vụ để lại hối phiếu cho người bị ký phát giữ.

Điều L511-17

Việc chấp nhận hối phiếu phải được ghi trên hối phiếu và được thể hiện bằng cụm từ “chấp nhận” hoặc một cụm từ tương đương khác và phải có chữ ký của người bị ký phát. Trong trường hợp chỉ có chữ ký của người bị ký phát ở mặt trước của hối phiếu, hối phiếu cũng được coi là được chấp nhận.

Trong trường hợp hối phiếu là loại được thanh toán sau một thời hạn xác định kể từ ngày xuất trình hoặc là loại phải được xuất trình để chấp nhận trong một thời hạn được xác định cụ thể trong hối phiếu, thì ngày chấp nhận được ghi trên hối phiếu phải trùng với ngày hối phiếu thực sự được chấp nhận, trừ trường hợp người cầm hối phiếu yêu cầu ghi ngày chấp nhận trùng với ngày xuất trình. Nếu trên hối phiếu không ghi ngày chấp nhận thì để bảo đảm quyền truy đòi, khởi kiện của mình đối với người phát hành và những người ký hậu chuyển nhượng, người cầm hối phiếu tiến hành lập văn bản xác nhận sự thiếu sót này trong thời gian sớm nhất.

Người bị ký phát phải chấp nhận hối phiếu không điều kiện nhưng có quyền chỉ chấp nhận một phần số tiền ghi trên hối phiếu.

Trong trường hợp chấp nhận nhưng có thay đổi nội dung hối phiếu thì bị coi là từ chối chấp nhận hối phiếu. Tuy nhiên, người chấp nhận hối phiếu có nghĩa vụ theo nội dung chấp nhận.

Điều L511-18

Trong trường hợp người ký phát quy định trong hối phiếu địa điểm thanh toán khác với địa chỉ của người bị ký phát nhưng không ghi rõ địa chỉ của người thứ ba nơi phải thanh toán hối phiếu, thì người bị ký phát có thể ghi địa chỉ này khi ký chấp nhận hối phiếu. Nếu người chấp nhận không ghi địa chỉ đó thì phải tự mình thanh toán hối phiếu tại địa điểm thanh toán ghi trong hối phiếu.

Nếu hối phiếu được chỉ định thanh toán tại địa chỉ của người bị ký phát thì, khi ký chấp nhận, người bị ký phát có thể ghi một địa chỉ ở cùng địa điểm phải thanh toán hối phiếu.

Điều L511-19

Người bị ký phát đã chấp nhận hối phiếu có nghĩa vụ thanh toán hối phiếu đúng thời hạn.

Nếu hối phiếu không được thanh toán thì người cầm hối phiếu, ngay cả khi đồng thời là người ký phát, có quyền yêu cầu trực tiếp đối với người chấp nhận hối phiếu để buộc thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điều L511-45 và L511-46.

Điều L511-20

Nếu người bị ký phát đã ký chấp nhận hối phiếu nhưng gạch bỏ nội dung này trước khi trao lại hối phiếu thì hối phiếu được coi như bị từ chối chấp nhận. Việc gạch bỏ nội dung chấp nhận hối phiếu được coi như đã được thực hiện trước khi trao lại hối phiếu, trừ khi có chứng cứ khác.

Tuy nhiên, nếu đã thông báo chấp nhận hối phiếu bằng văn bản cho người cầm hối phiếu hoặc một bên ký kết khác thì người bị ký phát có nghĩa vụ đối với những người này theo nội dung chấp nhận hối phiếu.

Mục V

BẢO LÃNH

Điều L511-21

Việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần số tiền ghi trên hối phiếu có thể được bảo đảm bằng một cam kết bảo lãnh.

Người bảo lãnh có thể là một bên thứ ba hoặc một bên ký kết hối phiếu.

Cam kết bảo lãnh được ghi trên hối phiếu hoặc trên tờ đính kèm hối phiếu, hoặc được lập thành một văn bản riêng, có ghi rõ nơi ký nhận bảo lãnh.

Cam kết bảo lãnh được thể hiện bằng cụm từ “đồng ý bảo lãnh” hoặc một cụm từ tương đương khác, và phải có chữ ký của người bảo lãnh.

Cam kết bảo lãnh chỉ được xác lập bằng chữ ký của người bảo lãnh trên mặt trước của hối phiếu, trừ khi đó là chữ ký của người ký phát hoặc người bị ký phát.

Cam kết bảo lãnh phải ghi người được bảo lãnh. Nếu không ghi thông tin này thì người được bảo lãnh được coi là người ký phát.

Người bảo lãnh có nghĩa vụ tương tự như người được bảo lãnh.

Cam kết bảo lãnh có hiệu lực ngay cả khi nghĩa vụ được bảo lãnh vô hiệu vì bất kỳ lý do nào, trừ trường hợp bị vi phạm các quy định về hình thức.

Người bảo lãnh đã thanh toán hối phiếu có các quyền phát sinh từ hối phiếu đối với người được bảo lãnh và những người có nghĩa vụ đối với người này theo nội dung của hối phiếu.

Mục VI

THỜI HẠN THANH TOÁN HỒI PHIẾU

Điều L511-22

I. Có thể xác định thời hạn thanh toán hồi phiếu theo một trong các loại thời hạn sau đây:

1. Ngay khi xuất trình;
2. Sau một thời hạn nhất định kể từ ngày hồi phiếu được xuất trình;
3. Sau một thời hạn nhất định kể từ ngày ký phát hành;
4. Vào một ngày xác định cụ thể.

II. Hồi phiếu có ghi thời hạn thanh toán liên tiếp hoặc ghi thời hạn khác với quy định tại Khoản I Điều này bị coi là vô hiệu.

Điều L511-23

Hồi phiếu được thanh toán ngay khi xuất trình phải được xuất trình để thanh toán trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ký phát. Người ký phát có thể quy định một thời hạn xuất trình ngắn hơn hoặc dài hơn. Người ký hậu chuyển nhượng có thể rút ngắn thời hạn này.

Người ký phát có thể quy định chỉ được xuất trình hồi phiếu để thanh toán sau một thời điểm xác định cụ thể. Trong trường hợp này, thời hạn xuất trình hồi phiếu để thanh toán được tính từ thời điểm đó.

Điều L511-24

Đối với hồi phiếu được thanh toán sau một thời hạn nhất định kể từ ngày xuất trình, thời hạn của hồi phiếu được xác định là ngày chấp nhận hoặc ngày lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối.

Nếu không có văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối và nếu trong nội dung chấp nhận không ghi ngày chấp nhận, thì đối với

người chấp nhận, hối phiếu được coi là được chấp nhận vào ngày cuối cùng của thời hạn xuất trình để chấp nhận.

Đối với hối phiếu có thời hạn thanh toán là một hoặc nhiều tháng sau ngày ký phát hành hoặc ngày xuất trình, thời hạn của hối phiếu là ngày tương ứng của tháng phải thanh toán hối phiếu. Nếu tháng phải thanh toán hối phiếu không có ngày tương ứng thì thời hạn của hối phiếu là ngày cuối cùng của tháng đó.

Đối với hối phiếu có thời hạn thanh toán là một tháng rưỡi hoặc nhiều tháng lẻ nửa tháng sau ngày ký phát hành hoặc ngày xuất trình, thì tính tháng chẵn trước.

Nếu thời hạn thanh toán hối phiếu được quy định là đầu tháng, giữa tháng hoặc cuối tháng thì được tính là ngày đầu tiên, ngày thứ 15 hoặc ngày cuối cùng của tháng.

Cụm từ “tám ngày” hoặc “mười lăm ngày” không được hiểu là một hoặc hai tuần mà được hiểu là tám hoặc 15 ngày có thực.

Cụm từ “nửa tháng” được hiểu là 15 ngày.

Điều L511-25

Đối với hối phiếu có thời hạn thanh toán là một ngày xác định cụ thể, nếu nơi thanh toán có lịch khác với nơi lập hối phiếu, thì ngày đến hạn thanh toán được xác định theo lịch của nơi thanh toán hối phiếu.

Đối với hối phiếu được thanh toán sau một thời hạn nhất định kể từ ngày ký phát hành, nếu nơi phát hành và nơi thanh toán có sự khác nhau về lịch thì ngày phát hành được xác định theo ngày tương ứng của lịch nơi thanh toán, và trên cơ sở đó, xác định thời hạn thanh toán hối phiếu.

Thời hạn xuất trình hối phiếu cũng được xác định theo quy định tại đoạn trên.

Các quy định tại điều này không áp dụng trong trường hợp một điều khoản hoặc các quy định của hối phiếu cho thấy thời

hạn thanh toán hối phiếu được xác định theo cách khác.

Mục VII

THANH TOÁN HỐI PHIẾU

Điều L511-26

Đối với hối phiếu có thời hạn thanh toán là một ngày xác định cụ thể hoặc sau một thời hạn nhất định kể từ ngày ký phát hành hoặc ngày xuất trình, người cầm hối phiếu phải xuất trình hối phiếu để thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán hối phiếu hoặc trong thời hạn hai ngày làm việc sau đó.

Việc xuất trình hối phiếu ra trước một phòng thanh toán bù trừ có giá trị như xuất trình để thanh toán.

Điều L511-27

Người bị ký phát đã thanh toán hối phiếu có quyền yêu cầu người cầm hối phiếu giao lại hối phiếu cho mình, trong đó có xác nhận về việc thanh toán.

Người cầm hối phiếu không có quyền từ chối việc thanh toán một phần số tiền ghi trên hối phiếu.

Trong trường hợp thanh toán một phần số tiền ghi trên hối phiếu, người bị ký phát có quyền yêu cầu ghi nhận việc thanh toán này trên hối phiếu và giao cho mình giấy xác nhận thanh toán.

Việc thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu làm chấm dứt nghĩa vụ của người ký phát và người ký hậu chuyển nhượng trong phạm vi tương ứng với số tiền đã được thanh toán.

Người cầm hối phiếu có nghĩa vụ từ chối thanh toán hối phiếu đối với phần dôi ra.

Điều L511-28

Người cầm hối phiếu không bắt buộc phải nhận tiền thanh toán hối phiếu trước khi đến hạn thanh toán.

Người bị ký phát thanh toán hối phiếu trước khi đến hạn phải chịu mọi tổn thất và rủi ro phát sinh do thanh toán trước hạn.

Người đã thanh toán đúng hạn được coi là hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, trừ trường hợp đã thực hiện hành vi gian lận hoặc phạm lỗi nặng. Người thanh toán hối phiếu có nghĩa vụ kiểm tra tính hợp lệ của các lần ký hậu chuyển nhượng, nhưng không có nghĩa vụ kiểm tra chữ ký của những người ký hậu chuyển nhượng.

Điều L511-29

Trong trường hợp hối phiếu được quy định thanh toán bằng một đồng ngoại tệ không có giá trị thanh toán tại nơi thanh toán hối phiếu, thì số tiền ghi trên hối phiếu có thể được thanh toán bằng đồng nội tệ của nước nơi thanh toán hối phiếu theo tỷ giá của ngày đến hạn thanh toán hối phiếu. Nếu người có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì người cầm hối phiếu có quyền yêu cầu được thanh toán bằng đồng nội tệ của nước nơi thanh toán hối phiếu theo tỷ giá của ngày đến hạn thanh toán hối phiếu hoặc ngày thanh toán hối phiếu.

Giá trị đồng ngoại tệ được xác định theo thông lệ của nơi thanh toán hối phiếu. Tuy nhiên, người ký phát có thể quy định số tiền thanh toán được tính theo tỷ giá xác định trong hối phiếu.

Các quy định nêu trên không áp dụng trong trường hợp người ký phát quy định việc thanh toán phải được thực hiện bằng một đồng tiền xác định cụ thể theo điều khoản thanh toán bằng ngoại tệ.

Nếu đồng tiền của nước nơi phát hành và đồng tiền của nước nơi thanh toán hối phiếu có cùng tên gọi, nhưng có giá trị khác nhau, mà số tiền trên hối phiếu được ghi bằng đồng tiền đó, thì hối phiếu được coi là được thanh toán bằng đồng tiền của nước nơi thanh toán.

Điều L511-30

Nếu hối phiếu không được xuất trình để thanh toán vào

ngày đến hạn thanh toán hoặc trong thời hạn hai ngày làm việc sau đó, thì người có nghĩa vụ có quyền nộp số tiền phải thanh toán vào Quỹ ký gửi và người cầm hối phiếu phải chịu mọi phí tổn và rủi ro.

Điều L511-31

Mọi trường hợp phản đối việc thanh toán hối phiếu đều không được chấp nhận, trừ trường hợp mất hối phiếu hoặc người cầm hối phiếu đang bị áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thủ tục thanh lý tài sản.

Điều L511-32

Trong trường hợp hối phiếu bị mất chưa được chấp nhận, chủ sở hữu hối phiếu có quyền yêu cầu thanh toán đối với bản hối phiếu còn lại.

Điều L511-33

Trong trường hợp hối phiếu bị mất đã được chấp nhận thì chỉ được quyền yêu cầu thanh toán đối với bản hối phiếu còn lại theo quyết định của Tòa án và sau khi có bảo lãnh.

Điều L511-34

Nếu người bị mất hối phiếu, kể cả hối phiếu đã được chấp nhận hoặc chưa được chấp nhận, không thể xuất trình bản hối phiếu còn lại thì chỉ được quyền yêu cầu thanh toán hối phiếu bị mất sau khi có quyết định cho phép của Tòa án, nếu chứng minh được quyền sở hữu của mình đối với hối phiếu và đã có bảo lãnh.

Điều L511-35

Chủ sở hữu hối phiếu đã yêu cầu thanh toán theo quy định tại các điều L511-33 và L511-34 mà bị từ chối thanh toán thì vẫn được bảo đảm các quyền của mình bằng một văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối. Văn bản này phải được lập vào ngày hôm sau của ngày đến hạn thanh toán hối phiếu bị mất. Các thông

báo quy định tại Điều L511-42 phải được gửi cho người ký phát và những người ký hậu chuyển nhượng trong thời hạn quy định tại cùng điều luật nêu trên.

Điều L511-36

Chủ sở hữu hối phiếu bị thất lạc muốn có bản hối phiếu khác thì phải yêu cầu người ký hậu chuyển nhượng cho mình cấp bản hối phiếu đó. Người ký hậu chuyển nhượng này có nghĩa vụ giúp đỡ và cho phép người bị thất lạc hối phiếu nhân danh mình yêu cầu người ký hậu chuyển nhượng trước đó cấp bản hối phiếu. Việc yêu cầu này được thực hiện cho đến khi người ký phát nhận được yêu cầu. Chủ sở hữu hối phiếu bị thất lạc chịu mọi phí tổn.

Điều L511-37

Cam kết bảo lãnh quy định tại các điều L511-33 và L511-34 chấm dứt sau 3 năm, nếu trong thời gian đó không có hành vi nào được thực hiện để truy đòi hoặc khởi kiện về hối phiếu.

Mục VIII

YÊU CẦU THANH TOÁN DO HỐI PHIẾU KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN HOẶC KHÔNG ĐƯỢC THANH TOÁN

Điều L511-38

I. Người cầm hối phiếu có quyền yêu cầu thanh toán đối với người ký hậu chuyển nhượng, người ký phát và những người có nghĩa vụ khác:

1. Nếu vào ngày đến hạn thanh toán mà hối phiếu không được thanh toán;
2. Ngay cả trước ngày đến hạn thanh toán:
 - a) Nếu hối phiếu bị từ chối chấp nhận toàn bộ hoặc một phần;
 - b) Trong trường hợp người bị ký phát, đã được chấp nhận hoặc chưa chấp nhận, đang bị áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thủ

tục thanh lý hoặc trong trường hợp lâm vào tình trạng phá sản dù chưa có bản án của Tòa án xác nhận tình trạng đó, hoặc trong trường hợp việc kê biên tài sản của người bị ký phát không thực hiện được;

c) Trong trường hợp hồi phiếu không thể được xuất trình để chấp nhận và người ký phát đang bị áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thủ tục thanh lý.

II. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày bị yêu cầu thanh toán, những người có nghĩa vụ bảo đảm bị yêu cầu thanh toán trong các trường hợp quy định tại các điểm b và c Khoản I Điều này, có quyền nộp đơn yêu cầu Chánh án Tòa Thương mại sơ thẩm nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của mình cho hưởng thời gian ân hạn. Nếu thấy yêu cầu này có căn cứ thì Chánh án Tòa Thương mại sơ thẩm quyết định thời hạn để những người có nghĩa vụ bảo đảm thanh toán hồi phiếu, nhưng thời hạn này không được vượt quá ngày đến hạn thanh toán hồi phiếu đã được quy định. Quyết định này không thể bị kháng cáo.

Điều L511-39

Việc hồi phiếu bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán phải được xác nhận bằng một văn bản công chứng gọi là văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán.

Văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối chấp nhận phải được lập trong thời hạn xuất trình hồi phiếu để chấp nhận. Trong trường hợp quy định tại Đoạn 1 Điều L511-16, nếu hồi phiếu được xuất trình lần đầu vào ngày cuối cùng của thời hạn thì vẫn có thể lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối vào ngày hôm sau của ngày đó.

Đối với hồi phiếu có thời hạn thanh toán là một ngày xác định cụ thể hoặc sau một thời hạn nhất định kể từ ngày phát hành hoặc ngày xuất trình, văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối thanh toán phải được lập trong thời hạn 2 ngày làm việc

sau ngày đến hạn thanh toán hối phiếu. Đối với hối phiếu phải được thanh toán ngay khi xuất trình, văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán phải được lập theo quy định tại Đoạn trên về lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối chấp nhận.

Khi có văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối chấp nhận thì không cần xuất trình hối phiếu để thanh toán và không cần lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán.

Trong trường hợp người bị ký phát, đã chấp nhận hay chưa chấp nhận, lâm vào tình trạng ngừng thanh toán, hoặc trong trường hợp việc kê biên tài sản của người bị ký phát không thực hiện được thì người cầm hối phiếu chỉ có quyền yêu cầu thanh toán sau khi xuất trình hối phiếu cho người bị ký phát để thanh toán và sau khi lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán.

Trong trường hợp người bị ký phát, đã chấp nhận hay chưa chấp nhận, đang bị áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thủ tục thanh lý tài sản hoặc trong trường hợp hối phiếu không thể được xuất trình để chấp nhận và người ký phát đang bị áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thủ tục thanh lý tài sản thì khi quyết định tuyên bố mở thủ tục của Tòa án được xuất trình, người cầm hối phiếu có thể tiến hành yêu cầu thanh toán.

Điều L511-40

Trong trường hợp người cầm hối phiếu chấp nhận thanh toán bằng séc thông thường, bằng uỷ nhiệm chi tại Ngân hàng Quốc gia Pháp hoặc bằng séc bưu chính, thì séc hoặc uỷ nhiệm chi phải ghi số lượng và thời hạn các thương phiếu được thanh toán. Yêu cầu này không áp dụng đối với séc và uỷ nhiệm chi được lập để thanh toán số dư của các giao dịch được thực hiện giữa các ngân hàng với nhau thông qua một phòng thanh toán bù trừ.

Nếu hối phiếu được thanh toán bằng séc thông thường mà séc này không được thanh toán, thì văn bản xác nhận séc bị từ

chối thanh toán được thông báo tới địa điểm thanh toán hồi phiếu trong thời hạn quy định tại Điều 41 Sắc luật ngày 30 năm 10 năm 1935 về thống nhất pháp luật về séc và về thẻ thanh toán. Văn bản xác nhận séc bị từ chối thanh toán và văn bản thông báo về việc séc bị từ chối thanh toán do một Thừa phát lại lập, trừ trường hợp do các lý do về thẩm quyền theo lãnh thổ, hai văn bản đó phải do hai Thừa phát lại khác nhau lập.

Trong trường hợp hồi phiếu được thanh toán bằng uỷ nhiệm chi mà uỷ nhiệm chi bị Ngân hàng Quốc gia Pháp từ chối thanh toán, hoặc trong trường hợp hồi phiếu được thanh toán bằng séc bưu chính mà séc bưu chính bị Trung tâm séc bưu chính, nơi nắm giữ tài khoản phải ghi nợ, từ chối, thì việc không thực hiện uỷ nhiệm chi hoặc séc bưu chính đó phải được thông báo bằng văn bản tới địa chỉ của người phát hành uỷ nhiệm chi hoặc séc bưu chính trong thời hạn 8 ngày kể từ ngày phát hành. Văn bản thông báo này phải do công chứng viên hoặc Thừa phát lại lập.

Điều L511-41

Trong trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn lập văn bản thông báo về việc không thực hiện uỷ nhiệm chi hoặc séc bưu chính là ngày nghỉ lễ thì thời hạn đó được kéo dài sang ngày làm việc tiếp theo. Những ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ cuối tuần nằm trong thời hạn thì không được tính bù. Những ngày khác mà pháp luật hiện hành quy định không được yêu cầu thanh toán hoặc không được lập văn bản xác nhận từ chối thì cũng được coi là những ngày nghỉ lễ.

Khi nhận được thông báo về việc không thực hiện uỷ nhiệm chi hoặc séc bưu chính, nếu không thanh toán hồi phiếu và chi phí lập thông báo này cũng như chi phí lập văn bản xác nhận séc bị từ chối, nếu có, thì người bị ký phát phải trả lại hồi phiếu cho nhân viên tư pháp lập văn bản đó. Nhân viên tư pháp này phải lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối thanh toán ngay lập tức.

Nếu người bị ký phát không trả lại hồi phiếu cho nhân viên tư pháp thì phải lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối ngay lập tức, trong đó cũng xác nhận hồi phiếu bị từ chối trả lại. Trong trường hợp này, người thứ ba cầm hồi phiếu không phải tuân thủ các quy định tại các điều L511-33 và L511-34.

Từ chối trả lại hồi phiếu bị coi là một tội và bị áp dụng các hình phạt quy định tại các điều 314-1 và 314-10 Bộ luật Hình sự.

Điều L511-42

Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối hoặc kể từ ngày xuất trình hồi phiếu trong trường hợp hồi phiếu có điều khoản về không lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối, người cầm hồi phiếu phải thông báo cho người ký hậu chuyển nhượng cho mình về việc hồi phiếu bị từ chối.

Trong trường hợp hồi phiếu ghi tên và địa chỉ của người ký phát, công chứng viên và Thừa phát lại phải thông báo bằng thư bảo đảm qua đường bưu điện cho người ký phát biết lý do của việc hồi phiếu bị từ chối thanh toán, trong thời hạn 48 tiếng kể từ khi đăng ký, và phải bồi thường thiệt hại nếu không tuân thủ nghĩa vụ này. Khi thực hiện thủ tục thông báo bằng thư bảo đảm như trên, công chứng viên và Thừa phát lại được hưởng một khoản tiền thù lao theo quy định của pháp luật và được hoàn trả cước phí thư bảo đảm.

Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, mỗi người ký hậu chuyển nhượng phải thông báo cho người ký hậu chuyển nhượng cho mình về việc hồi phiếu bị từ chối, kèm theo tên và địa chỉ của những người đã thông báo trước đó. Việc thông báo này được thực hiện cho đến khi người ký phát nhận được thông báo về việc hồi phiếu bị từ chối.

Thời hạn quy định tại đoạn trên được tính từ ngày nhận được thông báo trước đó.

Nếu thông báo được gửi cho một bên ký kết hồi phiếu theo

quy định tại đoạn trên thì cũng phải được gửi cho người bảo lãnh của bên ký kết đó trong cùng thời hạn.

Trong trường hợp người ký hậu chuyển nhượng không ghi địa chỉ hoặc có ghi địa chỉ nhưng không thể đọc được, thì chỉ cần thông báo việc hồi phiếu bị từ chối cho người ký hậu chuyển nhượng trước đó.

Việc thông báo có thể được thực hiện dưới mọi hình thức, kể cả bằng việc gửi trả hồi phiếu.

Người gửi thông báo phải chứng minh việc gửi thông báo đúng thời hạn.

Người gửi thông báo được coi là tuân thủ thời hạn quy định nếu thư thông báo được gửi đến bưu điện trong thời hạn đó.

Người nào không gửi thông báo đúng thời hạn nêu trên thì không bị mất quyền đối với hồi phiếu nhưng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự chậm trễ của mình gây ra, nếu có, nhưng giá trị tiền bồi thường không được vượt quá giá trị số tiền ghi trên hồi phiếu.

Điều L511-43

Người ký phát, người ký hậu chuyển nhượng và người bảo lãnh có thể ghi vào hồi phiếu điều khoản “không lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối” hoặc một điều khoản tương tự khác kèm theo chữ ký của mình. Trong trường hợp này, người cầm hồi phiếu có quyền yêu cầu thanh toán mà không phải lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán.

Trong trường hợp hồi phiếu có điều khoản “không lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối”, người cầm hồi phiếu vẫn phải có nghĩa vụ xuất trình hồi phiếu đúng thời hạn và vẫn phải tiến hành thủ tục thông báo về việc hồi phiếu bị từ chối.

Người nào cho rằng người cầm hồi phiếu không tuân thủ các quy định về thời hạn thì phải đưa ra chứng cứ để chứng minh.

Nếu điều khoản “không lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối” do người ký phát đưa ra thì có hiệu lực đối với tất cả các bên ký kết hồi phiếu. Nếu điều khoản này do người ký hậu chuyển nhượng hoặc người bảo lãnh đưa ra thì chỉ có hiệu lực đối với những người đó. Nếu người ký phát đã ghi điều khoản đó trong hồi phiếu nhưng người cầm hồi phiếu vẫn tiến hành lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối, thì người cầm hồi phiếu phải chịu mọi chi phí của việc lập văn bản đó. Nếu người ký hậu chuyển nhượng hoặc người bảo lãnh đã ghi điều khoản đó trong hồi phiếu, nhưng người cầm hồi phiếu vẫn tiến hành lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối, thì chi phí của việc lập văn bản đó có thể do tất cả các bên ký kết chịu.

Điều L511-44

Người ký phát, người chấp nhận, người ký hậu chuyển nhượng và người bảo lãnh phải liên đới chịu trách nhiệm đối với người cầm hồi phiếu.

Người cầm hồi phiếu có quyền yêu cầu riêng hoặc chung đối với những người nêu trên mà không phải tuân thủ thứ tự hình thành nghĩa vụ của những người đó.

Người ký kết hồi phiếu đã thanh toán hồi phiếu thì cũng có quyền nêu trên.

Việc yêu cầu đối với một người có nghĩa vụ không cản trở việc yêu cầu đối với những người có nghĩa vụ khác, kể cả những người có nghĩa vụ hình thành sau nghĩa vụ của người bị yêu cầu đầu tiên.

Điều L511-45

I. Khi thực hiện quyền yêu cầu, người cầm hồi phiếu có quyền yêu cầu:

1. Số tiền ghi trên hồi phiếu không được chấp nhận hoặc không được thanh toán, kèm theo tiền lãi nếu trong hồi phiếu có quy định về tiền lãi;

2. Tiền lãi suất theo pháp luật tính từ ngày hồi phiếu đến hạn thanh toán;

3. Chi phí lập văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối, chi phí thông báo và các chi phí khác.

II. Nếu việc yêu cầu được tiến hành trước ngày đến hạn thanh toán hồi phiếu thì yêu cầu thanh toán phải trừ đi một khoản chiết khấu trên số tiền ghi trên hồi phiếu theo tỷ lệ chiết khấu chính thức do Ngân hàng Quốc gia Pháp quy định vào ngày yêu cầu và tại nơi cư trú của người cầm hồi phiếu.

Điều L511-46

Người đã thanh toán hồi phiếu có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ bảo đảm đối với mình :

1. Toàn bộ số tiền mà mình đã trả để thanh toán hồi phiếu;
2. Tiền lãi trên số tiền đã thanh toán kể từ ngày thanh toán hồi phiếu, theo lãi suất do pháp luật quy định;
3. Các chi phí đã trả.

Điều L511-47

Người có nghĩa vụ bị yêu cầu hoặc có thể bị yêu cầu có quyền yêu cầu giao lại hồi phiếu kèm theo văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối và văn bản xác nhận hồi phiếu đã được thanh toán khi thanh toán hồi phiếu.

Người ký hậu chuyển nhượng đã thanh toán hồi phiếu có quyền gạch bỏ nội dung ký hậu chuyển nhượng mà mình đã ghi trên hồi phiếu, cũng như những nội dung ký hậu chuyển nhượng tiếp theo đó.

Điều L511-48

Trong trường hợp yêu cầu sau khi hồi phiếu đã được thanh toán một phần thì người nào đã thanh toán phần tiền không được chấp nhận có quyền yêu cầu ghi nội dung thanh toán này vào hồi phiếu và được xác nhận về việc thanh toán đó. Người

cầm hối phiếu cũng phải giao cho người đã thanh toán một bản sao hợp lệ của hối phiếu và văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối để có thể tiến hành yêu cầu sau này.

Điều L511-49

I. Người cầm hối phiếu bị mất các quyền yêu cầu đối với người ký hậu chuyển nhượng, người ký phát và những người có nghĩa vụ khác, trừ người chấp nhận, khi hết các thời hạn để:

1. Xuất trình hối phiếu, đối với hối phiếu thanh toán ngay khi xuất trình hoặc sau một thời hạn nhất định kể từ ngày xuất trình;

2. Lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán;

3. Xuất trình hối phiếu để thanh toán trong trường hợp hối phiếu có điều khoản về không lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối.

II. Tuy nhiên, người cầm hối phiếu chỉ mất quyền yêu cầu đối với người ký phát nếu người ký phát chứng minh được mình đã nộp bảo chi cho việc thanh toán hối phiếu đến hạn. Trong trường hợp này, người cầm hối phiếu chỉ còn quyền yêu cầu đối với người bị ký phát.

III. Nếu không xuất trình hối phiếu để chấp nhận trong thời hạn do người ký phát quy định thì người cầm hối phiếu bị mất quyền yêu cầu trong trường hợp hối phiếu bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán, trừ khi theo quy định đó, người ký phát chỉ muốn được miễn trách nhiệm bảo đảm đối với việc chấp nhận hối phiếu.

IV. Nếu trong nội dung ký hậu chuyển nhượng có quy định thời hạn xuất trình hối phiếu thì chỉ có người ký hậu chuyển nhượng có quyền yêu cầu về việc thời hạn đó không được tuân thủ.

Điều L511-50

Nếu xảy ra trở ngại không thể vượt qua như quy định pháp

luật của một quốc gia về thời hiệu hoặc mọi sự kiện bất khả kháng khác mà người cầm hối phiếu không thể xuất trình hối phiếu hoặc lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối đúng thời hạn, thì thời hạn xuất trình hối phiếu hoặc thời hạn lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối được gia hạn.

Trong trường hợp này, người cầm hối phiếu phải thông báo ngay lập tức về sự kiện bất khả kháng cho người ký hậu chuyển nhượng cho mình và phải ghi thông báo này vào hối phiếu hoặc tờ phụ đính kèm hối phiếu, kèm theo ngày thông báo và chữ ký của mình. Các thủ tục tiếp theo thì áp dụng các quy định tại Điều L511-42.

Khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, người cầm hối phiếu phải xuất trình ngay lập tức hối phiếu để chấp nhận hoặc để thanh toán, và trong trường hợp cần thiết, tiến hành lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối.

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài trên 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán hối phiếu, các quyền yêu cầu có thể được tiến hành mà không cần phải xuất trình hối phiếu hoặc lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, trừ trường hợp việc yêu cầu bị tạm dừng trong một thời hạn dài hơn theo quy định tại Điều L511-61.

Đối với hối phiếu thanh toán ngay khi xuất trình hoặc sau một thời hạn nhất định kể từ ngày phát hành, thời hạn 30 ngày được tính kể từ ngày người cầm hối phiếu thông báo cho người ký hậu chuyển nhượng cho mình biết về sự kiện bất khả kháng gặp phải, dù chưa hết thời hạn xuất trình hối phiếu. Đối với hối phiếu thanh toán sau một thời hạn nhất định kể từ ngày hối phiếu được xuất trình, thời hạn 30 ngày được cộng thêm thời hạn xuất trình ghi trong hối phiếu.

Những sự kiện chỉ liên quan đến cá nhân người cầm hối phiếu hoặc người được người cầm hối phiếu uỷ quyền để xuất trình hối phiếu hoặc lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, không được coi là sự kiện bất khả kháng.

Điều L511-51

Không phụ thuộc vào các thủ tục quy định đối với việc yêu cầu bảo đảm, người cầm hối phiếu có văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán, có thể được Toà án cho phép kê biên bảo toàn các tài sản chứng khoán của người ký phát, người chấp nhận và người ký hậu chuyển nhượng.

Mục IX

VĂN BẢN XÁC NHẬN HỐI PHIẾU BỊ TỪ CHỐI

Tiểu mục 1

HÌNH THỨC

Điều L511-52

Văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán do công chứng viên hoặc Thừa phát lại lập.

Việc hối phiếu bị từ chối phải được xác nhận trong một văn bản duy nhất:

1. Tại địa chỉ của người bị ký phát hoặc tại địa chỉ cuối cùng đã được xác định của người này;
2. Tại địa chỉ của những người được chỉ định để thanh toán hối phiếu trong trường hợp cần thiết;
3. Tại địa chỉ của người thứ ba chấp nhận hối phiếu thay cho người khác.

Trong trường hợp địa chỉ ghi trong hối phiếu không đúng thì trước khi lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, phải tiến hành xác minh.

Điều L511-53

Văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối phải mô tả cụ thể hối phiếu, nội dung chấp nhận, nội dung ký hậu chuyển nhượng, nội dung yêu cầu và lệnh yêu cầu thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu. Văn bản này cũng phải nêu rõ việc có mặt hoặc không có

mặt của người có nghĩa vụ thanh toán, lý do từ chối thanh toán và việc không thể ký hoặc từ chối ký vào văn bản.

Điều L511-54

Không một văn bản nào của người cầm hối phiếu có thể thay thế văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, trừ các trường hợp quy định tại các điều từ L511-32 đến L511-37 và các điều L511-40 và L511-41.

Điều L511-55

Công chứng viên và Thừa phát lại phải giao bản sao hợp lệ của văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối cho các bên; nếu không tuân thủ quy định này thì công chứng viên và Thừa phát lại có thể bị cách chức, phải chịu phí tổn, phải bồi thường thiệt hại cho các bên. Công chứng viên và Thừa phát lại cũng phải giao trực tiếp có giấy biên nhận, hoặc gửi bằng thư bảo đảm, bản sao hợp lệ của văn bản xác nhận hối phiếu được chấp nhận, nhưng không được thanh toán hoặc lệnh phiếu không được thanh toán cho lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm hoặc Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng có thẩm quyền xét xử các vụ án thương mại tại nơi có địa chỉ của người có nghĩa vụ; nếu không tuân thủ quy định này thì công chứng viên và Thừa phát lại cũng có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt nêu trên. Thời hạn thực hiện thủ tục này là 15 ngày kể từ ngày lập văn bản.

Tiểu mục 2

CÔNG BỐ CÔNG KHAI

Điều L511-56

Lục sự Tòa án Thương mại sơ thẩm lập và cập nhật thường xuyên sổ theo dõi tình trạng của từng người có nghĩa vụ, trong đó kê khai các văn bản xác nhận về các hối phiếu đã được chấp nhận nhưng không được thanh toán, các lệnh phiếu, các séc bị từ chối thanh toán do các công chứng viên và thừa phát lại cung cấp, cũng như các văn bản xác nhận về việc không thanh toán

séc bưu chính do các trung tâm séc bưu chính cung cấp. Chính phủ quy định chi tiết các thông tin ghi trong sổ kê khai này.

Điều L511-57

Sau thời hạn một tháng kể từ ngày lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối hoặc văn bản xác nhận về việc không thanh toán séc bưu chính, và trong thời hạn một năm kể từ ngày đó, mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền yêu cầu lục sự của các toà án quy định tại các điều trên cấp trích lục sổ kê khai quy định tại Điều L511-56 và phải trả lệ phí cấp trích lục đó.

Điều L511-58

Khi người có nghĩa vụ nộp hối phiếu, văn bản xác nhận séc bưu chính bị từ chối và văn bản xác nhận về việc không thanh toán, hoặc văn bản xác nhận đã thanh toán séc, lục sự Toà án Thương mại tiến hành xoá thông báo về việc từ chối hoặc không thanh toán trên sổ kê khai quy định tại Điều L511-56.

Các giấy tờ được nộp có thể được rút ra trong thời hạn 1 năm kể từ khi hết thời hạn 1 năm quy định tại Điều L511-57. Sau thời hạn đó, lục sự không chịu trách nhiệm về các giấy tờ đó.

Điều L511-59

Nghiêm cấm phổ biến dưới mọi hình thức các thông tin trong sổ kê khai quy định tại tiểu mục này. Nếu vi phạm thì phải bồi thường thiệt hại.

Điều L511-60

Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định tại tiểu mục này, đặc biệt là các quy định về tiền thù lao của công chứng viên và thừa phát lại khi lập các văn bản xác nhận từ chối và tiền thù lao của lục sự Toà án Thương mại sơ thẩm khi tiến hành các thủ tục liên quan đến hối phiếu.

Điều L511-61

Trong trường hợp có lệnh động viên của quân đội, thiên tai, dịch họa hoặc trong trường hợp các dịch vụ công do Nhà nước trung ương hoặc chính quyền địa phương quản lý hoặc kiểm tra, giám sát bị ngưng trệ, Chính phủ có thể ra quyết định cho phép gia hạn thời hạn lập văn bản xác nhận từ chối và các văn bản khác nhằm bảo đảm quyền truy đòi, khởi kiện đối với tất cả các loại giấy tờ có giá trị trao đổi. Quyết định này có thể có hiệu lực trên một phần hoặc toàn bộ lãnh thổ quốc gia.

Thời hạn của các giấy tờ có giá trị trao đổi cũng có thể được gia hạn theo quy định nêu trên.

Mục X

THAY THẾ HỒI PHIẾU

Điều L511-62

Người nào có quyền truy đòi, khởi kiện thì được quyền yêu cầu thanh toán bằng một hồi phiếu mới gọi là hồi phiếu truy đòi được ký phát đối với một trong những người có nghĩa vụ bảo đảm đối với mình và được thanh toán ngay khi xuất trình tại địa chỉ của người này, trừ trường hợp có quy định khác trong hồi phiếu.

Số tiền thanh toán trên hồi phiếu truy đòi bao gồm các số tiền quy định tại các điều L511-45 và L511-46, phí trung gian và lệ phí hồi phiếu truy đòi.

Nếu hồi phiếu truy đòi do người cầm hồi phiếu ký phát thì số tiền ghi trên hồi phiếu này được xác định theo thời giá của loại hồi phiếu được thanh toán ngay khi xuất trình và được ký phát tại nơi hồi phiếu đầu tiên được thanh toán; thời giá này là thời giá áp dụng tại nơi có địa chỉ của người có nghĩa vụ bảo đảm việc thanh toán. Nếu hồi phiếu truy đòi do người ký hậu chuyển nhượng ký phát thì số tiền ghi trên hồi phiếu này được xác định

theo thời giá của loại hối phiếu được thanh toán ngay khi xuất trình và được ký phát tại nơi có địa chỉ của người ký phát hối phiếu truy đòi; thời giá này là thời giá áp dụng tại nơi có địa chỉ của người có nghĩa vụ bảo đảm việc thanh toán.

Điều L511-63

Việc thanh toán hối phiếu truy đòi được thực hiện thống nhất trên lãnh thổ lục địa của Pháp như sau: 0,25% tại thủ phủ của tỉnh, 0,50% tại thủ phủ của quận, 0,75 % tại bất kỳ nơi nào khác.

Không được ký phát hối phiếu truy đòi trong cùng một tỉnh.

Điều L511-64

Không được cùng thực hiện nhiều thay đổi hối phiếu.

Người ký phát và người ký hậu chuyển nhượng chỉ phải chịu trách nhiệm về một hối phiếu truy đòi duy nhất.

Mục XI

CHẤP NHẬN, THANH TOÁN HỐI PHIẾU THAY CHO NGƯỜI KHÁC

Điều L511-65

Người ký phát, người ký hậu chuyển nhượng hoặc người bảo lãnh có thể chỉ định một người để chấp nhận hoặc thanh toán hối phiếu trong trường hợp cần thiết.

Theo các điều kiện quy định dưới đây, một người có thể chấp nhận hoặc thanh toán hối phiếu thay cho bất kỳ người có nghĩa vụ nào có thể bị truy đòi, khởi kiện.

Người chấp nhận hoặc thanh toán thay có thể là một người thứ ba hoặc chính là người bị ký phát hoặc một người có nghĩa vụ theo nội dung của hối phiếu, trừ người chấp nhận.

Người chấp nhận hoặc thanh toán thay phải thông báo việc chấp nhận hoặc thanh toán đó cho người được chấp nhận hoặc thanh toán thay trong thời hạn 2 ngày làm việc. Nếu không tuân

thủ thời hạn này thì người chấp nhận hoặc thanh toán thay phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự chậm trễ của mình gây ra, nhưng giá trị tiền bồi thường không được vượt quá số tiền ghi trên hối phiếu.

Tiểu mục 1

CHẤP NHẬN HỐI PHIẾU THAY CHO NGƯỜI KHÁC

Điều L511-66

Việc chấp nhận thay có thể được thực hiện trong mọi trường hợp mà người cầm hối phiếu có thể thực hiện quyền truy đòi, khởi kiện trước khi đến hạn thanh toán hối phiếu, với điều kiện hối phiếu đó phải là hối phiếu có thể được chấp nhận.

Nếu hối phiếu chỉ định một người để chấp nhận hoặc thanh toán hối phiếu trong trường hợp cần thiết tại địa điểm thanh toán hối phiếu thì, trước khi đến hạn thanh toán hối phiếu, người cầm hối phiếu không có quyền truy đòi, khởi kiện đối với người chỉ định việc chấp nhận hoặc thanh toán đó và đối với những người ký kết sau đó, trừ trường hợp đã xuất trình hối phiếu cho người được chỉ định nhưng người này từ chối chấp nhận và việc từ chối chấp nhận đó đã được xác nhận bằng văn bản.

Trong các trường hợp khác, người cầm hối phiếu có quyền từ chối việc chấp nhận thay.

Nếu chấp nhận việc chấp nhận thay thì người cầm hối phiếu mất quyền truy đòi, khởi kiện trước khi đến hạn thanh toán hối phiếu đối với người được chấp nhận thay và đối với những người ký kết sau đó.

Việc chấp nhận thay được ghi trên hối phiếu và phải có chữ ký của người chấp nhận thay. Việc chấp nhận thay phải ghi tên người được chấp nhận thay; nếu thiếu nội dung này thì được coi là chấp nhận thay cho người ký phát.

Người chấp nhận thay có nghĩa vụ đối với người cầm hối phiếu và đối với những người ký hậu chuyển nhượng tiếp sau người được chấp nhận thay. Trong trường hợp này, người chấp

nhận thay có nghĩa vụ tương tự như người được chấp nhận thay.

Mặc dù có việc chấp nhận thay, người được chấp nhận thay và những người có nghĩa vụ bảo đảm đối với người này vẫn có quyền thanh toán số tiền quy định tại Điều L511-45 và yêu cầu người cầm hối phiếu giao lại cho mình hối phiếu, văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối và văn bản xác nhận thanh toán, nếu có.

Tiểu mục 2

THANH TOÁN HỐI PHIẾU THAY CHO NGƯỜI KHÁC

Điều L511-67

Việc thanh toán thay có thể được thực hiện trong mọi trường hợp mà người cầm hối phiếu có thể thực hiện quyền truy đòi, khởi kiện khi hoặc trước khi đến hạn thanh toán hối phiếu.

Việc thanh toán thay phải bảo đảm thanh toán toàn bộ số tiền mà lẽ ra người được thanh toán thay phải thanh toán.

Việc thanh toán thay phải được thực hiện chậm nhất vào ngày hôm sau của ngày cuối cùng của thời hạn lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán.

Điều L511-68

Nếu người chấp nhận thay có địa chỉ tại nơi thanh toán hối phiếu hoặc nếu những người được chỉ định để thanh toán trong trường hợp cần thiết có địa chỉ tại nơi thanh toán hối phiếu thì người cầm hối phiếu phải xuất trình hối phiếu cho tất cả những người này, và trong trường hợp cần thiết, tiến hành lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán chậm nhất vào ngày hôm sau của ngày cuối cùng của thời hạn lập văn bản xác nhận đó.

Nếu văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thanh toán không được lập trong thời hạn quy định thì người chỉ định việc chấp nhận thay hoặc người được chấp nhận thay và những người ký hậu chuyển nhượng sau đó hết nghĩa vụ đối với hối phiếu.

Điều L511-69

Nếu không chấp nhận việc thanh toán thay thì người cầm

hồi phiếu mất quyền truy đòi, khởi kiện đối với những người đáng nhẽ được giải phóng nghĩa vụ do được thanh toán thay.

Điều L511-70

Việc thanh toán thay phải được xác nhận trên hồi phiếu và phải ghi tên người được thanh toán thay. Nếu không ghi tên người được thanh toán thay thì được coi là thanh toán thay cho người ký phát.

Hồi phiếu và văn bản xác nhận hồi phiếu bị từ chối thanh toán, nếu có, phải được giao lại cho người thanh toán thay.

Điều L511-71

Người thanh toán thay có các quyền phát sinh từ hồi phiếu đối với người được thanh toán thay và những người có nghĩa vụ đối với người này theo nội dung của hồi phiếu. Tuy nhiên, người thanh toán thay không có quyền ký hậu chuyển nhượng tiếp hồi phiếu.

Những người ký hậu chuyển nhượng tiếp sau người ký kết được thanh toán thay, hết nghĩa vụ đối với hồi phiếu.

Trong trường hợp có nhiều người thanh toán thay, người nào thực hiện được nhiều nghĩa vụ nhất đối với hồi phiếu thì được ưu tiên. Người nào thanh toán thay mà biết là việc thanh toán đó trái với quy định nêu trên thì mất quyền truy đòi, khởi kiện đối với những người được giải phóng nghĩa vụ do được thanh toán thay.

Mục XII

NHIỀU BẢN HỒI PHIẾU VÀ BẢN SAO HỒI PHIẾU

Tiểu mục I

NHIỀU BẢN HỒI PHIẾU

Điều L511-72

Một hồi phiếu có thể được phát hành thành nhiều bản tương tự như nhau.

Trong trường hợp hồi phiếu được phát hành thành nhiều bản tương tự như nhau, các bản này phải được ghi số thứ tự

trên hồi phiếu. Nếu không được ghi số thứ tự trên hồi phiếu thì mỗi bản hồi phiếu được coi là một hồi phiếu riêng biệt.

Nếu trong hồi phiếu không ghi rõ là hồi phiếu đó chỉ được phát hành một bản duy nhất thì người cầm hồi phiếu có quyền yêu cầu được cấp nhiều bản hồi phiếu và trả chi phí cho việc cấp các bản hồi phiếu đó. Nhằm mục đích này, người cầm hồi phiếu phải gửi yêu cầu cho người ký hậu chuyển nhượng cho mình để người này gửi yêu cầu cho người ký hậu chuyển nhượng trước đó. Việc yêu cầu này được thực hiện cho đến khi người ký phát nhận được yêu cầu. Những người ký hậu chuyển nhượng phải tiến hành lại việc ký hậu chuyển nhượng trên các bản hồi phiếu mới.

Điều L511-73

Việc thanh toán một bản hồi phiếu làm chấm dứt các nghĩa vụ đối với hồi phiếu, ngay cả khi trong hồi phiếu không quy định là việc thanh toán một bản hồi phiếu làm chấm dứt hiệu lực của các bản hồi phiếu khác. Tuy nhiên, người bị ký phát vẫn có nghĩa vụ đối với các bản hồi phiếu đã chấp nhận nhưng chưa được giao lại.

Người ký hậu chuyển nhượng đã chuyển các bản hồi phiếu cho nhiều người và những người ký hậu chuyển nhượng tiếp theo có nghĩa vụ đối với tất cả các bản hồi phiếu có chữ ký của mình và chưa được giao lại.

Điều L511-74

Người nào đã gửi một bản hồi phiếu để chấp nhận thì phải ghi trên những bản còn lại tên của người đang giữ bản hồi phiếu đã gửi. Người giữ bản hồi phiếu này phải giao lại bản hồi phiếu đó cho người cầm giữ hợp pháp một bản hồi phiếu khác. Nếu không được giao lại thì người cầm hồi phiếu chỉ được quyền truy đòi, khởi kiện sau khi đã lập văn bản xác nhận về việc:

1. Chưa được giao lại bản hồi phiếu đã được gửi để chấp nhận mặc dù đã có yêu cầu giao lại;
2. Một bản hồi phiếu khác đã không được chấp nhận hoặc không được thanh toán.

Điều L511-75

Người cầm hồi phiếu có quyền lập nhiều bản sao hồi phiếu.

Bản sao phải có nội dung chính xác như bản gốc, kể cả các nội dung ký hậu chuyển nhượng và mọi thông tin khác có trong bản gốc. Mỗi bản sao phải ghi rõ phần kết thúc của bản sao đó.

Bản sao cũng có thể được ký hậu chuyển nhượng và bảo lãnh theo cách thức và có hiệu lực pháp lý tương tự như bản gốc.

Điều L511-76

Bản sao phải ghi tên người giữ bản gốc. Người giữ bản gốc phải giao bản gốc cho người cầm giữ hợp pháp bản sao hồi phiếu.

Nếu người giữ bản gốc không giao bản gốc này cho người cầm giữ hợp pháp bản sao hồi phiếu thì người cầm giữ hợp pháp bản sao hồi phiếu chỉ được quyền truy đòi, khởi kiện đối với những người ký hậu chuyển nhượng hoặc người bảo lãnh bản sao hồi phiếu sau khi đã tiến hành lập văn bản xác nhận về việc chưa được giao bản gốc mặc dù đã có yêu cầu.

Nếu sau lần ký hậu chuyển nhượng cuối cùng trước khi lập bản sao mà trên bản gốc hồi phiếu có ghi: “từ nay trở đi, việc ký hậu chuyển nhượng chỉ có giá trị trên bản sao” hoặc một cụm từ tương đương khác thì việc ký hậu chuyển nhượng sau đó trên bản gốc không có giá trị.

Mục XIII

CHỮA HỒI PHIẾU

Điều L511-77

Trong trường hợp sửa chữa hồi phiếu thì những người ký kết sau khi hồi phiếu bị sửa chữa có nghĩa vụ theo nội dung sửa chữa. Những người ký kết trước đó có nghĩa vụ theo nội dung của hồi phiếu gốc.

Mục XIV
THỜI HIỆU

Điều L511-78

Thời hiệu khởi kiện đối với người chấp nhận là 3 năm kể từ ngày đến hạn thanh toán hối phiếu.

Thời hiệu khởi kiện của người cầm hối phiếu đối với người ký hậu chuyển nhượng và người ký phát là 1 năm kể từ ngày văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối được xác lập trong thời gian hợp lý hoặc kể từ ngày đến hạn thanh toán hối phiếu trong trường hợp hối phiếu có điều khoản về việc không lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối.

Thời hiệu khởi kiện của người ký hậu chuyển nhượng này đối với người ký hậu chuyển nhượng khác và người ký phát là 6 tháng kể từ ngày người ký hậu chuyển nhượng đã thanh toán hối phiếu hoặc bị yêu cầu.

Trong trường hợp đã tiến hành khởi kiện trước Tòa án thì thời hiệu khởi kiện chỉ được tính từ ngày tiến hành việc khởi kiện gần nhất. Thời hiệu không áp dụng trong trường hợp đã có bản án hoặc nếu khoản nợ đã được thừa nhận bằng một văn bản riêng.

Việc đình chỉ thời hiệu chỉ có hiệu lực đối với người mà hành vi làm đình chỉ thời hiệu được thực hiện đối với người đó.

Tuy nhiên, nếu có yêu cầu khẳng định về việc đã hết nghĩa vụ thì những người có nghĩa vụ phải khẳng định điều đó dưới hình thức lời thề, và người vợ hoặc chồng còn sống, người thừa kế của những người có nghĩa vụ cũng phải khẳng định điều đó một cách ngay tình.

Mục XV
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều L511-79

Nếu thời hạn thanh toán hối phiếu là ngày nghỉ lễ thì chỉ được yêu cầu thanh toán vào ngày làm việc tiếp sau ngày đó.

Mọi hành vi khác liên quan đến hối phiếu, đặc biệt là việc xuất trình hối phiếu để chấp nhận và việc lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, chỉ được thực hiện vào một ngày làm việc.

Trong trường hợp hành vi liên quan đến hối phiếu phải được thực hiện trong một thời hạn mà ngày cuối cùng của thời hạn đó là ngày nghỉ lễ thì thời hạn đó được kéo dài cho đến ngày làm việc tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn đó. Những ngày nghỉ lễ nằm trong thời hạn thì không được tính bù.

Điều L511-80

Những ngày mà pháp luật hiện hành quy định không được yêu cầu thanh toán hoặc không được lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối thì cũng được coi là những ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ cuối tuần.

Điều L511-81

Các thời hạn do pháp luật quy định hoặc do các bên thoả thuận không bao gồm ngày bắt đầu tính thời hạn.

Các ngày ân hạn do pháp luật quy định hoặc do Tòa án quyết định không được công nhận, trừ các trường hợp quy định tại các điều L511-38 và L511-50.

Chương II

LỆNH PHIẾU

Điều L512-1

I. **Lệnh phiếu** bao gồm các nội dung sau:

1. **Lệnh thanh toán** hoặc từ “**lệnh phiếu**” được ghi trên lệnh phiếu bằng cùng ngôn ngữ với ngôn ngữ của lệnh phiếu;
2. Cam kết chi trả không điều kiện một số tiền xác định;
3. Thời hạn thanh toán lệnh phiếu;
4. Địa điểm thanh toán lệnh phiếu được thực hiện ;

5. Tên của người được thanh toán hoặc được quyền yêu cầu thanh toán;

6. Ngày và địa điểm ký phát hành;

7. Chữ ký của người phát hành lệnh phiếu, sau đây gọi là người phát hành.

II. Nếu lệnh phiếu không ghi thời hạn thanh toán thì được coi là lệnh phiếu thanh toán ngay khi xuất trình.

III. Nếu không có quy định khác thì địa điểm phát hành lệnh phiếu được coi là địa điểm thanh toán lệnh phiếu và đồng thời là địa chỉ của người phát hành.

IV. Nếu lệnh phiếu không ghi địa điểm phát hành thì được coi là được phát hành tại địa điểm ghi bên cạnh tên người phát hành.

Điều L512-2

Lệnh phiếu thiếu một trong các nội dung quy định tại Khoản I Điều L512-1 không có giá trị, trừ các trường hợp quy định tại Khoản II đến Khoản IV Điều L512-1.

Điều L512-3

Các điều từ L511-2 đến L511-5, từ L511-8 đến L511-14, L511-18, từ L511-22 đến L511-47, L511-49 đến L511-55, L511-62 đến L511-65, L511-67 đến L511-71, L511-75 đến L511-81 về hối phiếu, được áp dụng đối với lệnh phiếu, trừ những quy định không phù hợp với tính chất của lệnh phiếu.

Điều L512-4

Điều L511-21 về bảo lãnh cũng được áp dụng đối với lệnh phiếu. Trong trường hợp quy định tại Đoạn 6 Điều này, nếu nội dung bảo lãnh không ghi người được bảo lãnh thì được coi là bảo lãnh cho người phát hành.

Điều L512-5

Các điều từ L511-56 đến L511-61 về công bố công khai và

gia hạn thời hạn lập văn bản xác nhận hối phiếu bị từ chối, được áp dụng đối với văn bản xác nhận lệnh phiếu bị từ chối thanh toán.

Điều L512-6

Người phát hành có các nghĩa vụ đối với lệnh phiếu tương tự như các nghĩa vụ của người chấp nhận hối phiếu đối với hối phiếu.

Điều L512-7

Lệnh phiếu thanh toán sau một thời hạn nhất định kể từ ngày xuất trình phải được xuất trình để người phát hành xác nhận trong thời hạn quy định tại Điều L511-15. Thời hạn xuất trình để thanh toán được tính từ ngày lệnh phiếu được người phát hành ký xác nhận trên lệnh phiếu. Nếu người phát hành từ chối ký xác nhận trên lệnh phiếu và ghi ngày thì việc từ chối đó phải được xác nhận bằng văn bản. Trong trường hợp này, ngày lập văn bản xác nhận lệnh phiếu bị từ chối là ngày bắt đầu tính thời hạn xuất trình để thanh toán.

Điều L512-8

Người có nghĩa vụ chỉ được quyền thanh toán bằng lệnh phiếu trong trường hợp các bên đã thoả thuận rõ ràng và ghi nhận phương thức thanh toán này trong hoá đơn. Trong trường hợp này, nếu sau 30 ngày kể từ ngày gửi hoá đơn mà người có quyền không nhận được lệnh phiếu thì có quyền ký phát một hối phiếu và người có nghĩa vụ phải chấp nhận hối phiếu đó theo quy định tại hai đoạn cuối của Điều L511-15. Mọi quy định khác không có giá trị.